



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2011

Cụm CN Vàm Cống, QL 80, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382  
Email: [idlseafood@vnn.vn](mailto:idlseafood@vnn.vn)  
Website: [idlseafood.com](http://idlseafood.com)

## MỤC LỤC

### **Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT**

### **LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG**

#### **I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG**

- 1.1 Thành lập
- 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ
- 1.3 Các sự kiện khác

#### **II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

- 2.1 Ngành nghề kinh doanh
- 2.2 Tình hình hoạt động

#### **III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

- 3.1 Các mục tiêu chính của công ty
- 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH**

#### **II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM**

#### **III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2011**

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

- 1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 1.2 Tài sản
- 1.3 Nguồn vốn
- 1.4 Chỉ số thanh toán & hiệu quả sử dụng vốn

#### **II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

- 2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ
- 2.2 Nguyên vật liệu
- 2.3 Chi phí sản xuất
- 2.4 Trình độ công nghệ
- 2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới
- 2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ
- 2.7 Hoạt động Marketing
- 2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)
- 2.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

#### **III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

- 4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

4.2 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY**

I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

II/ LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

2.1 Hội đồng quản trị

2.2 Ban Tổng giám đốc

2.3 Ban kiểm soát

III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

IV/ NGUỒN NHÂN LỰC

4.1 Lực lượng lao động

4.2 Chính sách đối với người lao động

4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

## **THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Hội đồng quản trị

1.2 Ban kiểm soát

II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

2.2 Danh sách cổ đông sáng lập

2.3 Cơ cấu cổ đông

2.4 Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát đối với IDI

2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát

## THƯ NGỎ

### CỦA CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI



*Kính thưa quý cổ đông!*

Năm 2011 được xem là một năm đầy khó khăn trên cả phương diện kinh tế vĩ mô và gốc độ vi mô. Những biến động trên thị trường thế giới mà tâm điểm là cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực EU cũng cho thấy một bức tranh không mấy tích cực. Thị trường chứng khoán Việt Nam, với vai trò là hàn thử biểu của nền kinh tế, đã phản ánh khá chính xác những yếu tố bất ổn về mặt cơ bản khi liên tiếp sụt giảm mạnh và nhiều khả năng chưa thể sớm phục hồi bền vững trong ngắn hạn.

- Lạm phát tăng nhanh, thanh khoản ngân hàng gặp nhiều khó khăn dẫn đến mặt bằng lãi suất duy trì ở mức cao trong cả năm 2011. Đây còn là hệ quả cộng hưởng của các chính sách điều hành tiền tệ trong những năm trước. Năm 2012 dự báo lạm phát sẽ hạ nhiệt nhằm từng bước điều chỉnh giảm mặt bằng lãi suất.

- Tỷ giá có mức điều chỉnh từ tháng 3/2011, tuy nhiên do nhập siêu giảm, kiều hối tăng đã giúp tỷ giá duy trì ổn định những tháng cuối năm. Trên thực tế VND đi ngược xu hướng tăng giá của đồng tiền các nước trong khu vực và chỉ suy yếu đáng kể so với USD. Năm 2012 sẽ không có biến động quá mạnh về tỷ giá, do NHNN sẽ không có áp lực điều hành tăng tỷ giá nhằm hỗ trợ xuất khẩu.

- Thị trường chứng khoán trải qua giai đoạn lao dốc mạnh trong năm 2011, do sự hạn chế của cả dòng tiền ngoại và dòng tiền nội khi bối cảnh kinh tế vĩ mô và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Năm 2012, những yếu tố bất ổn này vẫn sẽ là nhân tố chính chi phối xu hướng thị trường và có những tác động của các thông tin liên quan đến lạm phát và diễn biến lãi suất.

- Với tình hình lạm phát ở mức một con số 8-9% trong năm 2012 thì NHNN sẽ duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, khi mà rủi ro lạm phát vẫn luôn thường trực. Tuy nhiên, có khả năng nới lỏng vào đầu quý 2/2012 nhưng vẫn được kiểm soát chặt nhằm cân bằng giữa tăng trưởng và lạm phát.

- Việc giảm lãi suất là yếu tố rủi ro tiềm ẩn của dòng tiền và hệ thống ngân hàng nhỏ. Mặt khác, lãi suất cho vay có cơ sở điều chỉnh giảm về 15-16% và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn khả thi hơn trong năm 2012. Mặc nhiên là NHNN sẽ tập trung vốn vào các ngành sản xuất nhằm tăng tín hiệu quả của dòng vốn và tình hình thiếu vốn đặc biệt đối với doanh nghiệp phi sản xuất vẫn còn tiếp diễn.

- Năm 2012, dòng tiền của nền kinh tế sẽ có sự dịch chuyển tích cực hơn năm 2011 và sẽ tăng đầu tư vào các kênh có khả năng sinh lời cao hơn. Chẳng hạn, dòng tiền nội sẽ chuyển dịch phần nào từ tiền gửi và các kênh đầu tư mạo hiểm như TTCK và bất động sản.

- Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới, khiến nhiều quốc gia bị hạ bậc xếp hạng tín dụng; rủi ro lạm phát trong những tháng đầu năm làm cho nhu cầu đầu tư trên thế giới giảm. Nhu cầu bảo toàn vốn được ưu tiên hàng đầu, do vậy dòng tiền mới khó huy động hơn để tiếp cận vào các thị trường đang phát triển như Việt Nam. Mặt khác, tác động tích cực của gói kích cầu từ năm 2009 và dư âm của nó đã không còn cho đến thời điểm hiện tại. Từ đó, một trong những lý do chính khiến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp sụt giảm mạnh trong năm 2011 là gánh nặng chi phí tài chính và rủi ro thanh khoản, mặt bằng lãi suất đứng ở mức cao trong cả năm nhưng nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp vẫn gia tăng đáng kể và chu kỳ sản xuất kinh doanh chậm lại so với năm 2010.

- Năm 2011, nhà đầu tư thiếu niềm tin vào thị trường chứng khoán do số lượng doanh nghiệp niêm yết mới gia tăng nhưng khả năng sinh lời sụt giảm, tạo áp lực lớn đối với diễn biến



của thị trường. Mặt khác do vốn chủ sở hữu tăng nhanh đáng kể từ khi niêm yết và một lượng tiền lớn của nhà đầu tư đã bị rút ra khi các doanh nghiệp mới niêm yết, kết quả kinh doanh sụt giảm mạnh sau khi doanh nghiệp huy động vốn thành công. Ngoài ra, thị trường chưa hấp dẫn được vốn do các rào cản về quy mô, rào cản về thanh khoản, rào cản do thông tin chưa minh bạch, quá trình đi xuống là cơ hội cho tái cấu trúc, thay đổi hành vi cho một giai đoạn phát triển mới bền vững hơn.

- Năm 2012, nếu diễn biến không thuận lợi về thanh khoản hệ thống ngân hàng tiếp tục diễn ra thì lãi suất sẽ khó hạ, nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư, người tiêu dùng không tiếp cận được vốn. Vòng xoáy cầu giảm, thị trường tài sản biến động giảm, chất lượng tài sản tại các ngân hàng giảm lại tiếp diễn. Áp lực với các đối tượng vay, các chủ nợ rất lớn trong việc duy trì giá trị tài sản thế chấp. Nếu tình hình này không sớm được cải thiện, có thể dẫn đến đợt giảm giá mạnh do các chủ nợ thực hiện bán tài sản thế chấp thu tiền về. Đây có thể là kịch bản xấu nhất với thị trường tài chính và thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Dòng vốn trong thị trường chứng khoán sẽ không bị áp lực rút như năm 2011 nhưng sẽ khó có tăng trưởng mạnh và đi cùng là quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, tái cơ cấu nợ xấu hệ thống ngân hàng sẽ có nguy cơ thu hồi vốn vay. Nhà đầu tư nước ngoài chịu áp lực phải rút tiền khỏi thị trường niêm yết, trong khi dòng tiền mới lại tìm cách tiếp cận khác thông qua kênh M&A, phát hành cho đối tác chiến lược, nhằm tham gia định hướng chiến lược và kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp sẽ giúp nhà đầu tư nước ngoài giảm bớt được rủi ro. Xu hướng đầu tư này không đơn thuần là đầu tư tài chính, mà khi tham gia đầu tư còn có thể tiếp cận thị trường, mở rộng chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Năm 2012, với bối cảnh kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn, tổng cầu của nền kinh tế sẽ duy trì ở mức trung bình thấp, nhu cầu tiêu dùng tiếp tục sụt giảm thì mặt bằng giá hàng hóa có thể sẽ giảm xuống trên nhiều lĩnh vực. Doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi từ việc giảm chi phí đầu vào nhưng cũng gặp bất lợi từ khả năng phải điều chỉnh hạ giá bán sản phẩm đầu ra.

- Năm 2012, các doanh nghiệp niêm yết sẽ rất khó để phát hành tăng vốn thành công do diễn biến thị trường, do thị giá của nhiều doanh nghiệp hiện thấp hơn mức mệnh giá, cung cổ phiếu có thể đến từ việc SCIC thoái vốn theo kế hoạch, hoặc thị trường chứng khoán sẽ thực hiện tái cấu trúc các thành phần tham gia thị trường, đó là tái cấu trúc công ty chứng khoán, tái cấu trúc hai Sở giao dịch, tái cấu trúc hàng hóa trên thị trường và tái cấu trúc đối tượng tham gia thị trường.

- Tóm lại, bức tranh kinh doanh của năm 2012 được mở ra với những điểm sáng là khả năng tiếp cận được vốn, chi phí vốn thấp hơn năm 2011, giá nguyên vật liệu đầu vào của một số ngành giảm xen lẫn những mảng tối là áp lực đối với sự gia tăng của hàng tồn kho giá cao, có khả năng sẽ gặp bất lợi và chịu mức độ sụt giảm tương đối về doanh thu và lợi nhuận. Hoặc về xu hướng vận động của dòng tiền, khi tiếp cận được dòng vốn rẻ ngắn hạn thì tính đầu cơ của dòng tiền rất cao khiến cho thị trường biến động mạnh trong thời gian ngắn. Nhưng đối với năm 2012 khi tái cấu trúc nền kinh tế bắt đầu được thực hiện thì khả năng xuất hiện ngay các dòng tiền đầu cơ là khó xảy ra. Do trong giai đoạn này tính bất ổn còn cao, bức tranh kinh tế chưa được nhận diện rõ ràng, dòng tiền sẽ duy trì sự thận trọng và tìm đến các đối tượng có tính an toàn cao, thanh khoản tốt trên thị trường và hướng đến những cơ hội đầu tư an toàn, có khả năng sinh lời ổn định, có sự minh bạch trong công bố thông tin, chất lượng quản trị công ty tốt.

Trong khi đó, năm 2011 là năm thành công đối với cá tra Việt Nam khi kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,78 tỷ USD tăng 29% so với năm 2010 mặc dù thị trường chủ chốt là EU gặp nhiều khó khăn, nguồn nguyên liệu trong nước thiếu hụt trong khi giá tăng cao. Có được kết quả này ngoài nỗ lực mở rộng thị trường của doanh nghiệp sang các nước Châu Á và Mỹ La tinh phải kể đến sự tăng trưởng mạnh của thị trường Mỹ. Chi phí nuôi tăng cao là nguyên nhân khiến cho người nuôi cá tại Mỹ ngừng thả nuôi dẫn đến nguồn cung giảm 29%, giá tăng mạnh qua đó thúc đẩy cả lượng và giá cá nhập khẩu (giá xuất khẩu của Việt Nam riêng trong quý 3/2011 tăng tới 20% – 30% so với đầu năm). Tính đến 15/11/2011, xuất khẩu cá tra của Việt Nam sang thị

trường này đạt 274 triệu USD tăng gần 96% so với cùng kỳ 2010 và theo đánh giá của Urner Barry Comtell thì hiện thị phần cá tra Việt Nam tại Mỹ đã tăng từ 65% lên tới 90% trong khi đối thủ cạnh tranh Trung Quốc giảm từ 25,1% xuống còn 8%.

Những lo ngại của các doanh nghiệp Việt Nam sau khi DOC công bố kết quả sơ bộ POR6 cuối năm 2010 trong đó thuế CBPG tăng lên 130% giá bán đối với những bị đơn bắt buộc cuối cùng cũng đã được xóa bỏ khi Mỹ đồng ý sử dụng Bangladesh làm nước tham chiếu thay cho Phillippin, qua đó mức thuế của nhiều công ty giảm xuống mức 0. Tuy vậy trong lần xem xét POR7 mới đây, kết quả sơ bộ dù tích cực nhưng thuế đối với nhiều công ty vẫn ở mức khá cao do Mỹ sử dụng thêm số liệu từ Indonesia, quốc gia có giá thành cao hơn. Ngoài ra sau vụ bị WWF đưa vào danh sách đỏ năm 2010, uy tín của cá tra Việt Nam lại bị ảnh hưởng xấu bởi những nhận định của Phó chủ tịch UB Nghề cá Châu Âu và một đài truyền hình tại Đức khi cho rằng cá được nuôi trên sông Mekong bị ô nhiễm và bản thiêu mặc dù sau đó những chỉ trích này sau đó đều đã được thanh minh.

**\* Thế mạnh:**

- Với hệ thống mặt nước nội địa rộng hơn 1,4 triệu hecta, Việt Nam được đánh giá là có nhiều tiềm năng để phát triển ngành công nghiệp thủy sản.

- Hiệp hội Vasep với các thành viên chiếm tới 80% kim ngạch xuất khẩu chủ lực được đánh giá là có nhiều hoạt động tích cực trong việc xúc tiến thương mại và phát triển thị trường, đào tạo, tư vấn, tham gia bảo vệ quyền lợi của các thành viên trong các vụ kiện cá tra.

- Doanh nghiệp khá năng động và tiếp cận nhanh với các công nghệ mới trong lĩnh vực nuôi trồng, chế biến thủy sản. Hiện cả nước đã có 45 vùng nuôi cá tra với tổng diện tích khoảng 1.000 ha của 24 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global Gap, ngoài ra còn có 18 vùng nuôi khác (237 ha) đang xây dựng chờ cấp chứng nhận.

**\* Điểm yếu:**

- Trong khi thế giới đang khuyến khích kiểm soát hệ thống (giám sát chặt từ khâu nuôi trồng, thu mua, sản xuất, chế biến... tạo thành một chuỗi liên kết) để giảm bớt kiểm tra lô hàng thì cơ quan chức năng trong nước lại tăng cường kiểm tra lô hàng mà bỏ quên giám sát hệ thống.

- Thay vì tốn chi phí cho kiểm tra, doanh nghiệp sẽ đầu tư hệ thống nuôi trồng để có nguồn nguyên liệu tốt hơn.

- Chất lượng đầu ra bị kiểm tra gắt gao nhưng các khâu con giống, thức ăn, nuôi trồng... không được kiểm soát tốt thì các lô hàng không đạt yêu cầu vẫn cứ gia tăng.

- Đặc điểm là cần nhiều vốn, đặc biệt là vốn lưu động cho việc thu mua nguyên liệu, doanh nghiệp lại phải sử dụng khá nhiều là nợ vay (bình quân trên 1 lần vốn chủ sở hữu), điều này khiến cho nhiều doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong những thời điểm lãi suất vay tăng.

- Việc kiểm soát chất lượng nguyên liệu của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu, việc xây dựng vùng nuôi để đảm bảo yêu cầu truy xuất nguồn gốc đòi hỏi vốn lớn.

- Do thiếu nguyên liệu, nhiều doanh nghiệp trong ngành phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ đó làm gia tăng rủi ro về chất lượng, giá cả.

- Hiện các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu thông qua các nhà phân phối nước ngoài, chưa có thương hiệu riêng và khó thâm nhập được vào hệ thống bán lẻ tại các thị trường lớn.

**\* Thách thức:**

- Thách thức lớn nhất đối với sự phát triển của ngành thủy sản là tình trạng thiếu hụt nguyên liệu. Hiện năng lực cấp đông của toàn ngành khoảng 4,5 - 5 triệu tấn nhưng sản lượng khai thác nội địa chỉ khoảng 2,5 triệu tấn, từ đó dẫn đến việc có nhiều doanh nghiệp chỉ hoạt động ½ công suất trong những lúc cao điểm do không đủ nguyên liệu.

- Ngoài thuế, các quốc gia nhập khẩu ngày càng đặt ra nhiều biện pháp kỹ thuật hơn đối với các sản phẩm thủy sản Việt Nam như các tiêu chuẩn về chất lượng, yêu cầu truy xuất nguồn gốc hay gần đây là dự thảo thanh tra cá da trơn nội địa và nhập khẩu của USDA (Mỹ).

- Nhiều mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam phải cạnh tranh với các quốc gia khác trong khu vực đặc biệt là Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ.

**\* Cơ hội:**

- Theo FAO, nhu cầu sử dụng thủy sản dùng làm thực phẩm được dự báo sẽ đạt 183 triệu tấn vào năm 2015, tăng 40 triệu tấn so với năm 2010 và tiêu thụ thủy sản theo đầu người sẽ đạt 14,3 kg thay cho 13,7 kg năm 2010.

- Năm 2010, 86% nguồn cung thủy sản cho thị trường Mỹ phải nhập khẩu từ bên ngoài cho thấy đây vẫn là thị trường lớn cho Việt Nam. Trong danh sách Top 10 mặt hàng thủy sản được ưa chuộng nhất tại Mỹ thì tôm dẫn đầu và có cả cá pangasius (bao gồm cả cá tra) đây đều là những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam. Ngoài Mỹ các thị trường khác như Nga, Trung Quốc và một số nước Mỹ La tinh cũng có tiềm năng.

**\* Năm 2011:** Là một năm thắng lợi của ngành thủy sản Việt Nam nói chung và nhiều doanh nghiệp trong ngành nói riêng. Nhìn chung triển vọng cho ngành thủy sản vẫn khá tích cực trong năm 2012 nhờ một số yếu tố thuận lợi bao gồm:

- Dù được dự báo là sẽ tăng trưởng chậm lại nhưng môi trường kinh tế vĩ mô trong nước sẽ ổn định hơn trong năm 2012, lạm phát và lãi suất được dự báo sẽ giảm dần qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành phát triển.

- Thị trường Mỹ sẽ tiếp tục khả quan sau khi nền kinh tế nước này phát đi những tín hiệu tích cực gần đây. Ngoài ra sự phục hồi của thị trường Nhật Bản cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu về các sản phẩm thủy sản Việt Nam tăng trở lại. Tuy nhiên để đạt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu từ 6,3 - 6,5 tỷ USD, tăng 5% so với 2011, các doanh nghiệp trong ngành cũng phải vượt qua nhiều khó khăn.

- Cuộc khủng hoảng nợ công tại Châu Âu được đánh giá là sẽ có những diễn biến phức tạp khó lường hơn trong năm 2012 và tác động tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam đặc biệt là cá tra.

- Việc giá cá tra đang trong xu hướng giảm là những yếu tố tác động tiêu cực đến hoạt động nuôi trồng và có thể khiến cho tình trạng thiếu nguyên liệu tiếp tục căng thẳng trong năm 2012. Ngoài ra chất lượng vẫn sẽ tiếp tục là vấn đề gây lo ngại khi số lượng các lô hàng bị cảnh báo đặc biệt tại thị trường Nhật có chiều hướng gia tăng khiến cho quốc gia này phải áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn.

Trước tình hình này, đòi hỏi mỗi CB-CNV trong công ty chúng ta phải cùng chung sức, chung lòng để đưa công ty vượt qua khó khăn đến với giai đoạn phát triển mới. Mỗi cổ đông cần giữ vững niềm tin đối với ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty để cố vũ, động viên nhằm khích lệ sự hăng say làm việc của họ. Góp phần đưa Công I.D.I vượt qua những thử thách và hướng đến tương lai tốt đẹp hơn.

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty, tôi gửi lời kính chúc sức khỏe đến quý cổ đông, chúc cho sự hợp tác của chúng ta luôn đạt hiệu quả cao, chúc cho I.D.I luôn phồn thịnh phát triển bền vững !

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Chủ tịch**

**Kỹ sư Lê Thanh Thuận**

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

### I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

#### 1.1 Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập năm 2003, là một trong những doanh nghiệp do Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang thành lập, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01/04/2011.

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	
Tên tiếng Anh	: International Development & Investment Corporation.	
Tên viết tắt	: Công ty Cổ phần I.D.I	
Vốn điều lệ đăng ký	: 380.000.000.000 đồng.	
Vốn điều lệ thực góp	: 380.000.000.000 đồng.	
Địa chỉ ĐKKD	: Quốc lộ 80, cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	
Điện thoại	: 067 3680 383	Fax: 067 3680 382
Website	: www.idiseafood.com	
Email	: idiseafood@vnn.vn	
Mã số thuế	: 0303141296	

#### 1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

- *Đăng ký lần đầu:* Vốn điều lệ hoạt động là 29.000.000.000 đồng.
- *Thay đổi lần thứ nhất:* Tăng từ 29.000.000.000 đồng lên 47.940.000.000 đồng, tăng thêm 18.940.000.000 đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20.000.000 đồng/cổ phần), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- *Thay đổi lần thứ hai:* Tăng từ 47.940.000.000 đồng lên 91.474.000.000 đồng, tăng thêm 43.534.000.000 đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/08/2007.
- *Thay đổi lần thứ ba:* Tăng từ 91.474.000.000 đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu), theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia số: 068/07-IDI ngày 18/09/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/06/2008.
- *Tăng vốn lần thứ 4:* Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/ cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia ngày 11/05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam ( AASCS) ngày 24 tháng 8 năm 2010.

#### 1.3 Các sự kiện khác

Với những tiến bộ và thành quả đạt được trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:

- Tháng 10 năm 2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về việc đã có thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tháng 01 năm 2010: Công ty được Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.



Cty IDI nhận danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”

- Tháng 03 năm 2010: Công ty được Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

- Tháng 04 năm 2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về việc đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.

- Tháng 11 năm 2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.

- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.

- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh Công ty Cổ phần I.D.I là khách hàng Vàng của SHB năm 2011.

## II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.



- Sản xuất và đóng hộp dầu, mở động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.



Trụ sở Cty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia tại CCN Vàm Cống, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp

## 2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban lãnh đạo và điều hành của I.D.I là những cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô gần 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, Công ty bắt đầu chi trả đền bù cho Khu tái định cư và Cụm Công nghiệp Vàm Cống giai đoạn 1. Đồng thời, Công ty cũng khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm Công nghiệp giai đoạn 1.

- Năm 2007, I.D.I chính thức khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 và các hạng mục phụ trợ khác. Đây cũng là nhà máy đầu tiên trong Cụm Công nghiệp Vàm Cống được xây dựng. Bên cạnh đó, I.D.I tiếp tục chi trả tiền đền bù cho phần còn lại của Cụm Công nghiệp Vàm Cống và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu của Công ty.

- Năm 2008, Công ty hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn đi vào hoạt động chính thức, ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, Công ty cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3 của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, chính thức vận hành nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày. Bên cạnh đó, dự án đầu tư Khu Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò thuộc tỉnh Đồng Tháp được tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng trên 50 tỷ đồng với qui mô đất đai 17,37 ha, qui mô quy hoạch 14,73 ha, tổng vốn đầu tư 133,24 tỷ đồng. Đồng thời, khởi công dự án Nhà máy Tinh luyện Dầu Cá có công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày với tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng, tổng diện tích sử dụng 23.450m<sup>2</sup>. Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P gần 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Hiện I.D.I đã có tên trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu của Việt Nam. Đặc biệt, I.D.I được Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011.



Cổng chính vào nhà máy Thủy Sản Đa Quốc Gia trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống

### III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

#### 3.1 Các mục tiêu chính của công ty

Mặc dù nền kinh tế thế giới vẫn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng và ngành chế biến xuất khẩu thủy sản vẫn đang gặp nhiều khó khăn nhưng chắc chắn mọi người đều thừa nhận rằng: cá tra luôn là một đặc sản được người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng và nó là sản vật của riêng Việt Nam. Đây là một lợi thế rất lớn dành cho cá tra. Rất nhiều nước trên thế giới lâu nay cũng đã thử nghiệm phát triển con cá này nhưng đến nay đều không thành công. Tuy nhiên lâu nay do chưa có sự quan tâm và đối xử ngang tầm nên con cá tra của Đồng Bằng Sông Cửu Long đã phải trải qua rất nhiều thăng trầm sóng gió. Những bất cập đó đã phơi bày và được mọi người nhìn thấy, từ người nuôi cho đến nhà chế biến, đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò



điều tiết. Như vậy trong tương lai gần, mâu thuẫn sẽ được giải quyết, sẽ có sự điều chỉnh giữa các bên trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ để xóa đi các bất cập và ngành nuôi trồng chế biến xuất khẩu cá tra sẽ khởi sắc mạnh mẽ.

Từ nhận định đó, ngành chế biến xuất khẩu cá tra sẽ vẫn tiếp tục sẽ là một trong những ngành kinh doanh mũi nhọn của IDI hiện nay và trong tương lai. Tuy nhiên, để ổn định sản xuất kinh doanh, khai thác hết tiềm năng, tăng hiệu quả hoạt động, IDI sẽ phát triển thêm các ngành phụ trợ đi theo như nuôi cá tra, chế biến phụ phẩm cá tra, chế biến tinh luyện dầu cá, chế biến thức ăn cho cá, sản xuất bao bì và có thể là sản xuất gelatin, collagen từ da cá,.....

Bên cạnh đó, chúng ta đều biết ở một đất nước đang đổi mới như Việt Nam thì ngành bất động sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, có cơ hội sinh lời cao và luôn đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Và đây cũng là ngành truyền thống của công ty. Vì vậy, trong thời gian tới công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để phát triển mạnh mẽ bất động sản như là ngành kinh doanh chính của công ty. Phân đầu đến năm 2015, cổ phiếu của công ty IDI được biết đến như là cổ phiếu của một công ty bất động sản.

Mặc dù vậy, là đơn vị kinh doanh nên mục tiêu ngắn hạn của công ty vẫn là doanh thu tăng trưởng đều mỗi năm và mức lợi nhuận hợp lý, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.



### 3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với những mục tiêu nêu trên thì chiến lược phát triển trung, dài hạn của công ty sẽ tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Về bộ máy, nhân sự:

+ Triển khai và áp dụng triệt để chương trình khoán chi phí theo sản phẩm sâu rộng đến từng bộ phận, phòng ban, phân xưởng sản xuất, từng người lao động trong công ty. Thông qua



đó, khai thác hết năng lực sức sáng tạo của mỗi người lao động, góp phần làm hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty.

+ Kết quả của quá trình thực hiện giao nhận khoán sẽ giúp phân lớp lực lượng lao động ra thành các nhóm có năng lực, kỹ năng, tay nghề với cấp độ khác nhau rõ rệt. Từ đó lãnh đạo công ty có chính sách sử dụng lao động phù hợp hơn, phát huy tối đa sở trường của mỗi người.

+ Chương trình khoán chi phí theo sản phẩm sẽ làm cho chế độ lương bổng đãi ngộ được chi đúng người đúng việc đúng năng lực. Từ đó công ty mới có điều kiện nâng cao mức lương, thu nhập một cách xứng đáng với sự đóng góp của từng người. Qua đó sẽ giữ được người giỏi, có năng lực thực sự, ngang tầm công việc được giao. Xây dựng được bộ máy gọn nhẹ nhưng tinh nhuệ. Và những cá nhân không đạt yêu cầu sẽ bị đào thải khỏi tổ chức.

+ Tiếp tục chính sách tìm kiếm, thu hút nhân tài, tạo nguồn lực tinh túy làm nền tảng cho tất cả những kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển tổ chức về sau. Tiếp tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực hiện có theo hướng kế thừa và tổ chức các lớp bồi dưỡng để nâng cao tay nghề cho người lao động.



Một buổi làm việc của Cán bộ CNV Phòng Kế toán Cty IDI

*- Về đầu tư, kinh doanh:*

+ Triển khai gấp rút các dự án bất động sản đã và đang có kế hoạch đầu tư để sớm đưa vào khai thác, nâng tỉ trọng doanh thu cũng như lợi nhuận của lĩnh vực bất động sản trong cơ cấu doanh thu lợi nhuận của công ty.

+ Nhanh chóng nghiên cứu khả thi và sớm triển khai các dự án mà các doanh nghiệp khác chưa tham gia, mức độ cạnh tranh còn thấp như phát triển các sản phẩm từ phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra (sản xuất gelatin, collagen từ da cá, dầu ăn, thực phẩm chức năng từ mỡ cá,...) để tối đa hóa lợi nhuận.

+ Tăng cường sở hữu quỹ đất sạch giá thấp, tạo tiền đề và lợi thế cạnh tranh lâu dài cho mảng bất động sản trong tương lai.

+ Tiến hành đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu, trại cá giống, cũng như xây dựng Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản đáp ứng nhu cầu hoạt động của công ty theo từng giai đoạn. Tập

trung mạnh vào các biện pháp sản xuất kinh doanh để khai thác cho hết công suất của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1.



Trạm phát điện của Nhà máy thủy sản

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc năm 2011, thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đề ra nhưng với việc điều hành linh hoạt và thường xuyên bám sát chỉ đạo từ Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực tích cực nhưng tình hình hết sức khó khăn nên công ty chỉ đạt được một số kết quả như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng giảm so với kế hoạch	
			Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	1.588,8	1.097,473	-491,327	-30,92%
Tổng lợi nhuận sau thuế	151,7	39,609	-112,091	-73,89%

➤ Tổng doanh thu thuần năm 2011 giảm 30,92% so với kế hoạch đề ra đầu năm là do trong năm phần doanh thu bất động sản phát sinh không đáng kể như dự kiến vì chịu ảnh hưởng Nghị quyết 11 của Chính phủ trong việc thắt chặt tiền tệ trong lĩnh vực này. Mặt khác, năm 2011 phần doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng cũng giảm đáng kể so với năm 2010.

➤ Lợi nhuận của công ty năm 2011 giảm 73,89% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do doanh thu bất động sản và doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng giảm đáng kể so với năm 2010, việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đầu tư tài chính cũng tăng cao hơn năm 2010. Mặt

khác là kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra cho năm 2011 quá cao trong khi tình hình kinh tế năm 2011 lại quá khó khăn do lãi vay ngân hàng luôn đứng ở mức cao suốt cả năm, giá cả nguyên liệu đầu vào lại tăng đột biến do biến động tỷ giá.

Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2011 so với kế hoạch như sau:

- Dự án Khu đô thị Nam thị trấn Lấp Vò: Vẫn còn trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Tiếp tục chờ các thủ tục chuẩn bị đầu tư từ phía các cơ quan nhà nước. Dự kiến trong năm 2012 mới tiến hành được công tác chi trả bồi thường.

- Dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lấp Vò: đang trong giai đoạn bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3 của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày: dự án này đã hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2010.

- Đầu tư kho lạnh sức chứa 13.000 tấn: dự án này đã tạm hoãn và chờ thời điểm thích hợp hơn.

- Dự án nhà máy phụ phẩm Trisedco: dự án này đã hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2010.

- Dự án Nhà máy Tinh luyện Dầu cá: Đã tiến hành khởi công, đang chuẩn bị xây dựng trong năm 2011 và 2012.

- Các hạng mục khác: nhà làm việc, căn tin, bể chứa nước sau xử lý, trung tâm kiểm nghiệm, bể xử lý nước ly tâm, kè bê tông dọc theo sông Lấp Vò, lán nhựa đường nội bộ Cụm Công nghiệp Vàm Cống đến nay đã hoàn thành đúng tiến độ.



Tổng Giám Đốc Cty IDI trong lễ khởi công xây dựng Nhà Máy Tinh Luyện Dầu Cá





Công nhân đang ăn trưa Tại Nhà ăn của Nhà Máy Thủy Sản IDI

Bên cạnh đó, kế hoạch năm 2011 cũng có đặt ra một số các định hướng đầu tư, nay xin được báo cáo như sau:

- Mua bán, chế biến và xuất khẩu gạo: đây là lĩnh vực tiềm năng, nhưng cần phải tiếp tục nghiên cứu thật kỹ trước khi quyết định đầu tư.

- Dự án tinh luyện dầu cá: dự án này đang triển khai trong năm 2011 và 2012.

- Dự án ép trấu thành thanh củi: nguyên liệu đốt chính cho hai lò hơi tại nhà máy Trisedco là từ trấu ép thành thanh củi, nhằm tận dụng được nguồn năng lượng dồi dào từ lượng trấu vô tận của Đồng bằng sông Cửu Long thải ra hàng năm. Song dự án này vẫn chưa triển khai được do điều kiện quản lý tự nhiên gặp khó khăn.

- Dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản: Đang trong quá trình khảo sát tiền khả thi. Sẽ khởi công xây dựng nhà máy trong năm 2013.

- Dự án Trung tâm Thương mại Lấp Vò: Đang trong quá trình bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Dự án khu liên hợp công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI: Vừa được bộ Giao thông Vận tải chấp thuận quy hoạch, công ty đang thực hiện các bước tiếp theo.

## II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Cuối tháng 3 năm 2011 Ông Trương Vĩnh Thành được Hội đồng quản trị điều động về Tập đoàn Sao Mai nhận nhiệm vụ mới. Ông Nguyễn Văn San được chỉ định giữ chức vụ tổng giám đốc Công ty I.D.I từ ngày 01/4/2011.

- Vốn điều lệ công ty vẫn là 380 tỷ đồng không có thay đổi nào như đã đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp.

- Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu IDI theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/5/2011.

## III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2012

Theo VASEP đánh giá, ngành thủy sản đang ngày càng ít hấp dẫn, năng lực cạnh tranh giảm sút nhiều. Trong năm 2012, khoảng 20% doanh nghiệp thủy sản sẽ đóng cửa. Sự giảm sút năng lực cạnh tranh đến từ việc doanh nghiệp lẫn người dân thiếu nguồn vốn đầu tư, thiếu nguyên liệu đúng chuẩn chế biến, chi phí đầu vào tăng cao, chất lượng con giống giảm sút.

Ngoài ra, tình hình khó khăn về tài chính trên thế giới và các nước ngày càng siết chặt các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm cũng tạo áp lực cho thủy sản Việt Nam.

- Trong khi giá thành lại tăng cao, mục tiêu xuất khẩu 6,5 tỷ USD của ngành thủy sản trong năm nay cần nguồn vốn rất lớn nhưng ngân hàng lại đang giảm cho vay, kế hoạch này sẽ khó thực hiện.

- Việc Nafiqad tăng cường kiểm soát các lô hàng xuất khẩu khiến tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp, đơn hàng xuất khẩu sang hầu hết các thị trường chủ lực đều giảm, trong khi gánh nặng chi phí của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản lại tăng mạnh so với các năm trước.

- Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 2/2012, xuất khẩu thủy sản ước đạt 400 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 2 tháng đầu năm lên 763 triệu USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm 2011. Tuy nhiên, hầu hết các thị trường chủ lực của xuất khẩu thủy sản Việt Nam lại sụt giảm khá mạnh.

- Số liệu của Tổng cục Hải quan trong tháng đầu năm cũng cho thấy, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU giảm 35%, sang Mỹ giảm 17,5%, sang Nhật Bản giảm 6,8%, sang Hàn Quốc giảm 4,8%, sang Trung Quốc giảm 5,9%.

- VASEP dự báo, xuất khẩu thủy sản năm 2012 sang EU sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Tuy nhiên, đây vẫn là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của thủy sản Việt Nam, nhất là cá tra. Các thị trường khác như Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc... tuy có giảm nhẹ ở một số mặt hàng, nhưng vẫn là các thị trường có tiềm năng tăng trưởng tốt và ít rủi ro.

- Khủng hoảng có thể là cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là xuất khẩu cá tra và các sản phẩm có giá trung bình, bởi xét về giá, cá tra Việt Nam có lợi thế hơn nhiều loại thực phẩm khác.

- Theo VASEP, vấn đề khó nhất đối với doanh nghiệp hiện nay không phải là thị trường, mà là gánh nặng thuế, phí, chi phí kiểm nghiệm lô hàng trước khi xuất khẩu của doanh nghiệp đã tăng 1,5 - 2 lần so với trước khi Luật An toàn thực phẩm có hiệu lực 01/7/2011. Chưa kể, quy định và thủ tục kiểm soát trước khi xuất khẩu đã khiến phần lớn các lô hàng xuất khẩu phải chờ 7 - 10 ngày, làm giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Cũng theo VASEP, nhiều thị trường nhập khẩu không yêu cầu các giấy chứng nhận này, nhưng cơ quan quản lý vẫn bắt doanh nghiệp đóng phí để chứng nhận. VASEP cho rằng, NAFIQAD nên thay đổi phương thức kiểm tra, theo hướng những nhà máy, ao nuôi tuân thủ tốt quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm thì không phải kiểm tra.

- Bên cạnh gánh nặng phí kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm, việc áp thuế bảo vệ môi trường đối với bao bì PE để bao gói hàng xuất khẩu cũng là gánh nặng với doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. VASEP ước tính, chi phí tăng thêm từ thuế bảo vệ môi trường với sản phẩm thủy sản xuất khẩu là 0,1 USD/kg. Tăng cường kiểm tra chất lượng thủy sản trước khi xuất khẩu là cần thiết, song gánh nặng phí đang khiến thủy sản Việt Nam gặp bất lợi. Chi phí xuất khẩu thủy sản đã tăng 30% so với 2 năm trước, trong khi giá xuất khẩu chỉ tăng 20%. Đáng lưu ý, trong các quy định kiểm tra hiện hành, không ít quy định được xem là không cần thiết.

Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2012 như sau:

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh 1 và nhà máy phụ phẩm Trisedco. Đồng thời triển khai nhanh dự án Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò để sớm khai thác nguồn thu từ lĩnh vực bất động sản cho Công ty.

+ Tiếp tục nhân rộng mô hình liên kết với các hộ nuôi cá tra, tiến đến đảm bảo cho công ty chủ động được 100% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cung cấp cho nhà máy đạt công suất 300 tấn nguyên liệu/ca/ngày trong năm 2012 và qua đó công ty cũng thu được nhiều lợi nhuận từ hợp đồng liên kết.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu của riêng công ty đi kèm với trung tâm giống để khắc phục những hạn chế của phương thức liên kết đầu tư với hộ nuôi và cũng qua đó tăng tỉ suất lợi nhuận.

+ Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho cá để cung cấp thức ăn cho vùng nuôi công ty cũng như vùng nuôi liên kết.



Trang thiết bị hiện đại trong Nhà Máy Thủy Sản IDI



Vùng nuôi thủy sản





Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

- + Mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các thị trường mới như Bắc Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước SNG, Ucraina, Mỹ thông qua việc tích cực tham gia các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông ở nước ngoài.
- + Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Ucraina, USA.
- + Tiếp tục nghiên cứu giảm giá chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, đặc biệt là giảm định mức sản xuất.
- + Tăng cường cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo 100% tiến độ giao hàng để xây dựng hình ảnh IDI thành một thương hiệu mạnh có niềm tin tuyệt đối trong mắt khách hàng.
- + Tập trung khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ lượng cung tiền cho mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012.





Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****I/ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh****MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đvt: VND

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Vốn chủ sở hữu	268.664.170.905	508.362.430.811	545.928.638.990
Vốn góp cổ phần	228.107.040.000	380.000.000.000	380.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	33.137.052.599	91.642.076.105	39.609.103.424
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.810.704	38.000.000	38.000.000
EPS(1)	1.453	3.233	1.042
Book value(2)	11.778	13.378	14.367
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	4,7%	9,68%	3,61%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	12,3%	18%	7,26%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	3,8%	7,1%	2,71%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,7%	10,7%	3,7%
Tổng giá trị tài sản	865.938.922.304	1.299.648.511.514	1.463.309.037.579
Doanh thu thuần	703.967.070.573	946.691.519.106	1.097.473.165.478
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.164.188.444	101.523.627.920	40.740.677.920
Lợi nhuận khác	1.779.141.275	3.024.246.838	1.363.042.102
Lợi nhuận trước thuế	34.943.329.719	104.547.874.758	42.103.720.022

Ghi chú:

(1) bằng lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phần đang lưu hành.

(2) bằng vốn chủ sở hữu trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và các nguồn kinh phí, trừ cổ tức sẽ chia trong năm, sau đó chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

\* Doanh thu thuần: Năm 2011 doanh thu thuần đạt 1.097 tỷ đồng, tăng 15,9% tương đương tăng 150,781 tỷ đồng so với năm 2010 và tăng 55,9% tương đương tăng 393,506 tỷ đồng so với năm 2009. Do công ty đã có chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu thủy sản cá tra và dịch vụ hiệu quả trong năm 2011, riêng thị trường đầu tư xây dựng hạ tầng và thị trường bất động sản thì tăng mạnh trong năm 2009, 2010.

\* Lợi nhuận sau thuế: Năm 2011 lợi nhuận sau thuế đạt 39,609 tỷ đồng, giảm 56,8% tương đương giảm 52,032 tỷ đồng so với năm 2010 và tăng 19,5% tương đương tăng 6,472 tỷ đồng so với năm 2009. Do công ty chỉ phát triển thị trường xuất khẩu thủy sản cá tra và dịch vụ trong năm 2011 mà không phát triển đáng kể thị trường bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng. Ngoài lợi nhuận từ thủy sản và dịch vụ trong năm 2010, công ty còn phát sinh thêm lợi nhuận từ bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng. Năm 2009 thì chỉ có phát sinh thêm lợi nhuận từ bất động sản.

\* Tỷ suất lợi nhuận:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2011 so với năm 2010 giảm 6,07%, so với năm 2009 giảm 1,09%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2011 so với năm 2010 giảm 10,74%, so với năm 2009 giảm 5,04%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2011 so với năm 2010 giảm 4,39%, so với năm 2009 giảm 1,09%.

\* Nhìn chung, về cơ cấu doanh thu của công ty trong năm 2011 có sự thay đổi đáng kể so với năm 2010 và so với năm 2009. Tuy nhiên về lợi nhuận năm 2011 lại có sự điều chỉnh giảm mạnh so với năm 2010 và điều chỉnh tăng nhẹ so với năm 2009.

- Năm 2011, doanh thu thuần từ lĩnh vực thủy sản xuất khẩu đã tăng mạnh, chiếm hơn 96% tổng doanh thu của IDI, năm 2010 chỉ chiếm khoảng 86% tổng doanh thu và năm 2009 chiếm khoảng 90% tổng doanh thu thuần.

- Năm 2011, doanh thu thuần dịch vụ chiếm 3,1% tổng doanh thu, năm 2010 thì chiếm 1,5% tổng doanh thu và năm 2009 chiếm 2,4% tổng doanh thu thuần.

- Năm 2011, doanh thu thuần từ bất động sản đầu tư chỉ chiếm 0,1% tổng doanh thu, năm 2010 thì chiếm 5,4% tổng doanh thu và năm 2009 chiếm tới 7,4% tổng doanh thu thuần.

- Năm 2011, doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm 0,6% tổng doanh thu, năm 2010 thì chiếm tới 7,4% tổng doanh thu và năm 2009 lại không phát sinh doanh thu này.

- Bên cạnh doanh thu thuần, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty trong năm 2011 cũng đã tăng đáng kể, tăng 8% so với năm 2010, tăng 113% so với năm 2009. Cho thấy, lĩnh vực kinh doanh chính hiện nay là xuất khẩu thủy sản cá tra và dịch vụ của công ty trong năm qua được đẩy mạnh phát triển tốt.

## 1.2 Tài sản

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2011 là: 1.463.309.037.579 đồng tăng 163,66 tỷ đồng tương đương tăng 13% so với thời điểm cuối năm 2010 vì:

Năm 2011, tài sản ngắn hạn của công ty tăng 67,5 tỷ đồng, tương đương tăng 8% so với năm 2010, chủ yếu là tăng tiền và các khoản tương đương tiền 199% tương đương tăng 101,566 tỷ đồng so với năm 2010 và tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 100% tương đương tăng 52,9 tỷ đồng so với năm 2010, còn các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác thì có sự điều chỉnh giảm nhẹ so với năm 2010. Trong khi đó, tài sản dài hạn thì tăng mạnh 96,1 tỷ đồng tương đương tăng 21% so với năm 2010, chủ yếu là tăng tài sản cố định 11% tương đương tăng 42,355 tỷ đồng so với năm 2010, tăng các khoản đầu tư tài chính dài hạn 75% tương đương tăng 44,848 tỷ đồng so với năm 2010 và tăng tài sản dài hạn khác 339% tương đương tăng 8,9 tỷ đồng so với năm 2010.

Bên cạnh đó, để đảm bảo lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất, cũng như lượng thành phẩm đủ để đáp ứng nhu cầu khách hàng khi hoạt động kinh doanh xuất khẩu cá tra fillet đang phát triển mạnh mẽ, công ty I.D.I đã chủ động giữ nguyên giá trị hàng tồn kho tại mức 237,5 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2011, tương đương không đổi so với thời điểm cuối năm 2010.

## 1.3 Nguồn vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)	2009	2010	2011
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,69	0,61	0,63
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2,21	1,56	1,68

Về cơ cấu vốn: Do nhu cầu vốn ngắn hạn khá lớn để phát triển sản xuất kinh doanh xuất khẩu thủy sản cá tra fillet đông lạnh và chế biến bột cá trong năm 2011, mà các phương án huy động vốn cổ phần của công ty IDI trên thị trường chứng khoán trong năm 2011 đều không thực hiện được do thị trường chứng khoán bị hạn chế tín dụng nên Công ty đã chủ động tăng nợ vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng theo chủ trương về ưu đãi tín dụng cho xuất khẩu thủy sản của Chính phủ. Tuy nhiên kết thúc năm 2011, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cũng như trên

tổng tài sản của công ty IDI đều giảm so với cuối năm 2009, nhưng lại tăng nhẹ so với tại thời điểm cuối năm 2010 là do vay dài hạn và nợ dài hạn giảm 18,961 tỷ đồng tương đương giảm 23% so với năm 2010, trong khi đó vay ngắn hạn lại tăng 47% tương đương tăng 206,461 tỷ đồng so với năm 2010.

#### 1.4 Chỉ số thanh toán & hiệu quả sử dụng vốn

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)	2009	2010	2011
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,85	1,2	1,08
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,59	0,87	0,8

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2011 so với năm 2010 giảm 0,12 lần nhưng so với năm 2009 thì tăng 0,23 lần. Nguyên nhân hệ số thanh toán ngắn hạn giảm là do trong năm 2011 tài sản ngắn hạn tăng chỉ có 8% tương đương tăng 67,5 tỷ đồng so với năm 2010, trong khi đó nợ ngắn hạn tăng 21% tương đương tăng 146,273 tỷ đồng so với năm 2010.

- Hệ số thanh toán nhanh năm 2011 so với năm 2010 giảm 0,07 lần nhưng so với năm 2009 thì tăng 0,21 lần. Nguyên nhân hệ số thanh toán nhanh giảm là do trong năm 2011 tài sản ngắn hạn tăng chỉ có 8% tương đương tăng 67,5 tỷ đồng so với năm 2010, trong khi đó nợ ngắn hạn tăng 21% tương đương tăng 146,273 tỷ đồng so với năm 2010. Riêng hàng tồn kho năm 2011 gần như không thay đổi nhiều so với năm 2010, chỉ giảm có 0,01% tương đương giảm 28,911 triệu đồng.

- Năm 2011, việc sử dụng tạm thời một phần vốn nợ ngắn hạn để sử dụng cho các khoản đầu tư dài hạn đã phát sinh trở lại. Vì vậy, các hệ số thanh toán của công ty IDI trong kỳ báo cáo này có xu hướng giảm so với năm 2010. Cụ thể là nợ dài hạn năm 2011 so với năm 2010 lại giảm 23% tương đương giảm 20,178 tỷ đồng, trong khi đó các khoản đầu tư dài hạn bao gồm tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn và tài sản dài hạn khác lại tăng 21% tương đương tăng 96,129 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty IDI tại thời điểm 31/12/2011 là 127,303 tỷ đồng đã làm cho hiệu quả sử dụng vốn được cân bằng hơn.

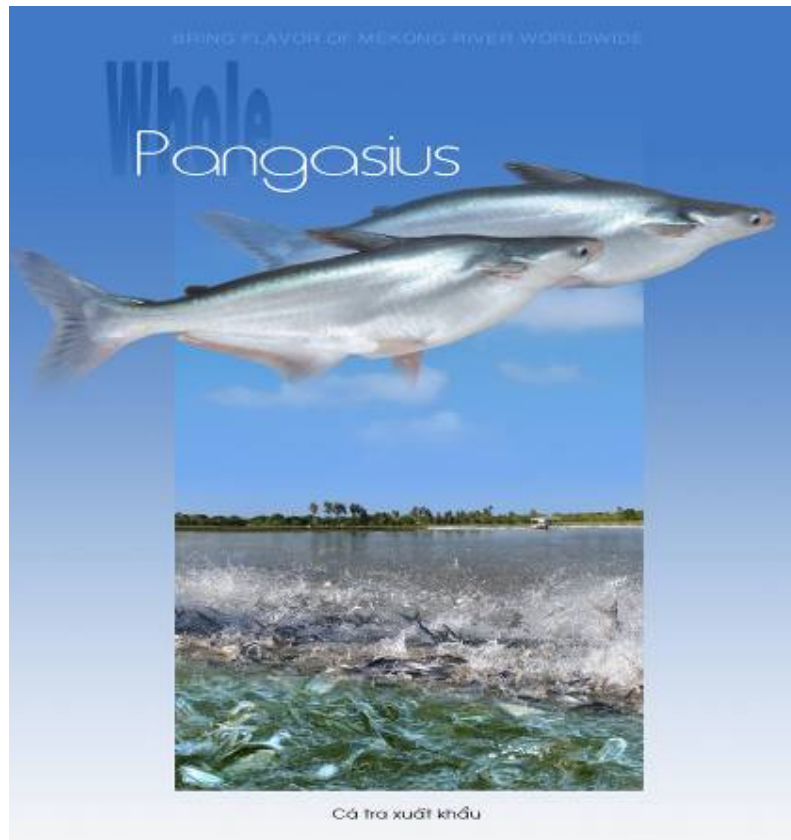
### III/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### 2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

Các sản phẩm, dịch vụ của IDI:

o *Cá tra xuất khẩu*: Công ty đang lập kế hoạch đa dạng hóa sản phẩm nhằm mở rộng thị phần và tăng doanh số. Riêng sản phẩm cá tra, đối với *thị trường cao cấp*, công ty tăng cường khuyến khích khách hàng chuyển dần qua sản phẩm cao cấp như không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, còn đối với *thị trường bình dân*, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu. Ngoài ra, Công ty cần tăng cường hiệu quả, giảm định mức sản xuất, cắt giảm các chi phí không hợp lý và tăng cường việc quản lý chất lượng sản phẩm. Tăng lượng và chất đối với đội ngũ cán bộ quản lý nhà máy, đội ngũ cán bộ QC.





- Với mục tiêu tăng lợi thế cạnh tranh của sản phẩm về chất lượng và giá thành, mở rộng thị phần và đa dạng hóa tối đa mạng lưới khách hàng, tạo nhiều việc làm ổn định cho người lao động. Công ty IDI đã đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống phù hợp để xây dựng nhà máy thủy sản hiện đại. Công ty đã đầu tư nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 có công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày trong 03 giai đoạn:
  - *Giai đoạn 1:* Có công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu/ngày chính thức hoạt động vào tháng 04 năm 2008.
  - *Giai đoạn 2:* Nâng công suất thiết kế lên 300 tấn nguyên liệu/ngày chính thức hoạt động từ tháng 08 năm 2008.
  - *Giai đoạn 3:* Nâng công suất thiết kế lên 600 tấn nguyên liệu/ngày chính thức vận hành vào tháng 12 năm 2010.



Hiện tại, công ty IDI đang khai thác khoảng 50% công suất thiết kế của nhà máy thủy sản số 1, mang lại cho Công ty về doanh thu thuần xuất khẩu hơn 50 triệu USD trong năm 2011 và trên 60 triệu USD doanh thu xuất khẩu trong năm 2012.



Toàn cảnh Cụm CN Vàm Cống nhìn từ sông

○ Đầu tư cụm công nghiệp Vàm Cống:

Năm 2007, công ty IDI được UBND tỉnh Đồng Tháp giao đất có thu tiền sử dụng đất 22,95 ha tại xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, có 18,25 ha là đất sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh, để đầu tư cụm công nghiệp Vàm Cống; còn lại 4,7 ha là đất ở tái định cư. Về đất cụm công nghiệp, công ty sử dụng 6,63 ha xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 1; sử dụng 3,177 ha cho Công ty CP Đầu tư Thủy Sản & Phát triển Du lịch – Trisedco thuê để đầu tư nhà máy chế biến phụ phẩm; sử dụng 2,345 ha xây dựng nhà máy tinh luyện dầu cá; dự kiến sử dụng 2,5 ha xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản; còn lại 3,598 ha bao gồm đất cho sở hạ tầng và cho các doanh nghiệp khác thuê hoặc mở rộng nhà máy thủy sản trong thời gian tới.



Các vùng đầu tư nguyên liệu của công ty IDI





Cụm Công Nghiệp Värm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản



o Các dự án bất động sản khác:

- Việc đầu tư dự án Khu Đô thị Phía Nam Thị trấn Lập Vò với quy mô 488 nền (diện tích bình quân trên 80 m2/nền): dự án này đang trong giai đoạn lập phương án bồi thường.

- Việc đầu tư dự án Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò (diện tích 17,37 ha): dự án này đang bồi thường trên 50 tỷ đồng.

- Việc đầu tư dự án Khu Công nghiệp Liên hợp Cảng Nước sâu Vàm Cống, nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu hụt cảng nước sâu tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long sau khi Cục hàng hải Việt Nam hoàn tất dự án Luồng tàu trọng tải lớn (tương đương 10.000 DWT đầy tải và 20.000 DWT chở non) ra vào sông Hậu, được khởi công vào ngày 19/12/2009. Dự án này đã được đo đạc khảo sát số liệu, lập thiết kế sơ bộ, Bộ Giao thông Vận tải đã chấp thuận dự án, công ty đang tiến hành các bước tiếp theo.

- Dự án Khu đô thị mới Sao Mai với diện tích dự kiến 54,144 ha, có tổng vốn đầu tư dự kiến 333,585 tỷ đồng, địa điểm tại khu đất dự kiến thực hiện quy hoạch thuộc Ấp 1, xã Mỹ Tân, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Dự án này đang xin chủ trương tỉnh giao cho Công ty IDI thực hiện đầu tư theo phương thức UBND TP.Cao Lãnh thực hiện công tác bồi thường, nhà đầu tư xuất vốn đền bù.

Cơ cấu doanh thu của IDI trong năm:

**CƠ CẤU DOANH THU THUẦN**

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2011	
		GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG
1	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1.056.109.923.617	96,2%
2	Doanh thu thuần dịch vụ	33.622.986.599	3,1%
3	Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	619.350.500	0,1%
4	Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng	7.120.904.762	0,6%
	<b>TỔNG DOANH THU THUẦN</b>	<b>1.097.473.165.478</b>	<b>100%</b>

- o Trong cơ cấu doanh thu thuần, lĩnh vực xuất khẩu thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 96,2% trong năm 2011.
- o Về tốc độ tăng trưởng thì doanh thu thuần trong lĩnh vực thủy sản của công ty IDI trong năm 2011 đã tăng hơn 245 tỷ đồng tương đương tăng hơn 30% so với năm 2010. Cho thấy thị trường xuất khẩu thủy sản của công ty IDI đã có sự phát triển mạnh mẽ, thể hiện tiềm năng phát triển của công ty.
- o Còn cơ cấu doanh thu thuần về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp.

**CƠ CẤU CHI PHÍ VỐN**

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2011	
		GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	869.936.404.179	99%
2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.915.918.147	0,2%
3	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư		
4	Giá vốn của đầu tư xây dựng hạ tầng	7.118.904.762	0,8%
	<b>TỔNG GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>878.971.227.088</b>	<b>100%</b>

- Cũng như nhiều doanh nghiệp cùng ngành, giá vốn của hàng hóa, thành phẩm trong lĩnh vực kinh doanh thủy sản của công ty IDI chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa tới mức tỷ trọng 99% trong năm 2011.
- Đối với lĩnh vực dịch vụ và đầu tư xây dựng hạ tầng thì chi phí vốn tương đối thấp, chỉ chiếm 0,2% và 0,8% trong năm 2011. Đây chủ yếu là chi phí dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

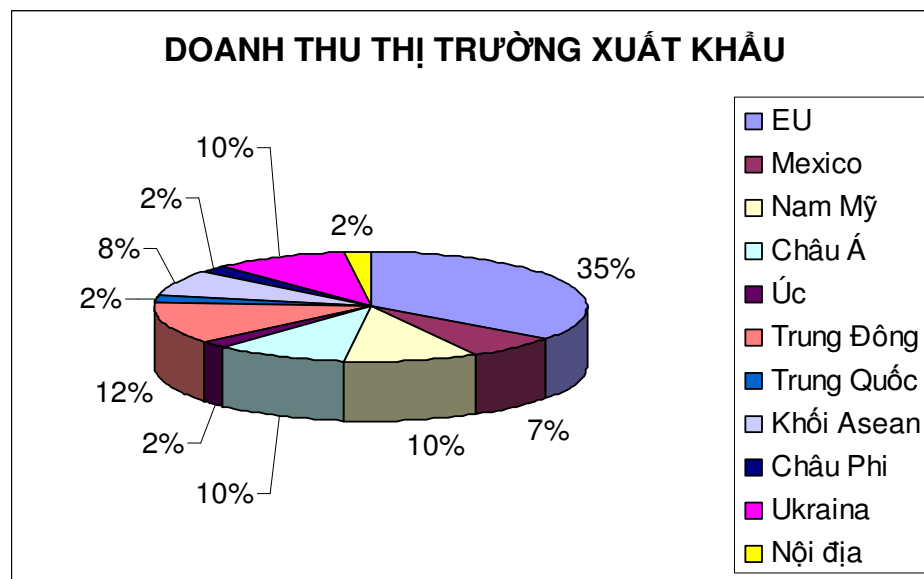
**CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP**

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2011	
		GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG
1	Lợi nhuận gộp hàng hóa, thành phẩm	186.173.519.438	85,2%
2	Lợi nhuận gộp dịch vụ đã cung cấp	31.707.068.452	14,5%
3	Lợi nhuận gộp kinh doanh BĐS đầu tư	619.350.500	0,3%
4	Lợi nhuận gộp đầu tư xây dựng hạ tầng	2.000.000	0,0%
	<b>TỔNG LỢI NHUẬN GỘP</b>	<b>218.501.938.390</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu lợi nhuận gộp trong lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng khá cao 85,2% so với lợi nhuận gộp từ dịch vụ đã cung cấp chiếm tỷ trọng 14,5%, lợi nhuận gộp về kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng 0,3% và lợi nhuận gộp về đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng 0,0% trong tổng lợi nhuận gộp. Điều đó cho thấy công ty IDI trong năm qua chỉ phát triển những ngành nghề chính và có ưu thế về tiềm năng sau này.

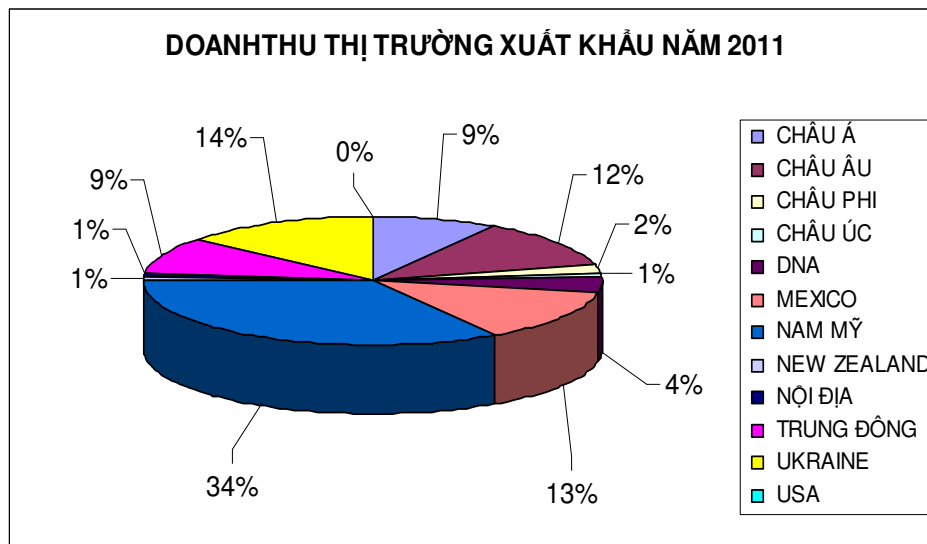
**CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2010**

STT	Thị trường	Doanh thu (Triệu USD)	Tỷ lệ
1	EU	14,06	35%
2	Mexico	2,86	7%
3	Nam Mỹ	3,87	10%
4	Châu Á	4,15	10%
5	Úc	0,716	2%
6	Trung Đông	4,58	12%
7	Trung Quốc	0,788	2%
8	Khối Asean	3,14	8%
9	Châu Phi	0,93	2%
10	Ukraina	4,1	10%
11	Nội địa	0,9	2%
<b>Tổng cộng</b>		<b>40,094</b>	<b>100%</b>



**CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG VÀ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2011**

STT	THỊ TRƯỜNG	DOANH THU (Triệu USD)	TỈ LỆ
1	CHÂU Á	4,683	9%
2	CHÂU ÂU	6,274	12%
3	CHÂU PHI	1,035	2%
4	CHÂU ÚC	0,580	1%
5	DNA	1,923	4%
6	MEXICO	6,526	13%
7	NAM MỸ	17,015	34%
8	NEW ZEALAND	0,261	1%
9	NỘI ĐỊA	0,290	1%
10	TRUNG ĐÔNG	4,717	9%
11	UKRAINE	6,825	14%
12	USA	0,081	0%
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>50,210</b>	<b>100%</b>



**2.2 Nguyên vật liệu:**

- Cá tra là nguyên liệu chính trong hoạt động chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu. Nghề nuôi cá, từ chỗ lệ thuộc vào nguồn cá giống khai thác tự nhiên, chuyển sang chủ động về giống và mở rộng từ nuôi bè sang nuôi ao và nuôi trong quảng đàng, hồ ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết của vùng đầu nguồn sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm. An Giang và Đồng Tháp là hai tỉnh đầu nguồn Sông Tiền và sông Hậu với những ưu đãi của thiên nhiên, môi trường sinh thái phù hợp đã trở thành trung tâm của hoạt động nuôi cá tra.

- Ngày nay, cá tra Việt Nam đã có mặt ở hầu hết các nước, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, trở thành sự lựa chọn số một của giới tiêu thụ từ bình dân tới trung lưu. Nhiều dự báo lạc quan cho rằng, thập kỷ này là của cá tra Việt Nam, rằng nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn, rằng cá tra Việt Nam có bao nhiêu bán cũng hết... Khi nói đến cá tra - tức là nói đến cá tra Việt Nam - vì các nước khác ở hạ lưu sông Mêkông cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít, không có ý nghĩa thị trường.

- Theo dự báo của GAFIN, kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam năm 2015 có thể vượt 2,5 tỉ USD, và đến năm 2020 sẽ đạt 3,6 tỉ USD. Cơ sở để GAFIN đưa ra dự báo này là nhu cầu cá tra đang có xu hướng tăng trên thị trường thế giới. Người tiêu dùng trên khắp thế giới đang có xu hướng lựa chọn thủy sản làm thức ăn hằng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như đã bão hòa, mà chỉ trông chờ vào tăng trưởng nguồn nuôi trồng thủy sản nội địa; mà cá tra là loại thủy sản thuộc loại dễ nuôi, nhất là trong môi trường thuận lợi ở hạ lưu sông Mêkông.

- Giá cá tra vừa phải, phù hợp với người tiêu thụ bình dân, thành phần dân cư nào cũng có thể dùng được. Cùng lúc đó, xu hướng tăng cường nhập khẩu, đẩy khâu sản xuất ra bên ngoài của các nước phát triển do phí môi trường, giá nhân công lao động cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho nghề nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu cá tra của Việt Nam.

- Xu hướng tiêu thụ của thị trường thế giới đang và sẽ đảm bảo cho cá tra Việt Nam nhu cầu đầu ra ổn định ít nhất là cho tới hết thập kỷ này. Theo thống kê mới nhất của FAO, sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế này của Việt Nam - cùng với sự độc quyền về cá tra - càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai xán lạn của con cá tra.

- Để những dự báo lạc quan ấy trở thành hiện thực, cần có sự ứng xử khôn ngoan và những bước đi thích hợp của những người có trách nhiệm, của cộng đồng doanh nghiệp và bà con ngư dân. Nhiều vấn đề nội tại của ngành sản xuất, xuất khẩu cá tra Việt Nam đang cần được giải quyết vì mục tiêu phát triển bền vững.

- Trước việc mở ròi thắt của tín dụng trong năm qua, đã làm cho giá cá nguyên liệu được đẩy từ 25.000 đồng lên 28.500đồng/kg, nhưng nhiều người nuôi cá vẫn chưa chịu bán. Nhưng khi tín dụng thắt chặt thì nhiều người nuôi phải bán đổ bán tháo cá tra với giá 23.000 đồng – 24.000đồng/kg mà nhiều doanh nghiệp vẫn không muốn mua vì thiếu vốn. Việc tăng giảm chi phí sản xuất cũng sẽ ảnh hưởng đến giá bán và hiệu quả kinh doanh của công ty. Chi phí sản xuất chịu tác động của mùa vụ và sản lượng nuôi cá của ngư dân. Đặc điểm của công ty là sản xuất theo đơn đặt hàng, do đó việc thương lượng giá bán và giá mua nguyên liệu, size cỡ theo nguyên tắc đảm bảo sản xuất kinh doanh có lãi là một đòi hỏi phải có kỹ năng thương lượng cao.

\* Tình hình nguồn nguyên liệu của công ty IDI:

- o Cũng như các sản phẩm nông nghiệp khác, nghề nuôi cá tra cũng chịu tác động bởi yếu tố mùa vụ. Có vụ thuận, có vụ nghịch. Vụ thuận cá phát triển tốt, ít dịch bệnh. Vụ nghịch, cá phát triển chậm, dịch bệnh nhiều. Vì vậy, khi nuôi cá phải tính đến việc lựa chọn vụ nuôi hợp lý để đạt hiệu quả cao.
- o Đối với công ty, khi xác định việc tự nuôi cá tra cũng phải tính đến những rủi ro là:  
+ Quản lý kém, dễ thất thoát, lãng phí cũng có thể gây lỗ. Tuy nhiên, việc thực hiện nuôi của xí nghiệp đã thể hiện được trách nhiệm cao và đã làm tốt việc quản lý.

+ Rủi ro dịch bệnh, đây là điều mà xí nghiệp còn hạn chế do ít kinh nghiệm. Việc dự báo dịch bệnh, xử lý khi có dịch bệnh còn yếu. Thật ra thì những rủi ro này đối với những người có kinh nghiệm nuôi lâu năm cũng vẫn bị mắc phải.

+ Rủi ro rớt giá. Đây là yếu tố có thật và nằm ngoài tầm kiểm soát của xí nghiệp. Song nếu chọn được mùa vụ hợp lý, dự báo được nguồn cung nguyên liệu và thị trường xuất khẩu thì có thể khắc phục được. Như một quy luật, khi thị trường thừa nguyên liệu sẽ rớt giá. Khi hút nguyên liệu sẽ tăng giá. Ở những trường hợp nuôi lâu năm và nuôi nhiều hầm thì thường chọn phương án rải thời gian thu hoạch ra các tháng trong năm.

=> Như vậy để vụ nuôi thắng lợi thì cả 3 yếu tố trên phải có sự kết hợp tốt.

- Đối với công ty, khi xác định mô hình nuôi liên kết là bước đi đúng hướng trong điều kiện vùng nuôi tập trung của công ty còn nhỏ, so với mô hình khoán nuôi gia công thì mô hình nuôi liên kết thông qua công ty cung cấp thức ăn thủy sản, thu lại nguyên liệu cá tra sẽ đạt được 3 yêu cầu sau:

+ Tận dụng được kinh nghiệm, tay nghề lao động của hộ nuôi.

+ Thông qua việc góp vốn bằng hầm nuôi, cá giống, thuốc thủy sản, công nuôi và thức ăn cho cá đến khi đạt trọng lượng khoảng 200g/con đã tạo cho chủ hầm có trách nhiệm với phần vốn góp này. Thực tế phần vốn góp của chủ hầm chiếm khoảng 22% đến 25% giá thành cho 1kg cá nguyên liệu.

+ Hạn chế được rủi ro trong quá trình đầu tư liên kết.

=> Tuy nhiên, mô hình nuôi liên kết này cũng có những bất cập là: Trên thực tế cá vẫn là của chủ hầm và thời điểm bắt cá còn phụ thuộc vào sự tính toán của chủ nuôi. Mặt khác, giá cá tra nguyên liệu vẫn phụ thuộc vào giá cá trên thị trường, đổi lại công ty đảm bảo được nguồn nguyên liệu.

- Từ những vấn đề phát sinh trên, trong năm 2011 công ty đã thực hiện được nguồn nguyên liệu như sau:

\* Tổng sản lượng nguyên liệu cả năm là 30.661 tấn, so với năm 2010 chiếm 93%.

Trong đó:

+ Công ty tự nuôi cá là 476 tấn. Tỷ lệ 1,6%

+ Công ty nuôi liên kết đầu tư là 14.464 tấn. Tỷ lệ 47,17%, so với năm 2010 đạt 221%.

+ Công ty thực hiện mua ngoài là 15.721 tấn. Tỷ lệ 51,27%.

+ Tổng doanh số mua cá nguyên liệu là 769,671 tỷ đồng.

+ Giá cá nguyên liệu bình quân trong năm là 25.102 đồng/kg.

\* Từ đầu tư nuôi liên kết, giữa năm 2011 công ty đã chốt giá mua nguyên liệu trước với chủ nuôi ngay khi bắt đầu cung cấp thức ăn. Lượng nguyên liệu được chốt là 5.920 tấn, trong đó:

+ Chốt 1.500 tấn, giá 23.500 đ/kg.

+ Chốt 3.500 tấn, giá 24.500 đ/kg.

+ Chốt 600 tấn, giá 25.200 đ/kg.

+ Chốt 320 tấn, giá 26.000 đ/kg.

+ Tại thời điểm thu hoạch, giá cá thị trường là 27.800 đồng/kg.

+ Mặt khác, những trường hợp không chốt được giá trước thì khi thu hoạch vẫn tính với chủ hầm theo giá thị trường song có chia sẻ từ 300 đ/kg đến 500 đ/kg.

- Trong năm 2011, công ty vẫn giữ các vùng nguyên liệu để đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất như:

- *Vùng nguyên liệu tự chủ:* Diện tích khoảng 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; 15 ha tại xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đất vùng nuôi được IDI nhận chuyển nhượng từ người dân và 10 ha đất



thuê tại xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Từ đây, công ty đã đặt chỉ tiêu cho xí nghiệp nuôi trồng thủy sản trong năm 2012 phải đạt là 8.600 tấn.

- *Vùng nguyên liệu kết hợp:* Hiện nay thường xuyên có từ 25 đến 30 hộ nuôi liên kết với công ty, đảm bảo mỗi tháng nguồn cá liên kết cung cấp từ 1.500 tấn đến 2.000 tấn cá nguyên liệu cho nhà máy.
- *Vùng nguyên liệu mua ngoài:* Được công ty thu mua trực tiếp từ các chủ nuôi mà công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp tin cậy lâu nay. Với vị trí thuận lợi nằm ngay ngã ba Sông Hậu và Sông Lấp Vò, khu vực giao thương giữa ba tỉnh An Giang - Đồng Tháp - Cần Thơ, nên việc thu mua cá của ngư dân vẫn đáp ứng tốt cho nhà máy hoạt động trong suốt thời gian qua.



Công nhân đang chuyển cá từ ghe lên nhà máy tại bến nhập nguyên liệu



MỘT TRONG NHỮNG VÙNG ĐẦU TƯ NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN CỦA CTY IDI

o Hiện tại, công ty IDI đang tiếp tục phát triển tích cực hình thức vùng nuôi cá tra nguyên liệu liên kết nhằm để ổn định nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số I với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và nhà máy chế biến bột cá Trisedco, cuối năm 2011 là nguyên liệu mở cá tra cung cấp cho nhà máy tinh luyện dầu cá.



\* Tình hình nguồn nguyên liệu trong thời gian tới của vùng ĐBSCL:

- Hiện nay, Viện nghiên cứu Thủy sản 2 đang gấp rút xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh, đồng thời cho nhân giống đàn cá bố mẹ hậu bị - cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi được chuyển giao cho các trại giống.

- Cụ thể khoảng giữa năm 2011, Viện Thủy sản 2 sẽ chuyển giao cho các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu, Vĩnh Long trước 50.000 cá bố mẹ hậu bị và chuyển giao tiếp 50.000 con nữa vào năm 2012. Theo quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020.

- Trong năm 2012, hoàn thiện quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản toàn quốc, quy hoạch nuôi một số đối tượng nuôi chủ lực và quy hoạch chi tiết ở các địa phương. Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi đồng bộ, gắn với xây dựng tổ chức, quản lý của các mô hình kinh tế hợp tác.



- Đến năm 2015, cung cấp 100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng. 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản lồng, bè, phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng. Đạt sản lượng nuôi trồng thủy sản 3,6 triệu tấn, trên diện tích 1,1 triệu ha, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt đến 4 tỷ USD.

- Đến năm 2020, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 4,5 triệu tấn, trên diện tích 1,2 triệu ha, giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt đến 5,5 tỷ USD, giải quyết việc làm cho khoảng 3,5 triệu lao động.

### 2.3 Chi phí sản xuất

#### CƠ CẤU CHI PHÍ

Số TT	KHOẢN MỤC	NĂM 2010		NĂM 2011	
		GIÁ TRỊ	Tỷ trọng	GIÁ TRỊ	Tỷ trọng
1	Giá vốn hàng bán	744.423.477.775	85,5%	878.971.227.088	79,6%
2	Chi phí bán hàng	62.527.674.140	7,2%	71.132.378.359	6,5%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.837.755.295	1,2%	33.626.624.274	3,0%
4	Chi phí tài chính	51.975.141.459	6,0%	115.307.898.424	10,5%
5	Chi phí khác	769.438.725	0,1%	4.590.954.828	0,4%
	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>870.533.487.394</b>	<b>100%</b>	<b>1.103.629.082.973</b>	<b>100%</b>

Năm 2011, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần là 80% tương ứng với lợi nhuận gộp là 218,501 tỷ đồng có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2010 là 79% tương ứng với lợi nhuận gộp là 202,268 tỷ đồng. Do công ty đã quyết liệt trong việc tiết kiệm chi phí sản xuất nên tỷ trọng giá vốn hàng bán năm 2011 là 79,6% giảm so với năm 2010 là 85,5%; Về chi phí bán hàng thì công ty cũng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí nên tỷ trọng năm 2011 là 6,5% giảm so với năm 2010 là 7,2%; Về chi phí quản lý doanh nghiệp thì Công ty Kiểm toán Mỹ (AA) thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm 2011 là 19,879 tỷ đồng và đưa khoản dự phòng này vào chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho tỷ trọng năm 2011 là 3,0% tăng mạnh so với năm 2010 là 1,2%; Về chi phí tài chính thì tỷ trọng năm 2011 là 10,5% tăng mạnh so với năm 2010 là 6,0% tương ứng tăng 63,332 tỷ đồng, nguyên nhân là do lãi tiền vay tăng 45,711 tỷ đồng (*lãi vay vốn luôn đứng ở mức cao cả năm 2011*), lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 7,303 tỷ đồng (*Theo Quyết định số 230/QĐ-NHNN ngày 11/02/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì NHNN điều chỉnh tỷ giá mua, bán của đồng Việt Nam đối với đô la Mỹ thông qua việc điều chỉnh tỷ giá bình quân giao dịch thêm 9,3% và thu hẹp 2% biên độ, việc điều chỉnh này tạo điều kiện cho USD được giao dịch tại mức 20.900 đồng thay vì 19.500 đồng (cao hơn 7,17%), nhằm kỳ vọng sẽ giải quyết được vấn đề ngoại hối trong thời gian hiện tại*), dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tăng 4,371 tỷ đồng và chi phí tài chính khác tăng 5,946 tỷ đồng; Về chi phí khác thì tỷ trọng năm 2011 là 0,4% tăng so với năm 2010 là 0,1% tương ứng tăng 3,821 tỷ đồng.

Mặt khác, ban giám đốc chỉ đạo kiên quyết trong việc bán hàng không để xảy ra tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu và quá nhiều. Đồng thời, kiểm soát, cải tiến và thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất nhằm hạn chế các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất như hao hụt nguyên vật liệu ... để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia

## 2.4 Trình độ công nghệ

- Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu số I được xây dựng trên mặt bằng sản xuất thuận lợi cả đường bộ lẫn đường thủy, với dây chuyền công nghệ và trang thiết bị chế biến cấp đồng hiện đại, hệ thống quản lý, con người, tổ chức sản xuất đến việc áp dụng các chương trình quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của Việt Nam và quốc tế; đảm bảo hàng hóa sản xuất ra có giá thành thấp, chất lượng tốt để có thể tiêu thụ trên thị trường thế giới ngay cả ở những thị trường khó tính nhất.

- Nhà máy nằm tại khu vực trung tâm vùng nguyên liệu nên nguồn cung cấp cá tra luôn dồi dào. Nhà máy cũng nằm ở vùng trung tâm nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trong ngành chế biến cá tra nên lực lượng lao động phong phú, có nhiều cơ hội thu tuyển công nhân giỏi. Nhà máy lại nằm trong cụm công nghiệp riêng của công ty IDI nên dễ dàng mở rộng qui mô sản xuất khi có nhu cầu phát triển.

- Về tổ chức mặt bằng, dây chuyền sản xuất cũng rất logic và khoa học. Từ việc vận chuyển nhập cá nguyên liệu đến cách tổ chức dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm, bố trí các phòng chức năng phụ trợ, các hạng mục công trình phụ một cách hợp lý; giúp đơn giản hóa công tác quản lý và tiết giảm đáng kể chi phí. Tổ chức không gian bên ngoài khu vực sản xuất cũng rất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường, tạo cảm giác an tâm ngay từ đầu cho tất cả khách hàng khi vừa đặt chân đến nhà máy.

- Thiết bị cấp đông và thiết bị chế biến đều là thiết bị tiên tiến nhất hiện nay; mới 100%, chủ yếu nhập từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ; đảm bảo hoạt động ổn định, sản xuất ra hàng hóa có chất lượng cao, cho phép nhà máy bán tự động và tự động hóa phần lớn các hoạt động sản xuất.

- Mặc khác, 100% lực lượng công nhân nhà máy tại các công đoạn quan trọng, đòi hỏi có kỹ năng đều là lao động lành nghề, thu hút từ các nhà máy khác. Hơn 80% cán bộ quản lý sản xuất của nhà máy từ Giám đốc cho đến nhân viên đều là những người đã có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các nhà máy khác trong ngành hội tụ về. Đảm bảo quá trình sản xuất hàng hóa được quản lý tốt và giá thành sản xuất hợp lý.

- Đến đầu năm 2011, nhà máy số I đã hoàn thành 100% đi vào hoạt động với công suất thiết kế có thể đạt tối đa là 600 tấn nguyên liệu/ngày. Công ty cũng đã đầu tư hoàn thành một số các hạng mục chính của nhà máy chế biến thủy sản số I là:

- Nhà xưởng sản xuất khoảng 15.000 m<sup>2</sup> đáp ứng công suất chế biến tối đa 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- Hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng công suất tối đa 600 tấn nguyên liệu/ngày.
- Kho lạnh chứa hàng sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.
- Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn nước theo tiêu chuẩn của Châu Âu, công suất xử lý 240 m<sup>3</sup> nước/giờ.
- Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m<sup>3</sup> nước/giờ.
- Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và máy phát điện dự phòng 3.250 KVA.
- Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.
- Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người.
- Xưởng cơ khí sửa chữa.
- Trung tâm kiểm nghiệm.
- Hệ thống sân đường, cây xanh.
- Đội xe vận tải hàng hóa (bao gồm vận chuyển nguyên liệu và vận chuyển hàng lạnh thành phẩm đi cảng xuất).
- Trụ sở làm việc công ty đã đưa vào sử dụng.
- Xây dựng hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe cho công nhân, bể chứa nước sạch 500m<sup>3</sup>, bể ly tâm nước thải, phần bờ kè còn lại cập sông Lấp Vò. . . .



Phòng máy



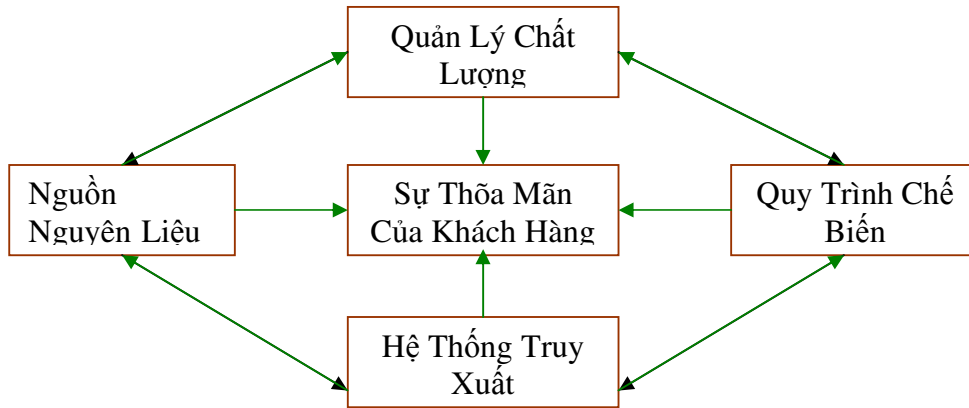
Hiện tại, công ty IDI đã hoàn tất các quy trình chế biến, sản xuất cá tra xuất khẩu với mục tiêu nhằm đạt được kết quả cao nhất tại các công đoạn trong chu trình chế biến sản phẩm cá tra, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng tại các công đoạn, từ đó nâng cao khả năng đáp ứng các yêu cầu và sự thỏa mãn của khách hàng trong và ngoài nước.



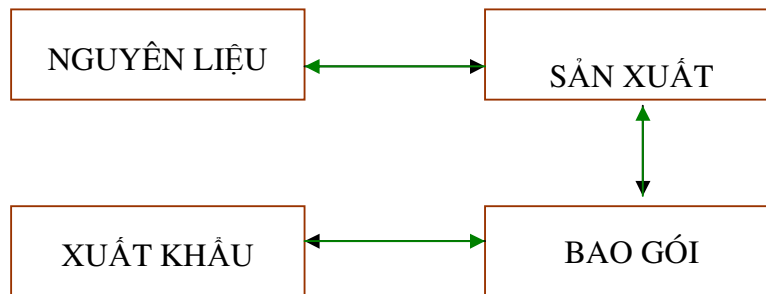
Kho Iqnh



### QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU

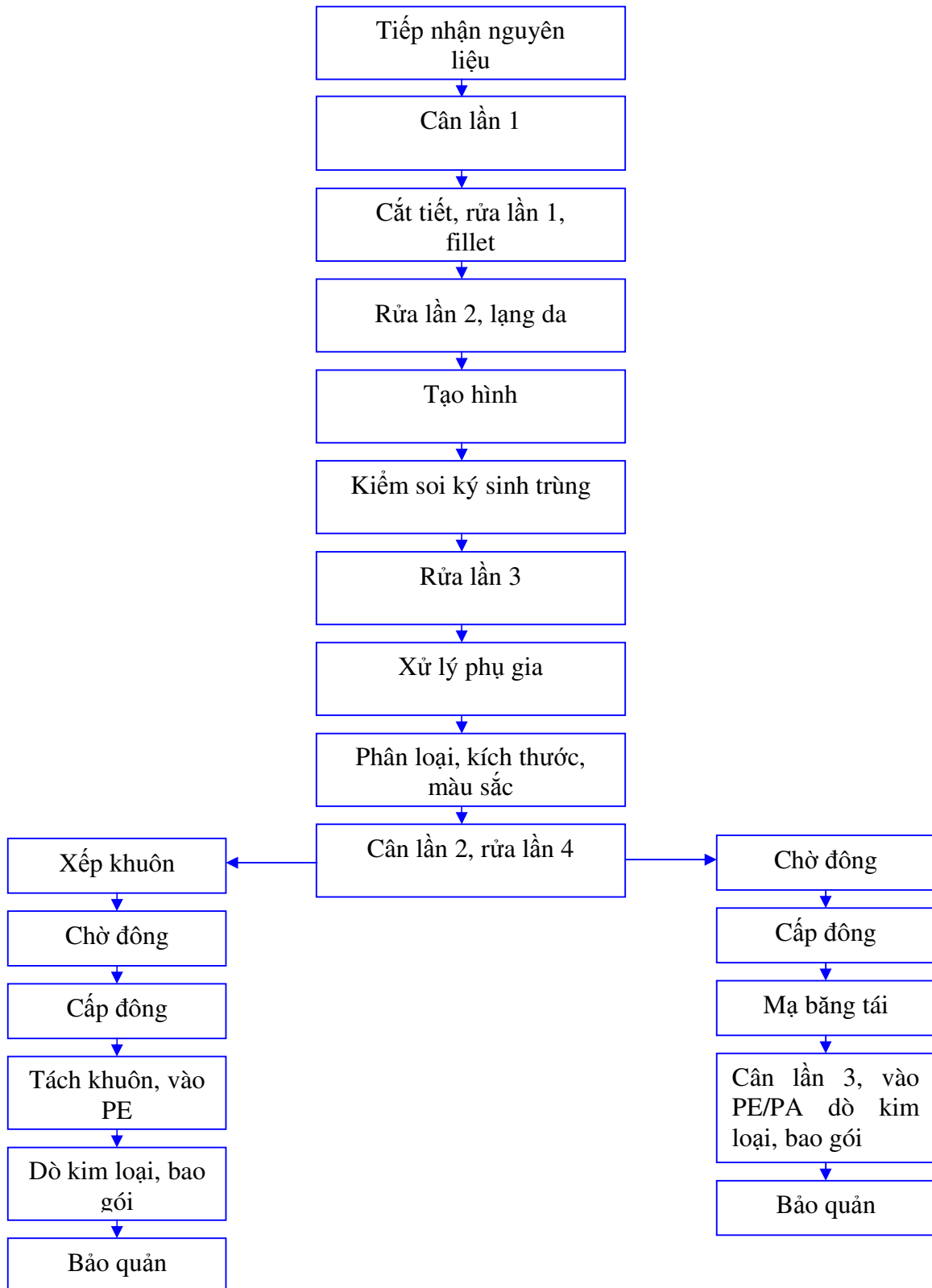


### QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT



Máy phân cỡ

### QUY TRÌNH CHẾ BIẾN



## 2.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Hiện nay, công ty đang vận hành nhà máy chế biến phụ phẩm từ quá trình sản xuất cá tra fillet xuất khẩu do Trisedco làm chủ đầu tư, thay vì bán phụ phẩm cho các đầu nậu với giá thấp, nhà máy Trisedco thu mua 100% phụ phẩm từ IDI sau đó sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá .... Từ đó, làm tăng giá trị các sản phẩm khi cung cấp ra thị trường, tạo nên thu nhập đáng kể cho công ty trong những năm tới.

- Năm 2012, công ty đang xây dựng nhà máy tinh luyện dầu cá, đây cũng là sản phẩm mới trên thị trường, nhằm nâng giá trị phần mỡ thô từ con cá tra. Khi nhà máy đi vào hoạt động sẽ đem lại nguồn thu đáng kể cho công ty trong thời gian tới. Mỡ cá qua tinh luyện đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn và khả năng điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Điểm nhấn về tầm quan trọng của các omega-3 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của việc bổ sung dầu cá đã được tinh luyện đó là giá trị trong thực phẩm cho sức khỏe của con người. Do đó, dầu cá sẽ ngày càng trở nên phổ biến vì các tác động tích cực về mặt dinh dưỡng của nó. Thêm vào đó chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng thêm quan trọng hơn.

- Năm 2013, dự kiến sẽ khởi công nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, nhà máy này ra đời sẽ sử dụng triệt để phần bột cá do nhà máy phụ phẩm Trisedco sản xuất ra, nhằm cung cấp một lượng thức ăn cho xí nghiệp nuôi trồng thủy sản, tạo một dây chuyền gần khép kín trong sản xuất kinh doanh của công ty.

- Ngoài ra, công ty cũng đang nghiên cứu lĩnh vực mua bán, chế biến xuất khẩu gạo, đây là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá cả biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.



Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá



Xe lạnh đang nhận hàng tại kho lạnh của nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia

## 2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện nay, nhà máy thủy sản của IDI đang áp dụng các chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Đặc biệt nhà máy đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2008, IFS, HALAL, GLOBAL G.A.P, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là những bằng chứng thuyết phục để chứng minh với khách hàng rằng hàng hóa của IDI sản xuất ra có chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

Về mặt chất lượng, hiện nay sản phẩm của nhà máy chế biến thủy sản số I sản xuất ra được phép tiêu thụ ở hầu hết các thị trường trên thế giới đang tiêu thụ cá tra của Việt Nam.

## 2.7 Hoạt động Marketing

Biện pháp marketing hữu hiệu là tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế. Tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.





Tham gia Hội chợ Triển lãm Quốc Tế





Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế

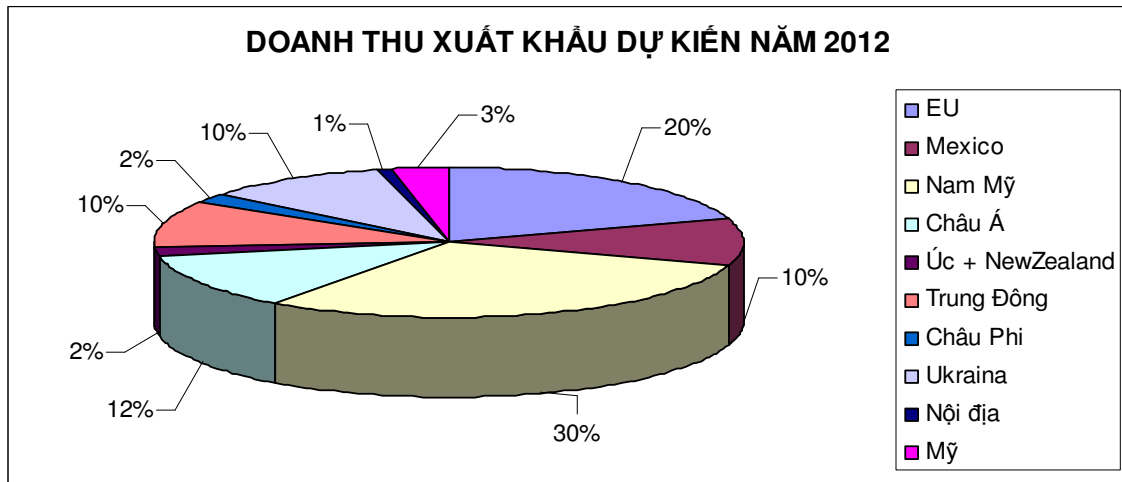
Hàng năm, công ty IDI thường tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới. Công ty cũng quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP. Công ty cũng thường xuyên mời khách hàng đến thăm nhà máy và qua đó tăng niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Bên cạnh đó, định kỳ Công ty cũng gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

Ngoài ra, công ty còn thực hiện tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng. Đối với những thị trường mới, công ty thường sử dụng những kênh phân phối có sẵn. Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với các khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới. Có kế hoạch phân công theo dõi chặt chẽ tiến độ, khối lượng và doanh số mua bán từng khách hàng để có những điều chỉnh thích hợp. Bên cạnh đó công ty cũng đang mở rộng thêm các mặt hàng giá trị gia tăng khác và đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng cá fillet tươi sống nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng.

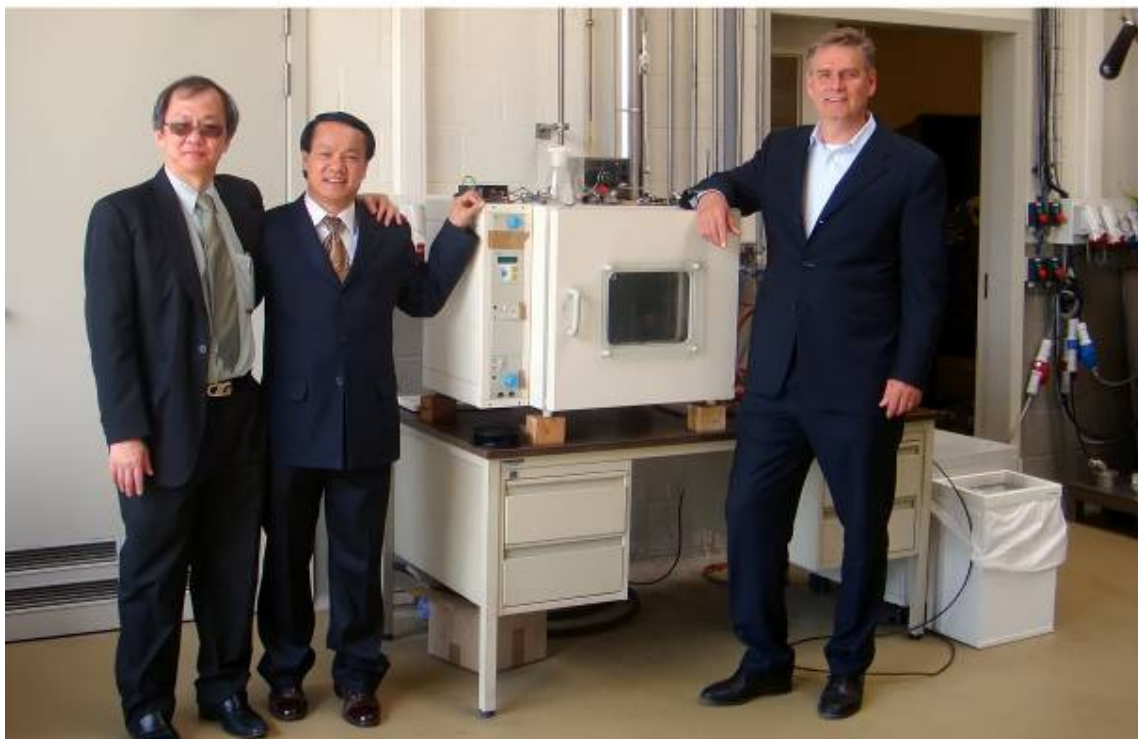
### Dự kiến cơ cấu thị trường trong năm 2012

Số TT	Thị trường	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Doanh thu (Triệu USD)	Tỉ lệ	Doanh thu (Triệu USD)	Tỉ lệ	Doanh thu (Triệu USD)	Tỉ lệ
1	EU	14,06	35%	17,70	35%	15,20	20%
2	Mexico	2,86	7%	5,06	10%	7,60	10%
3	Nam Mỹ	3,87	10%	9,10	18%	22,80	30%
4	Châu Á	4,15	10%	4,05	8%	9,12	12%
5	Úc + NewZealand	0,72	2%	1,01	2%	1,52	2%
6	Trung Đông	4,58	12%	6,07	12%	7,60	10%
7	Trung Quốc	0,79	2%	1,52	3%		
8	Khối Asean	3,14	8%	3,03	6%		
9	Châu Phi	0,93	2%	1,01	2%	1,52	2%
10	Ukraina	4,10	10%	1,01	2%	7,60	10%
11	Nội địa	0,90	2%	1,01	2%	0,76	1%
12	Mỹ					2,28	3%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>40,09</b>	<b>100%</b>	<b>50,57</b>	<b>100%</b>	<b>76,00</b>	<b>100%</b>





Chủ tịch HĐQT Cty IDI làm việc với các Đối tác nước ngoài





## 2.8 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

Trong những năm qua, công ty IDI cũng đã chi hàng trăm triệu đồng để đóng góp vào các quỹ từ thiện vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, tặng hơn 12 căn nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo ở địa phương, tham gia chương trình ăn Tết vì người nghèo, trực tiếp tặng quà cho các gia đình nghèo, trẻ em cơ nhỡ, những gia đình khó khăn ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, .v.v. Tài trợ cho các chương trình ca nhạc gây quỹ từ thiện, quỹ vì người nghèo do một số đài truyền hình trung ương và địa phương tổ chức, hội hoa xuân TP.Cao Lãnh và huyện Lấp Vò. Không những làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương mà tấm lòng nhân ái của công ty IDI còn vươn ra nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.

Công ty cũng tham gia thường xuyên trên các Báo, Đài có uy tín từ trung ương đến địa phương như đài Truyền hình VTV1, HTV7, HTV9, Truyền hình Trung ương tại Thành phố Cần Thơ, Truyền hình Vĩnh Long, Truyền hình An Giang, .v.v. Tạp chí Thủy sản, Tạp chí Chứng khoán, Báo Đầu tư Tài chính, Báo An Giang .v.v. để phổ biến hình ảnh của công ty IDI đến công chúng. Tạo ra những ấn tượng tốt đẹp về hình ảnh công ty IDI trong lòng mọi người.



Đoàn Đại biểu Chính Phủ Myanmar đến thăm và làm việc với Cty IDI



Đoàn Đại biểu Chính Phủ Myanmar đến thăm và làm việc với Cty IDI



Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động công ty IDI cũng đã tuân thủ tốt các quy định của pháp luật từ trung ương đến địa phương. Tạo được mối quan hệ thân ái với các cơ quan chức năng, lãnh đạo các cấp, các đối tác, người nuôi cá, . . . Điều này giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu tốt đẹp cho Công ty.

Ngược lại, công ty IDI cũng nhận được sự quan tâm hỗ trợ rất mạnh mẽ từ các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương. Điển hình là lãnh đạo cao nhất của hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp cùng với lãnh đạo của các cơ quan ban ngành cũng đã đến thăm và chúc tập thể CBCNV công ty ngày càng phát triển hơn nữa. Đoàn Myanmar, đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Lãnh đạo Hội nghề cá cũng đã đến thăm công ty trong thời gian vừa qua.

## 2.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:



Pháp lý: Logo của công ty IDI đã được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/03/2009.

Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:

- Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến: Cá basa, cá tra, tôm, mực, nghêu, sò.
- Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
- Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
- Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản: Cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa; lươn; các loại cá biển như cá bob, cá nù, nuôi trồng thủy hải sản.

## III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

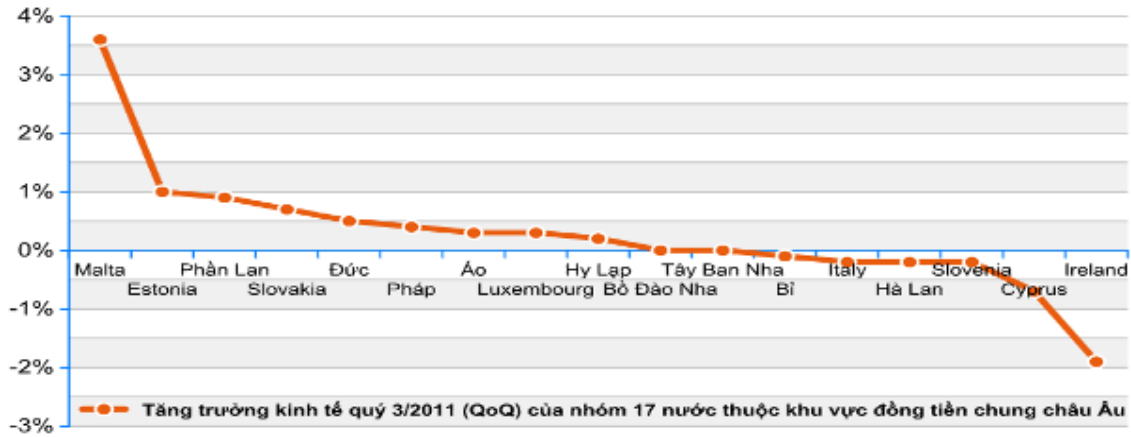
### 3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

a/ Tình hình kinh tế - tài chính thế giới:

Kinh tế thế giới năm 2011 có nhiều mây đen và bão táp, nhưng năm 2012 sẽ còn dữ dội hơn khi các cơ quan có tín nhiệm nhất trên thế giới đều liên tục hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế. Kinh tế Việt Nam do đó cũng chịu những hệ lụy nhất định.

a1. Kinh tế châu Âu bên bờ vực suy thoái:

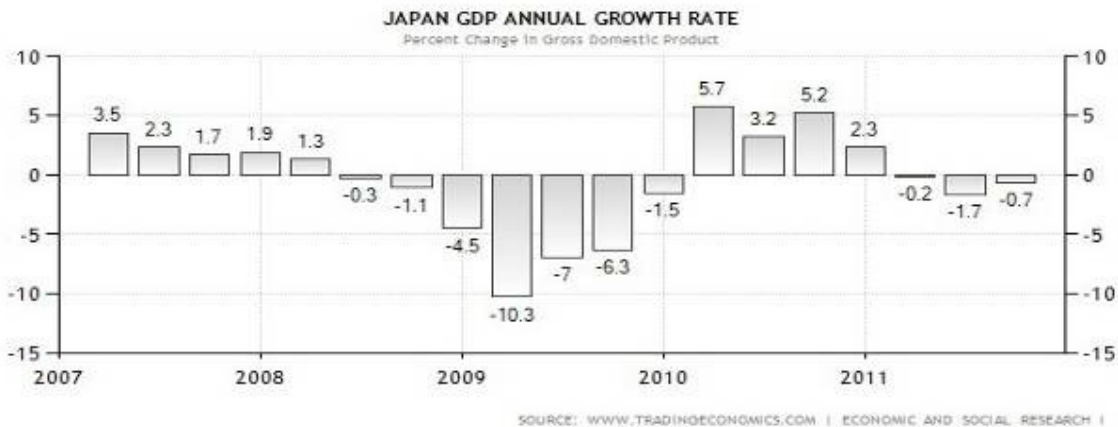
- Nguyên do gây ra thực trạng kinh tế châu Âu ngày càng trở nên tồi tệ là Hiệp ước Maastricht (hiệp ước thiết lập đồng tiền chung và các quy tắc nhằm ngăn chặn nợ công của chính phủ, là việc thành lập một liên minh tiền tệ mà không có liên minh chính trị). Tuy nhiên, GDP eurozone tăng trưởng 0,2% trong quý 3 so với quý 2/2011. Tăng trưởng GDP quý 3/2011 tại 2 nền kinh tế lớn nhất châu Âu bao gồm Đức và Pháp giúp bù lại cho nhóm nền kinh tế yếu trong khu vực. Nhiều dự báo khả năng kinh tế eurozone suy thoái nhẹ trong năm 2012 lên tới 40%.



Ngân hàng Bundesbank - Ngân hàng Trung ương Đức hiện đang thực hiện chiến dịch chống lại việc mở rộng vô độ lượng cung tiền ở khu vực và đã bắt đầu các giải pháp giới hạn các thiệt hại có thể xảy ra nếu có sự đổ vỡ, và cũng đang thắt chặt tín dụng trong nước. Đây sẽ là chính sách đúng đắn nếu Đức là một quốc gia độc lập, nhưng các thành viên mắc nợ lớn của Khu vực đồng euro đang cần sự giúp đỡ mạnh mẽ hơn từ Đức để có thể tránh được suy thoái.

- Kinh tế Mỹ sau 15 quý mới phục hồi trở lại mức trước khủng hoảng. GDP Mỹ quý 3/2011 tăng trưởng 1,8% và tổng giá trị GDP đạt 13,35 nghìn tỷ USD, cao hơn mức đỉnh 13,33 nghìn tỷ USD quý 4/2007.

- Kinh tế Nhật thoát khỏi tình trạng suy thoái do động đất, sóng thần nhờ xuất khẩu và tiêu dùng tăng trưởng mạnh. So với quý 2/2011, GDP Nhật quý 3/2011 tăng trưởng 1,5% sau 3 quý suy giảm liên tiếp và tăng trưởng 6,1% so với cùng kỳ.

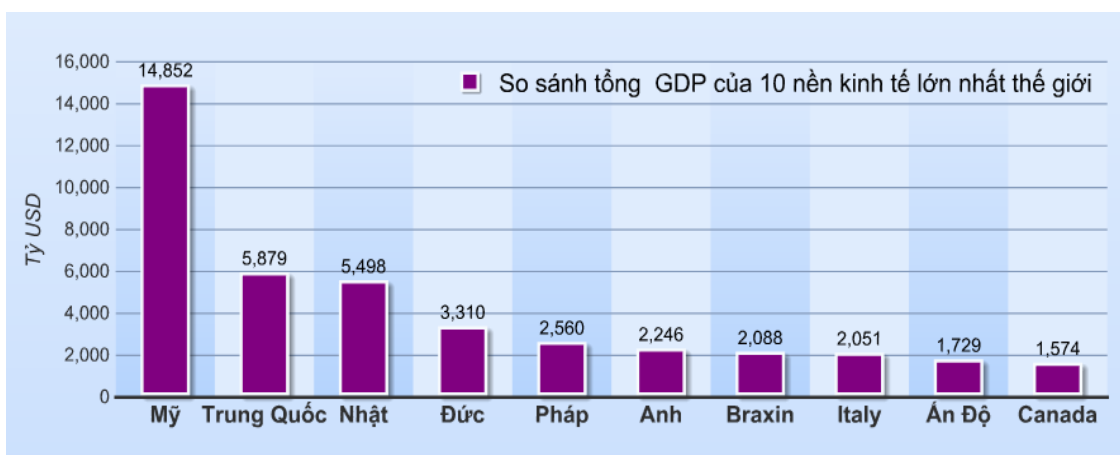


Tăng trưởng GDP của Nhật từ đầu năm 2007 đến nay.

a2. Kinh tế Trung Quốc vươn lên vị trí thứ 2 thế giới:

- Tổng GDP Trung Quốc tính đến hết quý 3/2011 đạt 5.879 tỷ USD, đứng thứ 2 thế giới nhưng chất lượng tăng trưởng thấp. Khoảng 100 triệu người Trung Quốc gần tương đương dân số Nhật sống dưới mức 2USD/người/ngày. Kinh tế Trung Quốc quý 4/2011 và quý 1/2012 có thể tăng trưởng tối đa 7,2%. Lạm phát tại Trung Quốc lập đỉnh vào tháng 7/2011 và hạ nhiệt xuống 4,2% vào tháng 11/2011.





*a3. Khủng hoảng nợ công:*

- Ngày 02/08/2011, trần nợ Mỹ được điều chỉnh tăng thêm 2,4 nghìn tỷ USD để ngăn Mỹ vỡ nợ. Ngày 05/08/2011, S&P hạ xếp hạng tín dụng AAA của Mỹ xuống mức AA+. Trái phiếu Bộ Tài chính Mỹ có xếp hạng thấp hơn so với trái phiếu chính phủ Anh, Đức, Pháp hay Canada. Mỹ có thể tiếp tục bị hạ xếp hạng tín dụng trong từ 12 đến 18 tháng tới.

- 05 Chính phủ Châu Âu sụp đổ vì khủng hoảng nợ và bị hạ xếp hạng tín dụng nhiều lần: Tây Ban Nha, Italy, Hy Lạp, Ireland, Bồ Đào Nha. EIU hạ mức dự báo tăng trưởng GDP cho eurozone xuống còn 0,3% vào năm 2012 từ dự báo trước đó là 0,8%. EU không đạt được thỏa thuận đột phá để cải thiện tình hình.

*a4. Khủng hoảng địa chính trị đánh sập nhiều chính phủ:*

- Khủng hoảng địa chính trị tại Trung Đông – Bắc Phi bắt nguồn chính từ thực trạng giá thực phẩm tăng quá nóng và hệ thống phân phối của cải, phúc lợi bất cập tại một số nước khu vực Trung Đông, Bắc Phi.

- Khởi đầu từ Tunisia và sau đó lan rộng, Tổng thống Tunisia, ông Zine El Abidine Ben Ali phải từ chức sau 24 năm cầm quyền liên tục.

- Thắng lợi của cuộc “cách mạng” tại Tunisia đã tạo ra hiệu ứng domino đối với một loạt các nước ở Trung Đông và Bắc Phi như Ai Cập, Lybia, Syria, Yemen... Đầu tháng 9/2011, chính phủ của lãnh đạo Gaddafi sụp đổ. Ngoài ra không thể đến cuộc “đổi đầu” giữa Iran và thế giới phương Tây xung quanh vấn đề hạt nhân.

*a5. Lạm phát toàn cầu lập đỉnh:*

- Khoảng 7 tháng đầu năm 2011, lạm phát trên thế giới, đặc biệt tại nhóm thị trường mới nổi tăng nóng. Nguyên nhân chính bởi nhu cầu tiêu thụ hàng hóa tăng cao, tác động từ các gói kích thích kinh tế của Fed.

- Tại Ấn Độ, lạm phát tháng 5/2011 chạm mức 9,6%; lạm phát tại Trung Quốc lập đỉnh 6,4% vào tháng 7/2011; tại Nga, lạm phát lập đỉnh trên 9%... Lạm phát tại eurozone cũng vượt mức mục tiêu 2% của ECB...

- Trong những tháng cuối năm 2011, lạm phát tại nhiều nền kinh tế hạ nhiệt khi nhu cầu yếu đi, khủng hoảng châu Âu căng thẳng hơn khiến đồng USD tăng mạnh, giá hàng hóa giảm theo.

*a6. Thảm họa thiên nhiên gây thiệt hại kinh tế nặng nề:*

- Ngày 11/03/2011, khu vực Đông Bắc của Nhật chịu trận động đất 9 độ richte; sóng thần phá hủy nhiều thành phố ven biển; gây chấn động lớn đến nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi. Thiệt hại do động đất sóng thần gây ra khoảng 309 tỉ USD.

- Tại Thái Lan, ít nhất 430 người đã thiệt mạng trong cơn "đại hồng thủy", đời sống của khoảng 2,3 triệu người bị ảnh hưởng vì lũ lụt. Trận lũ lịch sử gây ảnh hưởng trực tiếp tới 1/3 số tỉnh và 3/4 diện tích Thái Lan. Tổng tiền khắc phục hậu quả sau lũ lụt khoảng hơn 3,3 tỷ USD.

- Năm 2011 thế giới còn chịu rất nhiều thảm họa thiên nhiên kinh khủng bao gồm lũ lụt, lở đất ở Braxin tháng 01/2011; động đất ở New Zealand tháng 02/2011; bão ở Mỹ tháng 4/2011; lốc xoáy tại Mỹ tháng 5/2011; phun trào núi lửa tại Chile tháng 6/2011; siêu bão Irene tại Mỹ tháng 8/2011; cháy rừng tại Mỹ tháng 9/2011; động đất tại Thổ Nhĩ Kỳ tháng 10/2011; bão lụt ở Philippin tháng 12/2011 (hơn 1.000 người thiệt mạng).

*a7. Thế giới vẫn chạy đua với các gói kích thích:*

- Ngày 22/09/2011, Fed đưa ra "Operation Twist" trị giá 400 tỷ USD. Fed bán 400 tỷ USD trái phiếu ngắn hạn (đáo hạn trong vòng 3 năm trở lại) để mua 400 tỷ USD trái phiếu dài hạn (đáo hạn trong vòng 6-30 năm) từ tháng 10/2011, kết thúc vào tháng 6/2012. Giá trị của chương trình lần này tương đương gần 2,7% GDP.

- Ngày 08/12/2011, ECB đã hạ 0,25 điểm % lãi suất chủ chốt trong eurozone xuống còn 1%. ECB nhiều khả năng chuẩn bị hạ lãi suất cơ bản đồng euro xuống dưới cả mức 1%.

- Tháng 9/2011, BoJ quyết định nới lỏng hơn nữa chính sách tiền tệ bằng cách mở rộng quy mô của chương trình mua tài sản từ 40.000 tỷ yen lên 50.000 tỷ yen. BoJ tăng quy mô của quỹ mua tài sản tài chính từ 10.000 tỷ yen lên 15.000 tỷ yen.

- Ngày 30/11/2011, lần đầu trong 3 năm, NHTW Trung Quốc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0,5 điểm phần trăm xuống 21% cho các ngân hàng thương mại lớn, quyết định có hiệu lực từ ngày 05/12/2011. Trung Quốc đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế lên hàng đầu thay cho mục tiêu kiềm chế lạm phát, bất chấp rủi ro bong bóng bất động sản vẫn lớn.

- Ngày 30/11/2011, 6 NHTW thế giới tạo ra chương trình hoán đổi song phương để nguồn cung tiền của bất kỳ loại tiền nào sẽ được đảm bảo nếu thị trường có nhu cầu. Chương trình có hiệu lực đến 01/02/2013. Lãi suất hợp đồng hoán đổi tiền tệ (SWAP) qua đêm của đồng USD xuống 0,05 điểm phần trăm từ mức 0,1 điểm phần trăm trước đó, hiệu lực từ ngày 05/12/2011.

*a8. Các nước đua hạ giá đồng nội tệ:*

- Ngày 06/09/2011, Ngân hàng Trung ương Thụy Sĩ (SNB) neo tỷ giá đồng franc Thụy Sĩ ở mức 1,20 franc/euro. SNB đặt mục tiêu làm suy yếu đồng franc dần dần.

- Ngày 18/03/2011, G7 can thiệp vào thị trường ngoại hối lần đầu tiên trong hơn 1 thập kỷ sau khi đồng yên Nhật tăng giá quá mạnh. Ngày 15/03/2011, Nhật đã bơm 15 nghìn tỷ yên vào thị trường để hạ giá đồng tiền này. Tháng 8/2011, Nhật đơn phương hạ giá đồng yên. Ngày 31/10/2011, Nhật tiếp tục can thiệp hạ giá đồng yên lần thứ 2 trong 3 tháng.

- Ngày 11/10/2011, Thượng viện Mỹ quyết định trừng phạt Trung Quốc vì không chịu nâng giá đồng nhân dân tệ. Tính suốt cả năm 2011, đồng nhân dân tệ chỉ tăng được khoảng 3,83%, thấp hơn 30% so với giá trị thực theo quan điểm của phía Mỹ.

*a9. Đồng USD đánh bại các tài sản khác:*

- Năm 2011, nhà đầu tư rút khoảng 38,8 tỷ USD khỏi quỹ đầu tư chứng khoán trên thị trường mới nổi trong khi đó cùng kỳ năm 2010, 91,5 tỷ USD đã được đổ vào các thị trường này.

- Nhìn vào diễn biến các chỉ số chứng khoán lớn bao gồm S&P 500, Dow Jones Stoxx 600, CAC 40, Nikkei 225 hay Shanghai Composite Index, dòng tiền đổ mạnh vào thị trường chứng khoán toàn cầu và giúp các thị trường lên điểm khá tốt trong khoảng thời gian 7 tháng đầu năm 2011. Từ sau tháng 7/2011 đến nay, dòng tiền liên tục sụt giảm và đến nay chỉ số chính của các thị trường còn đóng cửa ở mức thấp hơn so với mức cuối năm 2010.

- Rút tiền ra khỏi TTCK, nhà đầu tư quan tâm nhiều hơn đến thị trường trái phiếu và tiền tệ. Theo EPFR, nhà đầu tư đã rút 9,5 tỷ USD khỏi các quỹ đầu tư vào chứng khoán toàn cầu trong tuần kết thúc ngày 14/12/2011 và họ đã rút tiền ra khỏi quỹ đầu tư vào chứng khoán đến 4

tuần liên tiếp. Quỹ trái phiếu đón nhận 1,1 tỷ USD và quỹ tiền tệ hút được 3,2 tỷ USD. Các quỹ trên thị trường tiền tệ đang trong thời gian hút vốn dài nhất tính từ khoảng thời gian 12 tuần vào quý 4/2008.

**\* Một số dự báo cho năm 2012:**

<b>12 dự báo về kinh tế Mỹ năm 2012 và 2013 của Morgan Stanley</b>			
Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Tăng trưởng kinh tế Mỹ	1,8%	2,2%	1,8%
Tăng trưởng tiêu dùng cá nhân	2,3%	1,9%	1,4%
Chỉ tiêu chính phủ	-1,9%	-0,8%	-1,3%
Chỉ tiêu doanh nghiệp	8,7%	6,9%	5,3%
Đầu tư nhà ở	-2,1%	1,7%	3,4%
Tăng trưởng xuất khẩu Mỹ	6,7%	4,6%	4,8%
Tăng trưởng nhập khẩu Mỹ	4,7%	2,4%	2,2%
Lạm phát Mỹ	3,2%	2,1%	1,8%
Tăng trưởng CPI lõi	1,7%	2,3%	2,2%
Tỷ lệ thất nghiệp	9,0%	8,9%	8,9%
Tăng trưởng thu nhập	0,9%	1,6%	1,3%
Tỷ lệ tiết kiệm	4,3%	4,0%	4,0%
Nợ chính phủ/GDP	98,1%	100,7%	103,0%
Lãi suất cơ bản đồng USD	0,125%	0,125%	0,125%
Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ thời hạn 10 năm	2,00%	2,25%	2,25%

*12 dự báo về kinh tế Mỹ năm 2012 và 2013 của Morgan Stanley*

<b>Dự báo kinh tế eurozone 2012 và 2013 của Morgan Stanley</b>			
Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Tăng trưởng GDP	1,6%	-0,2%	0,9%
Tiêu dùng cá nhân	0,7%	0,2%	0,5%
Tăng trưởng đầu tư cố định	2,1%	-1,5%	0,5%
Tăng trưởng chi tiêu chính phủ	0,5%	-0,2%	-0,2%
Lạm phát	2,7%	1,5%	1,3%
Lạm phát lõi	1,4%	1,1%	1,2%
Tăng trưởng thu nhập	0,2%	-0,1%	0,5%
Tỷ lệ tiết kiệm	12,4%	12,2%	12,1%
Tỷ lệ thất nghiệp	10,1%	11,0%	11,2%
Nợ chính phủ/GDP	88,2%	91,0%	92,2%
Lãi suất cơ bản đồng euro	1,00%	0,50%	1,25%
Lợi suất trái phiếu chính phủ Đức thời hạn 10 năm	1,75%	2,20%	3,00%

*Dự báo kinh tế eurozone 2012 và 2013 của Morgan Stanley*



Nước	Dự báo thâm hụt ngân sách của 21 quốc gia năm 2012 của Morgan Stanley					
	Cân cân ngân sách chính phủ (% GDP)			Cân cân ngân sách chính phủ cơ bản (% GDP)		
	2011	2012	2013	2011	2012	2013
Mỹ	-10.7%	-9.1%	-7.5%	-8.7%	-7.9%	-6.0%
Đức	-1.5%	-1.7%	-1.2%	0.7%	0.5%	1.6%
Pháp	-5.8%	-5.0%	-4.0%	-3.2%	-2.1%	-0.8%
Italy	-4.2%	-3.5%	-2.8%	0.9%	2.2%	3.0%
Tây Ban Nha	-8.0%	-6.0%	-4.5%	-5.6%	-3.2%	-1.4%
Hà Lan	-4.2%	-3.7%	-3.0%	-2.6%	-2.0%	-1.2%
Bỉ	-3.7%	-3.7%	-3.2%	-0.2%	-0.1%	0.6%
Hy Lạp	-9.5%	-7.2%	-4.1%	-3.1%	-0.3%	1.8%
Ao	-3.5%	-3.8%	-3.3%	-1.0%	-0.5%	0.3%
Phần Lan	-1.1%	-1.2%	-1.6%	0.3%	0.3%	0.8%
Bồ Đào Nha	-7.0%	-5.1%	-3.3%	-3.7%	-1.0%	1.3%
Ireland	-10.2%	-9.0%	-8.3%	-6.4%	-4.7%	-2.5%
Nhật	-10.3%	-9.1%	-7.8%	-8.9%	-7.7%	-6.2%
Anh	-8.1%	-7.6%	-6.6%	-4.7%	-4.5%	-3.3%
Canada	-3.8%	-3.5%	-3.5%	-3.2%	-3.0%	-3.0%
Thụy Điển	1.0%	0.4%	0.7%	2.1%	1.3%	1.5%
Úc	-3.3%	-1.1%	-0.5%	-2.0%	-0.4%	1.0%
Nga	1.0%	-1.0%	-1.8%	-2.7%	1.8%	-0.4%
Ấn Độ	-7.9%	-7.0%	-6.7%	-2.4%	-2.3%	-2.1%
Trung Quốc	-2.0%	-2.0%	-2.0%	-1.5%	-1.5%	-1.5%
Brazil	-2.5%	-2.0%	-2.0%	3.1%	3.1%	3.1%

Chú thích: Cân cân thâm hụt ngân sách chính phủ: tất cả các cấp chính quyền và hệ thống an sinh xã hội  
 Cân cân thâm hụt ngân sách chính phủ cơ bản: không bao gồm các khoản trả lãi ròng của chính phủ

*Dự báo thâm hụt ngân sách của 21 quốc gia năm 2012 của Morgan Stanley*

Nước	11 nước có CPI dự báo tăng nóng trong 2012		
	Mức tăng CPI năm 2012	Mức tăng GDP năm 2012	Chỉ số giá tiêu dùng năm 2011
Brazil	5,7%	3,5%	6,6%
Nam Phi	5,7%	3%	5%
Indonexia	6,3%	5,8%	5,7%
Ấn Độ	6,8%	7,4%	8,3%
Nga	7,2%	5,2%	8,6%
Thổ Nhĩ Kỳ	7,2%	3%	6,1%
Ukraina	8%	4,2%	8,6%
Kazakhstan	9%	6%	8,5%
Argentina	10,1%	4,3%	9,7%
Nigeria	10,6%	7,6%	10,6%
Venezuela	22,5%	2,3%	25,1%

Chú thích: Số liệu cho năm 2011 và 2012 là con số ước tính

- Trong năm 2012, cuộc sống của nhiều nhà ngân hàng ở các thị trường ngân hàng lớn của thế giới sẽ thay đổi theo chiều hướng xấu đi, kể từ khi hệ thống ngân hàng làm nòng cốt nền kinh tế thế giới. Họ sẽ bị các chính trị gia và công chúng căm ghét. Họ sẽ vẫn phải làm việc hết sức vất vả, phải vượt qua những biến cố không lường trước được. Nhưng, họ sẽ bị nghèo đi đáng kể.

- Các cơ quan quản lý và các nhà chính trị đã có nhiều nỗ lực nhằm cắt giảm lương của giới nhà băng. Ở Anh, chính phủ đã áp đặt một loại thuế lên tiền thưởng của giới ngân hàng trong năm 2010 và gây sức ép buộc các công ty phải đồng ý cắt giảm tiền thưởng trong năm 2011.

- Vậy tại sao năm 2012 có thể là năm xu hướng của khó khăn? Có hai lý do chính: Thứ nhất là việc nền kinh tế tái phát khủng hoảng ở các nước giàu và sự thay đổi sâu sắc trong các



thị trường ngân hàng có khả năng sẽ làm cho lợi nhuận của các ngân hàng giảm mạnh trong những năm tới. Ngành ngân hàng cũng phải đối mặt với sự thay đổi về cơ cấu. Thứ hai là từ 01/01/2012, các ngân hàng trên thế giới sẽ phải giữ lại mức vốn dự phòng cao hơn nhiều so với tài sản trong các sổ sách giao dịch của họ. Những luật lệ mới này, được biết đến dưới cái tên Basel 2.5, sẽ làm cho nhiều giao dịch thương mại của các ngân hàng trở nên không còn có lời nữa.

- Tại Mỹ, 2012 là năm mà nhiều luật lệ được đề nghị theo đạo luật Dod – Frank sẽ trở thành những quy định. Những quy định này sẽ bao gồm những giới hạn giao dịch mà các ngân hàng có thể làm cho bản thân họ. Lợi nhuận từ chứng khoán của các ngân hàng đầu tư lớn nhất thế giới sẽ giảm mạnh từ 20% xuống còn 7%, trừ phi các ngân hàng thực hiện những bước đi nhằm làm giảm tác động của những quy định mới này. Biện pháp lớn nhất mà họ có thể sẽ là cắt giảm nhân viên, và giảm lương đối với những người còn lại.

*b/ Tình hình kinh tế xã hội trong nước:*

- Trong suốt năm 2011, Nghị quyết 11 đề ra việc thắt chặt và phối hợp hai chính sách tiền tệ và tài khóa, để giảm tổng cầu và kiềm chế lạm phát. Thực tế cuối năm cho thấy lạm phát ở mức 2 con số rất cao mặc dù chính sách tiền tệ đã áp dụng gần như hết "dư địa" với lãi suất được đẩy lên cao gần suốt năm.

- Hệ thống ngân hàng đang đối mặt với thanh khoản căng thẳng và nợ xấu tăng cao. Nhiều mặt hàng thiết yếu như than, điện đã được điều chỉnh giá, tác động đến các mặt hàng khác khiến cho tình hình chung vẫn khó khăn.

- Một số quỹ của Việt Nam không huy động được vốn từ nước ngoài. Điều này dẫn đến giảm đầu tư, giảm thương mại, vốn đầu tư nước ngoài giảm nhiều.

- Năm 2011, lạm phát của Việt Nam đạt đỉnh cao là 23,4% và giảm dần còn khoảng 18,5% vào cuối năm. Lần đầu tiên cán cân thanh toán quốc tế có thặng dư, dự trữ ngoại hối tăng nhẹ, kiều hối tăng, và thâm hụt ngân sách có giảm. Đó là một bức tranh có "điểm sáng" nhưng kết quả đạt được còn hết sức "mong manh".

- Năm 2012, tỷ lệ tín dụng tăng lên mức 15-17% (tăng 2 điểm phần trăm so với mức tín dụng năm 2011 là 13%). Lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, chế biến hỗ trợ xuất khẩu... sẽ được ngân hàng trung ương khuyến khích và tiếp vốn. Về bất động sản cho phép một số công ty có năng lực được chuyển đầu tư bất động sản ra bên ngoài.

- Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở mức 15 - 17%, NHNN sẽ phân loại các NHTM theo bốn nhóm: (A) lành mạnh, (B) trung bình, (C) dưới trung bình, (D) các ngân hàng yếu kém và sẽ giao chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng tùy theo việc xếp loại các ngân hàng. Cùng với kế hoạch tăng trưởng tín dụng, NHNN tiếp tục chuyển đổi cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn phục vụ lĩnh vực sản xuất.

- Năm 2012, sẽ tiến hành tái cấu trúc hệ thống ngân hàng một cách quyết liệt và lớn nhất. Vẫn tiếp tục có những hiện tượng sáp nhập, mua bán cổ phần... diễn ra giữa các ngân hàng. Điều này góp phần giúp nền kinh tế ổn định trở lại và tái cấu trúc thuận lợi những đề án khác (tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, các công ty chứng khoán và bảo hiểm).

- Những tác động phụ của việc thắt chặt chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa tiếp tục có những ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, các doanh nghiệp và thị trường bất động sản, chứng khoán vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quý I và II năm 2012. Đáy của khó khăn sẽ rơi vào đầu quý II/2012, sau đó với mức độ giảm dần nhờ hiệu ứng của việc điều chỉnh chính sách vĩ mô được triển khai từ cuối quý I/2011, dự báo nền kinh tế sẽ có dấu hiệu khả quan hơn từ quý III/2012.

- Việt Nam cũng có cơ hội thu hút đầu tư nhiều hơn khi các dòng vốn rút khỏi những nền kinh tế rối loạn, tìm nơi đầu tư ổn định. Nếu tình hình kinh tế vĩ mô sớm được ổn định, Việt Nam sẽ có sức hút đầu tư nước ngoài rất lớn.

- Kịch bản kinh tế Việt Nam:

+ Kịch bản tốt là khi tình hình thế giới khả quan, kinh tế châu Âu không quá bi quan, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam dự kiến đạt từ 6%-6,3%, lạm phát còn 8% -10%, nợ công dự kiến từ 58,2% -58,8% GDP. Kịch bản này khó đạt được vì tăng trưởng tín dụng cần đạt trên 25%, cao hơn nhiều so với định mức tăng tín dụng từ 15-17% để kiểm soát lạm phát từ 8-10%.

+ Kịch bản được kỳ vọng nhất. Do tác động của nền kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2012 dự báo đạt tương ứng 8-9% và 7-8%, tỷ lệ nhập siêu theo dự báo từ 7-8%. Lượng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam dự báo chiếm từ 22-22,5% tổng mức đầu tư toàn xã hội. Đây là kịch bản có nhiều khả năng nhất và các chỉ số, các cân đối cũng mang tính khả thi nhất; mức tăng trưởng này cũng tương đối sát với mức sản lượng tiềm năng hiện tại của Việt Nam.

+ Còn đối với kịch bản xấu, trong trường hợp kinh tế thế giới có khả năng rơi vào suy thoái và đạt mức tăng trưởng dưới 2,4%, thương mại thế giới tăng ở mức dưới 3% về khối lượng và giá cả có thể giảm sâu hơn mức dự báo 10%. Điều này sẽ tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế cũng như tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Dự báo trong trường hợp này, kim ngạch xuất khẩu chỉ tăng từ 5-6% so với năm 2011.

- Về nhập khẩu, nhiều khả năng Chính phủ sẽ phải điều chỉnh chính sách vĩ mô, tăng đầu tư nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, ngăn chặn suy giảm kinh tế nên chính sách có phần nới lỏng hơn và vì thế nhập khẩu dự báo tăng 5-6%, theo đó tỷ lệ nhập siêu vào khoảng 9-10%. Nguồn vốn FDI vào Việt Nam ước đạt khoảng 10 tỷ USD (tương đương khoảng 21% tổng vốn đầu tư toàn xã hội). Lạm phát dự báo sẽ giảm còn 8-9% và tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 5,2-5,5%.

- Trường hợp kinh tế thế giới diễn biến bất lợi và thật sự rơi vào suy thoái (tăng trưởng thấp hơn nhiều so với mức 2,4%) sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam không chỉ năm 2012 mà cả trong những năm tiếp theo.

#### *c/ Tình hình cá tra nguyên liệu*

- Năm 2012 là năm tranh giành lợi ích của các nước lớn trên thế giới, tình hình kinh tế chính trị trong và ngoài nước diễn biến phức tạp và vẫn tiếp tục gây ra những áp lực lạm phát, việc kinh doanh từ đó cũng gặp những trở ngại khó đoán trước, cần cẩn trọng.

- Giá cá trong nước tăng mạnh trong khi giá cá phi lê xuất khẩu lại chỉ tăng nhẹ. Trước đây, phi lê cá tra xuất khẩu vào thị trường châu Âu bình quân từ 3,4 - 3,5 USD/kg, nay chỉ còn 3,1 - 3,3 USD/kg; thị trường châu Á hiện khoảng 3,1 - 3,2 USD/kg và thị trường Mỹ là 3,4 - 3,6 USD/kg.

- Áp lực từ ngân hàng, người dân nôn nóng bán cá lấy tiền ngay và nhà máy chế biến thủy sản bị lôi vào vòng xoáy tranh mua, tranh bán cá nguyên liệu.

- Con giống thả nuôi hao hụt trên 50% và do lãi suất ngân hàng cao, ảnh hưởng đến việc đầu tư cho vùng nuôi. Tình hình đó dẫn tới thiếu hụt nguồn cá nguyên liệu.

- Chưa có quy hoạch tổng thể về vốn cho nuôi và tiêu thụ cá tra khiến lúc thừa, lúc thiếu.

- Lãi suất ở mức 20 - 22% mà nếu cứ kéo dài thì khả năng đình trệ sản xuất, đình trệ trong lạm phát sẽ diễn ra rất nhanh, mất việc làm nhanh.

- Tỷ giá, lãi suất, dự trữ bắt buộc, thắt chặt tiền tệ co lại rất mạnh. Vốn thì ít đi, lãi suất thì cao lên, đánh giá tài sản thì giảm xuống nhưng yêu cầu vốn phải tăng theo cấp số nhân, do giá tăng lên hay đồng tiền mất giá, trong khi ngân hàng lại giảm chỉ tiêu vốn cho vay xuống 15% - 17%. Năm ngoái đã giảm mạnh còn 16- 20%.

- Ngân hàng có thể lường trước rủi ro tín dụng của mỗi khoản vay, từ đó điều chỉnh lãi suất cho vay phù hợp. Doanh nghiệp có tài chính lành mạnh sẽ được ưu tiên cho vay với lãi suất thấp.

- Các ngân hàng đang ráo riết việc thu nợ để giảm dư nợ tín dụng BĐS theo đúng tiến độ. Sức ép trả nợ ngân hàng đang đè nặng lên doanh nghiệp BĐS do thị trường ế ẩm, do nhiều ngân hàng đang chạy với “tối hậu thu” kéo dư nợ phi sản xuất về mức 16% vào ngày 31/12/2011 và năm 2012 là 15%.

\* Đánh giá tình hình cá tra nguyên liệu trên thị trường hiện nay:

- Sau nhiều năm lặn dạn với nghịch lý mang tên “hoàn thuế”, con giống chất lượng, . . . giờ đây người nuôi cá tra ở Đồng bằng sông Cửu Long còn gánh thêm nỗi lo thiếu vốn. Sau nhiều tháng dao động ở mức thấp, những ngày gần đây, giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL bắt đầu nhích lên 26.000 đồng rồi 27.000 đồng/kg, thậm chí là 29.000 đồng/kg. Đây là tín hiệu đáng mừng, bởi vào thời điểm này năm trước, giá cá chỉ loanh quanh trong giới hạn 18.000 đồng - 23.000 đồng/kg. Thế nhưng, trở trêu thay, trên thực tế cả người nuôi và doanh nghiệp xuất khẩu cá tra ở ĐBSCL lại đối mặt với nguy cơ thua lỗ ngay trong mùa tăng giá lớn hơn bao giờ hết.

- Với mức giá như hiện nay, nếu người nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp thì chỉ hòa vốn. Thậm chí sẽ lâm cảnh thua lỗ nếu bị giam vốn từ một tháng trở lên. Tuy nhiên so với trước đây, đợt giam vốn lần này được ví như giọt nước làm tràn chiếc ly vốn đã chất chứa đầy những bất trắc. Bởi bên cạnh nghịch lý không được hưởng chế độ hoàn thuế mua thức ăn chăn nuôi như doanh nghiệp xuất khẩu có vùng nuôi (đầy giá thành chăn nuôi tăng thêm 2.000 đồng/kg), người nuôi còn phải gồng lưng với gánh nặng khát vốn do ảnh hưởng từ việc tăng cường quản lý tiền tệ của các ngân hàng thương mại. Trong khi đó thực tế cho thấy, chi phí đầu tư cho 100 tấn cá đang tăng với tốc độ phi mã từ 1,5 tỷ đồng năm 2010 lên 2,5 tỷ đồng.

- Không chỉ có người nuôi mà các doanh nghiệp xuất khẩu cũng đang đối mặt với nguy cơ khó khăn. Bởi với giá sản xuất khẩu hiện nay là 3,2 USD/kg phi lê, tương ứng với giá cá nguyên liệu là 24.000 đồng/kg. Tuy nhiên, trên thực tế doanh nghiệp phải trả với giá trên 26.000 đồng, thậm chí là 27.000 đồng đến 29.000 đồng. Điều này cũng đồng nghĩa là doanh nghiệp bị lỗ trước khi xuất khẩu, nhưng để bù đắp vào phần giá vượt này, doanh nghiệp lại kéo dài thời gian ngâm vốn của người nuôi, lấy khoản lãi từ khâu sản xuất thức ăn và vùng nuôi cá nguyên liệu của doanh nghiệp để bù đắp vào.

\* Dự báo giá cá tra nguyên liệu trong thời gian tới:

- Dù tình hình cá tra nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu đang trong tình trạng căng thẳng và được dự báo sẽ tiếp tục thiếu hụt trong những tháng tới. Thế nhưng thời gian gần đây, giá cá tra nguyên liệu vẫn “đánh đu” ở mức giá cũ, không tăng cao như dự báo từng được các nhà chuyên môn đưa ra.

- Hiện cá tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (thịt trắng, trọng lượng 0,8 - 0,9 kg/con) tại thị trường An Giang được các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản mua với mức giá dao động từ 26.000 đồng - 27.500 đồng/kg (tùy theo hình thức thanh toán giữa doanh nghiệp và nông dân). So với mức giá cách đây nửa tháng, hiện giá cá tra nguyên liệu hầu như không biến động. Đối với cá tra nguyên liệu có chất lượng thịt xấu hơn (thịt vàng, đỏ) có giá dao động từ 24.000 đồng - 25.000 đồng/kg.

- Tại Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tiền Giang . . . so với thời điểm sau tết, hầu như giá cá tra nguyên liệu vẫn được giữ nguyên, từ 26.000 đồng - 27.000 đồng/kg đối với cá đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và 24.000 đồng - 25.000 đồng/kg đối với cá có chất lượng thịt xấu hơn.

- Một hộ nuôi cá tra lâu năm tại huyện Châu Phú, An Giang cho biết, thời gian tới tình hình thiếu cá tra nguyên liệu chắc chắn sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn bởi đã có một lượng lớn cá tra

giống của bà con bị thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc gây nên. Điều này làm ảnh hưởng đến kế hoạch thả nuôi trở lại của bà con nông dân.

- Dự báo tình hình nguyên liệu từ đầu năm 2012 sẽ cực kỳ căng thẳng do việc nuôi cá trở lại gặp rất nhiều khó khăn. Giá cá tra giống, cá hương và cá bột cũng tăng liên tiếp trong những tuần gần đây do vào vụ nuôi và nhiều trại giống đẩy giá cá giống lên. Giá cá tra giống, cá hương và cá bột tại Đồng Tháp từ đầu tháng 01 đều tăng so với cuối năm 2011, trong đó cá giống cỡ 2 cm tăng 100 đồng/con lên 1.700-1.900 đồng/con; cá hương cỡ 3.000 con/kg tăng 10 đồng/con, giá 120-150 đồng/con.

- Các chuyên gia dự báo giá cá tra sẽ không tăng trong thời gian dài. Đầu năm 2011, giá cá tra nguyên liệu tăng nên người nuôi ở đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng đầu tư nuôi trở lại tuy gặp rất nhiều khó khăn về vốn. Năm 2012, người nuôi vẫn gặp khó khăn về vốn nhưng một số người lại chưa có ý định đầu tư nuôi cá trở lại do lo ngại thị trường xuất khẩu không khả quan.

- VASEP đánh giá, năm 2012 kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn nhưng ngành cá tra sẽ vẫn gặt hái được những thành công. Bởi hiện nay, mặt hàng cá tra của Việt Nam đang có sức cạnh tranh cao trong ngành thực phẩm toàn cầu. Hình ảnh con cá tra cũng dần được cải thiện qua việc tổ chức WWF công nhận cá tra là loài thủy sản nuôi trồng bền vững, khuyến khích người tiêu dùng thế giới sử dụng.

- Khả năng để đạt được kim ngạch xuất khẩu thủy sản từ 1,85 - 2 tỉ đô la Mỹ cá tra trong năm 2012 sẽ không khó nếu các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, Nhật và các nước liên minh châu Âu (EU) vẫn diễn ra bình thường, không có biến động lớn.

\* Tình hình thu mua nguyên liệu của Công ty IDI :

- Đến thời điểm này, công ty IDI là một trong số ít công ty vẫn đảm bảo uy tín với chủ hầm trong việc thu mua cá nguyên liệu. Chủ yếu là tính minh bạch và khâu thanh toán với chủ hầm. Bên cạnh đó là mối quan hệ tốt giữa công ty và chủ hầm. Do vậy một số chủ hầm vẫn tin tưởng bán cá cho công ty, mặc dù giá thấp hơn so với giá thị trường từ 200 đồng đến 300 đồng/kg. Riêng với cá liên kết, do có sự chia sẻ lợi nhuận, mức giảm so với giá thị trường là 500 đồng/kg. Điều này cho thấy mô hình nuôi liên kết của công ty hiện nay có hiệu quả.

- Tuy nhiên trong thời gian gần đây, do nguồn cá thiếu, công ty phải liên tục thay đổi phương thức mua bán, giảm thời gian thanh toán từ 30 ngày xuống 20 ngày, có hầm là 15 ngày. Với áp lực phải đảm bảo cá cho sản xuất, nên việc bắt cá trong hầm cũng phải thoáng hơn như hạ thấp size đầu dưới xuống còn 420 g/c. Có trường hợp đặc biệt phải bắt xô. Song điều cơ bản vẫn phải đảm bảo chất lượng cá tốt, đạt định mức yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

\* Kế hoạch cá tra nguyên liệu năm 2012:

- Vùng nuôi tập trung: Trong năm 2012, chỉ tiêu nuôi là 8.600 tấn cá nguyên liệu. Đáp ứng 20% nhu cầu sản xuất của nhà máy. Để có được sản lượng này, các yếu tố cần thiết là:

+ Diện tích nuôi: Cần từ 21 ha đến 22 ha.

+ Nguồn vốn: Cần từ 165 tỷ đồng đến 180 tỷ đồng.

+ Nhân lực: Cần từ 45 đến 48 người. Có ít nhất 5 kỹ sư chuyên ngành nuôi trồng thủy sản.

+ Về diện tích nuôi hiện có: Tại An Thạnh Trung – Chợ Mới – An Giang có 6 ha, sản lượng 1.000 tấn/năm; Tại Tân Hòa – Lai Vung – Đồng Tháp có 6 ha, sản lượng 1.000 tấn/năm. Ngoài ra xí nghiệp còn khảo sát một số vùng nuôi khác là vùng nuôi Gentraco, vùng nuôi Láng Biển, . . .

- Vùng nuôi đầu tư liên kết: Trong năm 2012, chỉ tiêu nuôi liên kết là 25.600 tấn. Hiện xí nghiệp liên kết với 29 hộ dân, lượng cá liên kết đã được ký hợp đồng là:



+ Tháng 01: 567 tấn. + Tháng 02: 1.400 tấn. + Tháng 03: 2.000 tấn.  
 + Tháng 04: 2.600 tấn. + Tháng 05: 1.980 tấn. + Tháng 06: 1.840 tấn.  
 + Tháng 07: 2.230 tấn. + Tháng 08: 1.930 tấn. + Tháng 09: 1.160 tấn.

Tổng cộng 15.707 tấn. Trong đó đã chốt được giá trước là 7.800 tấn. Mức giá chốt phổ biến là 24.500 đồng/kg. Các tháng còn lại sẽ được ký hợp đồng trong thời gian tới. Trong năm 2012, công ty sẽ mạnh dạng đầu tư liên kết với một số chủ hầm có vùng nuôi lớn ở Nhơn Mỹ và huyện Cao Lãnh. Về nguồn vốn đầu tư cấp thức ăn thì mỗi tháng xí nghiệp cần khoảng 34 tỷ đồng. Bên cạnh đó, xí nghiệp cần xây dựng các định mức cho vùng nuôi như hệ số thức ăn, định mức sử dụng thuốc thủy sản làm cơ sở xem xét khoáng thường cho vùng nuôi. Mặt khác, cũng cần có cơ chế hợp lý để khuyến khích những cá nhân chịu trách nhiệm trong quá trình nuôi.

- Đối với nguồn cá mua ngoài, xí nghiệp nguyên liệu sẽ cố gắng quan hệ để đảm bảo đủ nguồn cá cho sản xuất của nhà máy.

\* Về định hướng lâu dài : Để đảm bảo cho sản xuất ổn định, trong năm 2012, công ty sẽ cần một lượng cá nguyên liệu khoảng 54.000 tấn. Để có nguồn cá này, ngay từ bây giờ cần tính đến các phương án tạo nguồn như:

- Tiếp tục mở rộng mô hình nuôi liên kết. Ưu điểm mô hình này là an toàn, ít rủi ro. Song đây cũng là giải pháp tình thế vì các chủ hầm có tiềm năng kinh tế sẽ không chịu liên kết. Mặt khác suy cho cùng, công ty vẫn không chủ động được nguồn cá.

- Mô hình vùng nuôi như vùng Tân Hồng hiện nay cũng cần đánh giá hiệu quả. Đồng thời có biện pháp duy trì để đảm bảo nguồn cung cấp.

- Về cơ bản, công ty cần tổ chức một vùng nuôi, có sự quản lý, đầu tư ổn định. Có thể phân kỳ đầu tư thích hợp. Mục tiêu trong năm đầu phải cung cấp khoảng 10% cho yêu cầu nhà máy, những năm sau tăng dần lên. Hầu hết các doanh nghiệp trong top 10 của ngành chế biến cá tra đều có vùng nuôi. Mô hình này nếu có sự quản lý tốt, cơ chế khoán phù hợp thì hiệu quả cao hơn. Mặt khác công ty cũng chủ động được nguồn cá, khi giá thị trường lên thì bắt cá công ty, khi giá thị trường ổn định thì bắt cá thị trường.

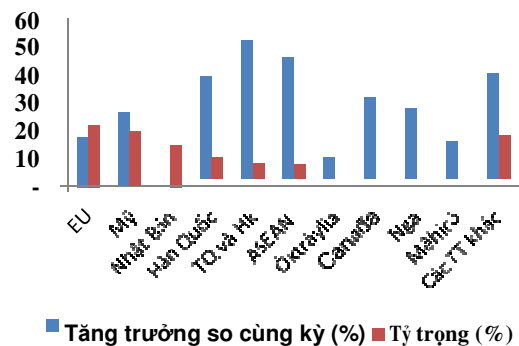
**d/ Đánh giá tình hình xuất khẩu**

- EU tính chung vẫn là thị trường trọng điểm của Việt Nam khi chiếm 22,5% kim ngạch, tăng 15% trong đó một số quốc gia như Đức, Italia, Hà Lan có sự tăng trưởng cao, lần lượt đạt 19%, 38% và 26%. Đây là kết quả rất ấn tượng của những nỗ lực mở rộng thị trường của các doanh nghiệp nếu xét trong bối cảnh khu vực này đang gặp rất nhiều bất ổn về kinh tế và nhiều quốc gia đang thắt chặt chi tiêu để giảm thâm hụt ngân sách.

- Tại khu vực Châu Á, Nhật Bản là thị trường truyền thống của Việt Nam tuy nhiên giá trị xuất khẩu sang quốc gia này chỉ tăng khiêm tốn 7,5% so với năm 2010 và chiếm 16% tổng kim ngạch do chịu tác động của thảm họa thiên nhiên trong khi một số thị trường khác như Trung Quốc và Hồng Kông, Hàn Quốc có mức tăng rất mạnh lần lượt là 49% và 30%.

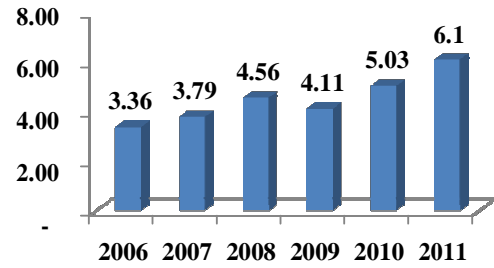
- Tuy nhiên nếu xét riêng lẻ thì Mỹ vẫn là thị trường lớn nhất của Việt Nam với giá trị nhập khẩu đạt 954 triệu USD, tăng 23% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 19% tổng kim ngạch.

**Thị trường xuất khẩu**

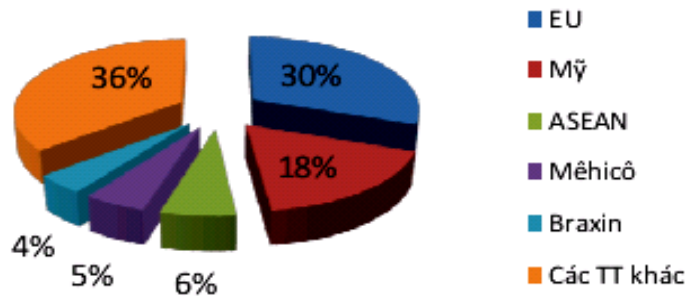


- Năm 2010, xuất khẩu thủy sản cả nước đạt mức kỷ lục từ trước đến nay với 1,353 triệu tấn, trị giá 5,034 tỷ USD tăng 11,3% về lượng và 18,4% về giá trị so với 2009. Tuy nhiên kỷ lục này đã được thay thế bằng một kỷ lục mới khi năm 2011 kim ngạch xuất khẩu đạt 6,1 tỷ USD, tăng ấn tượng 21% và thủy sản nằm trong Top 5 ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất.

**Kim ngạch XK thủy sản (tỷ USD)**



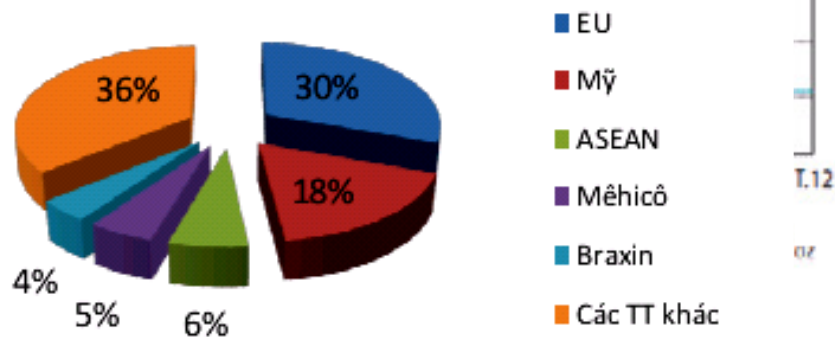
**Thị trường XK cá tra 10 tháng 2011**



Nguồn: Vasep

**Giá cá da trơn và Pangasius tại Mỹ năm 2011**

**Thị trường XK cá tra 10 tháng 2011**



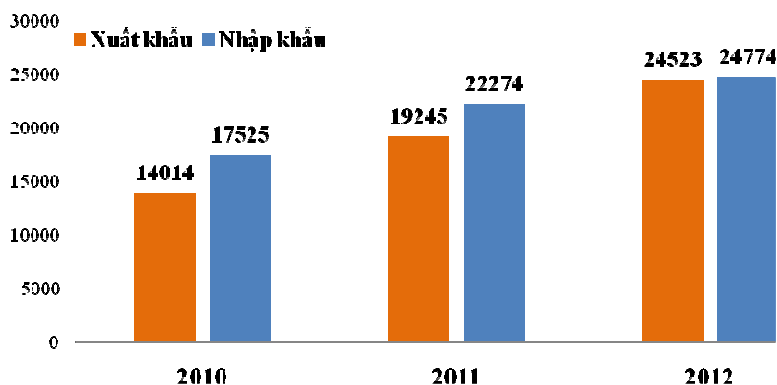
Nguồn: Vasep

- Tính đến thời điểm hiện tại có thể nói năm 2011 là năm thành công đối với cá tra khi kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này tính đến hết tháng 10 đã đạt 1,48 tỷ USD, tăng 29% so cùng kỳ 2010 mặc dù thị trường chủ chốt là EU gặp nhiều khó khăn (giá trị XK chỉ tăng 3%), nguồn nguyên liệu trong nước thiếu hụt trong khi giá tăng cao. Có được kết quả này ngoài những nỗ lực mở rộng thị trường của doanh nghiệp sang các nước Châu Á và Mỹ La tinh phải kể đến sự tăng trưởng mạnh của thị trường Mỹ. Do chi phí nuôi tăng cao là nguyên nhân khiến cho người nuôi cá tại Mỹ ngừng thả nuôi dẫn đến nguồn cung giảm 29%, giá tăng mạnh qua đó thúc đẩy cả lượng và giá cá nhập khẩu (giá xuất khẩu của Việt Nam riêng trong quý 3 tăng tới 20%-30% so với đầu năm).

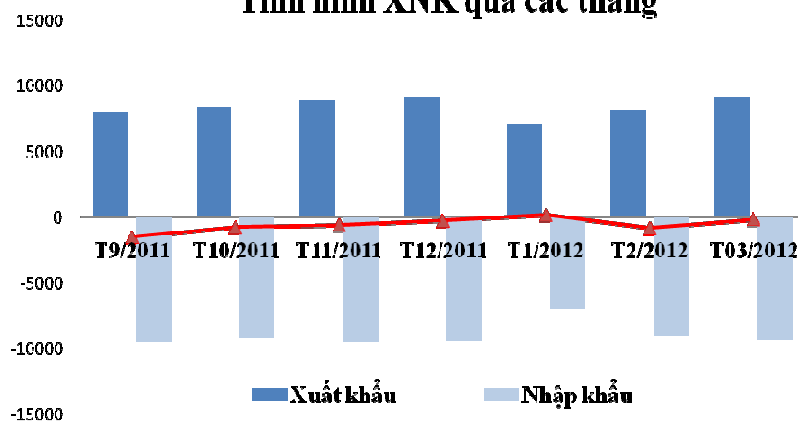
Tính đến 15/11/2011, xuất khẩu cá tra của Việt Nam sang thị trường này đạt 274 triệu USD tăng gần 96% so với cùng kỳ 2010 và theo đánh giá của Urner Barry Comtell thì hiện lên tới 90% trong khi đối thủ cạnh tranh Trung Quốc giảm từ 25,1% xuống còn 8%. Những lo ngại của các doanh nghiệp Việt Nam sau khi DOC công bố kết quả sơ bộ POR6 cuối năm 2010 trong đó thuế CBPG tăng lên 130% giá bán đối với những bị đơn bắt buộc cuối cùng cũng đã được xóa bỏ khi Mỹ đồng ý sử dụng Bangladesh làm nước tham chiếu thay cho Phillippin, qua đó mức thuế của nhiều công ty giảm xuống mức 0. Tuy vậy trong lần xem xét POR7 mới đây, kết quả sơ bộ dù tích cực nhưng thuế đối với nhiều công ty vẫn ở mức khá cao do Mỹ sử dụng thêm số liệu từ Indonesia, quốc gia có giá thành cao hơn.

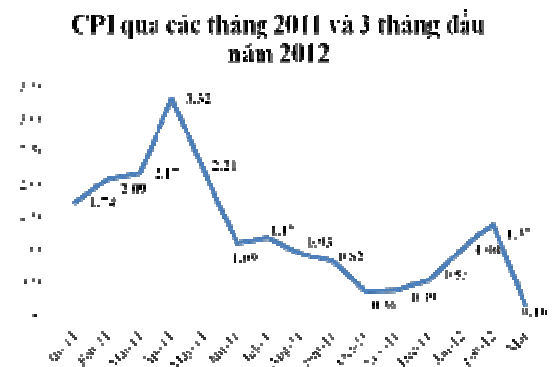
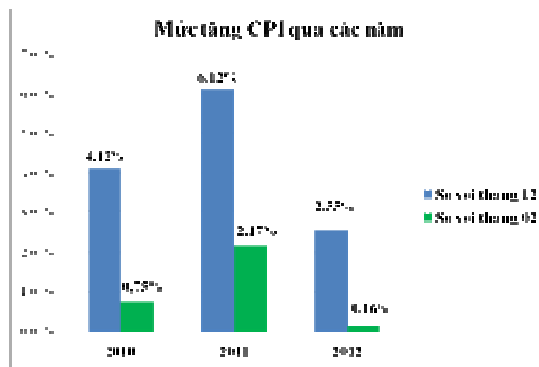
Ngoài ra sau vụ bị WWF đưa vào danh sách đỏ năm 2010, uy tín của cá tra Việt Nam lại bị ảnh hưởng xấu bởi những nhận định của Phó chủ tịch UB Nghề cá Châu Âu và một đài truyền hình tại Đức khi đó cho rằng cá được nuôi trên sông Mekong bị ô nhiễm và bản thiu mặc dù sau đó những chỉ trích này đã được thanh minh.

### Tình hình XNK quý 1 hàng năm



### Tình hình XNK qua các tháng





Nhà máy tinh luyện dầu có (Thực phẩm dinh dưỡng) trong cụm công nghiệp Vàm Cống



*e/ Cạnh tranh và giá bán*

- Cạnh tranh giữa công ty, nhà phân phối, bán lẻ, người tiêu dùng, thương nhân... nhằm mục đích giành lấy những lợi thế tương đối trong sản xuất, tiêu thụ hay tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ hay các lợi ích về kinh tế, thương mại khác để thu được nhiều lợi ích nhất. Biện pháp là cạnh tranh giá cả (giảm giá) hoặc cạnh tranh phi giá cả (Khuyến mãi, quảng cáo).

- Cạnh tranh nhằm giành lấy thị phần, tìm kiếm lợi nhuận, là khoản lợi nhuận cao hơn mức lợi nhuận trung bình mà công ty đang có. Cạnh tranh nhằm chiếm được sự chấp nhận và lòng trung thành của khách hàng, là khả năng tồn tại trong kinh doanh và đạt được một số kết quả mong muốn dưới dạng lợi nhuận, giá cả, lợi tức hoặc chất lượng các sản phẩm cũng như năng lực của nó để khai thác các cơ hội thị trường hiện tại và làm nảy sinh thị trường mới.

- Cạnh tranh buộc công ty phải năng động, nhạy bén, nắm bắt tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, tích cực nâng cao tay nghề, thường xuyên cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ, các nghiên cứu thành công mới nhất vào trong sản xuất, hoàn thiện cách thức tổ chức trong sản xuất, trong quản lý sản xuất để nâng cao năng xuất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Cạnh tranh sẽ cho công ty đem đến khách hàng giá trị tối ưu nhất đối với những đồng tiền mồ hôi công sức của họ.

- Đối với thị trường các nước nhập khẩu cá tra như Mỹ, Châu Âu, Úc, . . . thì luôn có những qui định rất khắc khe về an toàn vệ sinh thực phẩm, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, làm cho công ty phải năng động trong việc thu mua, sản xuất và xuất khẩu.

- Việc phải đối mặt với nhiều vụ kiện thương mại trên các thị trường lớn như EU, Mỹ, cho thấy Việt Nam trở thành sức mạnh cạnh tranh mới trong giao thương quốc tế. Tuy nhiên, các vụ kiện càng nhiều sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất khẩu và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu.

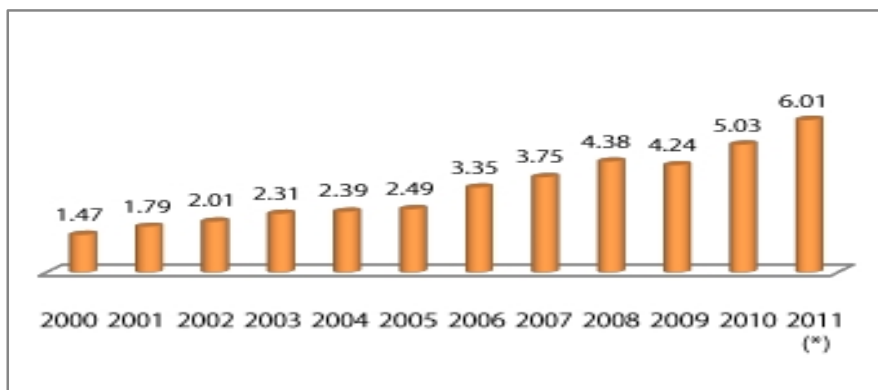
- Trước những biến động thuận lợi và bất lợi nêu trên, công ty phải đưa ra chính sách chế biến xuất khẩu đạt chất lượng, đáp ứng nhu cầu khắc khe trên từng loại thị trường và có giá bán cạnh tranh hơn. Đồng thời, kiểm soát chi phí sản xuất thật tốt để có mức cạnh tranh đối với sản phẩm cùng loại trong và ngoài nước (Trung Quốc, Thái Lan, . . .), về giá bán được áp dụng đối với từng khách hàng, nhằm phù hợp với tình hình thực tế từng nơi từng lúc.

- Công ty có chính sách giảm giá, trả chậm hoặc ưu đãi khác cho khách hàng có quan hệ kinh doanh lâu dài với công ty. Giá bán được thực hiện với các đối tác dựa trên nguyên tắc đảm bảo giao hàng tận nơi (giá CIF, C&F).

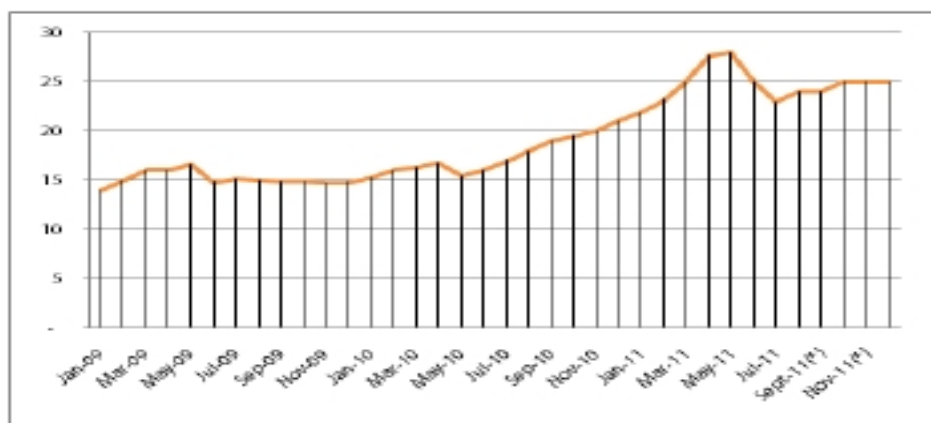
- Với chính sách hợp tác lâu dài trong kinh doanh với các nhà nhập khẩu, công ty chủ động hạ giá bán khi giá nguyên liệu giảm, ngược lại tăng giá bán khi giá nguyên liệu tăng trên tinh thần các bên cùng thống nhất và có lợi.

g/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh

**Kim ngạch xuất khẩu thủy sản giai đoạn 2000-2011 (triệu USD)**



**Giá cá tra nguyên liệu (loại 1) giai đoạn 2009-2011 (nghìn đồng/kg)**



Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan & VASEP (\*) Dự báo

- Năm 2011, thủy sản được đánh giá là ngành xuất khẩu chủ lực của cả nước và kim ngạch xuất khẩu đã vượt kế hoạch. Thủy sản là ngành có tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân trong 10 năm qua và được duy trì trên mức 10%. Năm 2012, nhu cầu thủy sản thế giới vẫn tiếp tục tăng mạnh trong khi nguồn cung thủy sản bị sụt giảm ở một số nước tạo cơ hội cho ngành thủy sản Việt Nam. Kết quả xuất khẩu trong năm qua rất khả quan là cơ sở để VASEP tin tưởng năm nay ngành thủy sản sẽ hoàn thành vượt chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu trên 6,5 tỷ USD.

- Rào cản thương mại có phần giảm tại các thị trường lớn như Mỹ, EU tuy nhiên lại gia tăng ở thị trường Nhật. Đầu năm nay ngành thủy sản có nhiều tin vui từ hai thị trường Mỹ và EU. Một là cá tra Việt Nam đã chính thức ra khỏi danh sách đỏ của Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) tại 6 nước Châu Âu. Hai là Bộ thương mại Mỹ đã quyết định giảm mức thuế chống bán phá giá đối với một số doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam xuống còn 0% thay vì mức 130% như trước đó. Song tại thị trường Nhật bản thì công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm trở nên gay gắt hơn. Nhật đã đưa 100 chất dư lượng kháng sinh cần được kiểm soát và nâng mức kiểm tra các lô hàng lên 100% gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu.

- Nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến vẫn tiếp tục là vấn đề cần quan tâm trong năm nay. Sản lượng xuất khẩu thủy sản thường tăng mạnh vào 6 tháng cuối năm do tính mùa vụ. Năm nay nguồn nguyên liệu cá tra khá dồi dào nhờ doanh nghiệp đã chủ động hơn về vùng nuôi cũng như tình trạng nông dân treo ao không còn diễn ra như mấy năm trước. Tuy nhiên dự báo trong vài tháng tới, giá cá tra nguyên liệu sẽ bắt đầu tăng trở lại do nguồn cung khan dần, do diễn biến thời tiết không thuận lợi gây dịch bệnh bùng phát.

- Sự cạnh tranh của doanh nghiệp cùng ngành thủy sản không thể hiện rõ ràng. Các doanh nghiệp cạnh tranh bằng sự tự chủ về nguồn nguyên liệu, khả năng tự chủ càng cao càng giữ được tính ổn định trong sản xuất, và chuỗi quy trình sản xuất khép kín gồm thức ăn, con giống, nuôi trồng, chế biến (sơ chế và hàng giá trị gia tăng) sẽ tối ưu được lợi nhuận trong điều kiện thị trường xuất khẩu đảm bảo.

- Trước xu hướng thị trường thế giới có nhu cầu cao về thủy sản cá tra ngày càng tăng, vì sản phẩm thay thế được cá thịt trắng có nguồn gốc từ các vùng biển, vì giá cá tương đối thấp, chất lượng thơm ngon, sản lượng dồi dào và ổn định, thị trường đang được rộng mở như Ba Lan, Nga, Nam Mỹ, . . .

- Vì vậy, công ty cần nhắm đến sản xuất để phát triển bền vững như ổn định sản xuất nhà máy 600 tấn nguyên liệu/ngày, phát triển công nghệ mới, sản xuất cá tra sạch, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn từ ao nuôi đến chế biến xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh bằng uy tín và thương hiệu, chất lượng và giá thành sản phẩm.

- Liên kết xây dựng vùng nuôi an toàn, thân thiện với môi trường (không sử dụng kháng sinh và hóa chất bị cấm), khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học, thực hành nuôi tốt GAP (Good Aquaculture Practice), bảo vệ môi trường. Ngoài ra còn có cơ chế, phương thức thu mua, đầu tư vốn và thanh toán hợp lý theo từng thời điểm để thu hút nguồn nguyên liệu chất lượng tốt.

- Liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, trao đổi thông tin thị trường, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng và quảng bá thương hiệu.

- Liên kết hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối lớn ở các thị trường, các hệ thống siêu thị, chuỗi các nhà hàng, các tổ chức dịch vụ thực phẩm ở các thị trường, dự báo nhu cầu và diễn biến thị trường, từng bước xây dựng hệ thống phân phối thủy sản ở nước ngoài.

- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sang những lĩnh vực khác như Khu Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò, Khu Đô thị Nam TT.Lập Vò, Khu Dân cư Sao Mai Mới TP.Cao Lãnh, Nhà máy Tinh luyện Dầu cá, Nhà máy Thức ăn Thủy sản, Dự án Cảng biển Nước sâu Vàm Cống, phát triển vùng nuôi cá nguyên liệu của Xí nghiệp Nuôi trồng Thủy sản IDI, . . .

- Tăng cường đào tạo cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, cán bộ nghiên cứu và cán bộ marketing để chuẩn bị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế thừa.

- Duy trì ổn định sản xuất bình quân 200 – 250 tấn nguyên liệu/ngày. Đây là cố gắng lớn trong điều kiện vừa sản xuất vừa đầu tư mới và nâng công suất nhà máy đến hoàn thiện, nhằm đẩy mạnh sản xuất hàng giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng hàng trong cơ cấu hàng xuất khẩu.

- Cân đối cơ cấu thị trường, trong đó chủ lực vẫn là thị trường Châu Âu, Mỹ, Châu Á và các thị trường mới như Châu Phi, Trung Đông, Nam Mỹ, . . . xem đây là thị trường tiềm năng và là chiến lược lâu dài của công ty.

- Xúc tiến thương mại, dự báo thị trường, chăm sóc khách hàng, . . . Hoạt động kinh doanh của công ty chắc chắn sẽ ổn định và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Lễ khởi công Xây dựng nhà máy tinh luyện dầu cá (Thực phẩm dinh dưỡng)





### 3.2 Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh như trên và căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, Hội đồng quản trị công ty thận trọng dự kiến xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2012 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
1	Vốn chủ sở hữu	615.928.638.990
2	Vốn điều lệ	380.000.000.000
3	Doanh thu thuần	1.520.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế	70.000.000.000
5	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	5%
6	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	11%
7	Tỉ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	18%
8	Tỉ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	10%

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

---

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Công ty

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia IDI là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng kí thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng kí thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 02 năm 2007; Đăng kí thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng kí thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 số 0303141296 ngày 10 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

### Lĩnh vực Kinh doanh

Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh nhà, khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; Mua bán, chế biến thủy hải sản (*trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở*); Nuôi trồng thủy sản (*không nuôi trồng tại trụ sở*); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (*không hoạt động tại trụ sở*); Kinh doanh bất động sản (*không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản*); sản xuất bao bì nhựa giấy nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bốc xếp hàng hoá cảng biển. Vận tải hàng hoá đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Trụ sở chính: quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là **380.000.000.000 VND** (Ba trăm tám mươi tỷ đồng chẵn)

### QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	11.219.500.000 VND
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	30.000.000.000 VND

### Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 39.609.103.424 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 91.642.076.105 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 127.303.298.055 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2011 là 101.440.506.046 VND).

### Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Hội đồng quản trị và ban giám đốc:**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên	
Ông Lê Văn Chung	Thành viên	
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên	
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/03/2011)
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/03/2011)
Bà Võ Thị Thanh Tâm	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/03/2011)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/03/2011)

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Nguyễn Văn San	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01/04/2011)
Ông Trương Vĩnh Thành	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 01/04/2011)
Ông Lê Văn Chung	P.Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Dũng	P.Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Hoài Ân	Giám đốc Tài chính	
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng	(bổ nhiệm ngày 14/01/2011)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) đã thực hiện kiểm toán các Báo Cáo tài chính cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Thay mặt Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch**

**Lê Thanh Thuận**



**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Văn San**



Số : 20120326/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 15 tháng 01 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

  
**Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ**  
**CÔNG TẮC Tổng Giám đốc**  
  
**LÊ VĂN THANH**  
Chứng chỉ KTV số: 0357/KTV

TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Kiểm toán viên

  
**NGUYỄN HỮU TRÍ**

Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh		
			31/12/2011	01/01/2011
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>915.166.966.024</b>	<b>847.635.640.392</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	152.636.356.786	51.070.326.051
111	1. Tiền		67.940.532.301	6.238.296.406
112	2. Các khoản tương đương tiền		84.695.824.485	44.832.029.645
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		52.903.927.784	
121	1. Đầu tư ngắn hạn	04	53.168.839.143	
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(264.911.359)	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		467.194.849.662	550.773.900.588
131	1. Phải thu khách hàng		325.932.859.250	453.264.073.548
132	2. Trả trước cho người bán		28.503.780.980	61.525.450.995
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	132.637.961.308	35.984.376.045
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(19.879.751.876)	
140	IV. Hàng tồn kho		237.524.182.550	237.553.093.853
141	1. Hàng tồn kho	06	237.524.182.550	237.553.093.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.907.649.242	8.238.319.900
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		569.420.617	333.590.925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			2.932.099.848
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	07	4.338.228.625	4.972.629.127
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>548.142.071.555</b>	<b>452.012.871.122</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>431.738.971.137</b>	<b>389.383.609.120</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	302.627.335.735	142.867.028.827
222	- Nguyên giá		334.679.823.478	159.162.077.807
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(32.052.487.743)	(16.295.048.980)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	09	7.138.983.696	8.146.840.200
225	- Nguyên giá		10.078.565.166	10.078.565.166
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.939.581.470)	(1.931.724.966)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	56.671.348.576	38.843.887.749
228	- Nguyên giá		56.681.716.106	38.843.887.749
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.367.530)	
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	65.301.303.130	199.525.852.344
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	12	<b>104.848.259.681</b>	<b>60.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		109.219.500.000	60.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác			
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.371.240.319)	
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.554.840.737</b>	<b>2.629.262.002</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.019.890.737	2.629.262.002
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		9.534.950.000	
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.463.309.037.579</b>	<b>1.299.648.511.514</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

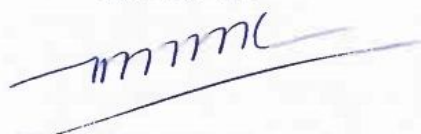
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2011	01/01/2011
300	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>917.380.398.589</b>	<b>791.286.080.703</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>851.035.604.922</b>	<b>704.762.294.018</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	645.158.420.819	438.697.264.951
312	2. Phải trả người bán		135.460.172.880	200.311.803.446
313	3. Người mua trả tiền trước		17.821.479.295	5.984.718.973
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.316.943.595	13.923.293.331
315	5. Phải trả người lao động		5.226.226.706	4.448.690.331
316	6. Chi phí phải trả	16	2.657.731.004	
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	33.967.201.058	38.816.862.326
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		6.427.429.565	2.579.660.660
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>66.344.793.667</b>	<b>86.523.786.685</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	66.344.793.667	86.523.786.685
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
400	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>545.928.638.990</b>	<b>508.362.430.811</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>545.928.638.990</b>	<b>508.362.430.811</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		380.000.000.000	380.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.668.800.000	17.668.800.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.684.612.005	3.145.403.445
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.635.964.465	3.053.860.660
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.635.964.465	3.053.860.660
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		127.303.298.055	101.440.506.046
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.463.309.037.579</b>	<b>1.299.648.511.514</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		169.658,04	259.767,52
- Dollar Mỹ (USD)		168.768,31	259.536,87
- Euro (EUR)		889,73	230,65
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

  
Trần Phước Minh

Kế toán trưởng

  
Lê Xuân Định

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Văn San



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.102.365.865.478	974.028.155.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.892.700.000	27.336.636.752
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.097.473.165.478	946.691.519.106
11	4. Giá vốn hàng bán	23	878.971.227.088	744.423.477.775
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		218.501.938.390	202.268.041.331
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	42.305.640.587	24.596.157.483
22	7. Chi phí tài chính	25	115.307.898.424	51.975.141.459
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		83.744.528.997	38.033.372.185
24	8. Chi phí bán hàng		71.132.378.359	62.527.674.140
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		33.626.624.274	10.837.755.295
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.740.677.920	101.523.627.920
31	11. Thu nhập khác		5.953.996.930	3.793.685.563
32	12. Chi phí khác		4.590.954.828	769.438.725
40	13. Lợi nhuận khác		1.363.042.102	3.024.246.838
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.103.720.022	104.547.874.758
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	2.494.616.598	12.905.798.653
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.609.103.424	91.642.076.105
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	1.042	2.412

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Phước Minh

Lê Xuân Định

Nguyễn Văn San





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia IDI là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng kí thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng kí thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 02 năm 2007; Đăng kí thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10 số 0303141296 ngày 10 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VND (Ba trăm tám mươi tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính: quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

#### Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, sản xuất.

#### Ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm:

Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Kinh doanh nhà, khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất; Mua bán, chế biến thủy hải sản (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); Nuôi trồng thủy sản (không nuôi trồng tại trụ sở); Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); sản xuất bao bì nhựa giấy nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bốc xếp hàng hoá cảng biển. Vận tải hàng hoá đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kì các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ ngắn hạn (1 năm trở xuống) tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

### ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính***

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

### ***Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### ***Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước***

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

### ***Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### ***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2011*

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

### *Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:*

#### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- + Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn
- + Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
<b>Tiền mặt</b>	<b>273.901.035</b>	<b>91.217.238</b>
Tiền mặt VND	131.314.348	46.567.738
Tiền mặt ngoại tệ-USD	142.586.687	44.649.500
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>67.666.631.266</b>	<b>6.147.079.168</b>
<b>Tiền gửi VND</b>	<b>64.563.088.842</b>	<b>1.227.542.931</b>
+ Ngân hàng Công Thương - CN Tp. HCM	30.145.230.509	2.261.819
+ Ngân hàng Công Thương - CN An Giang	2.496.762	2.567.718
+ Ngân hàng Công Thương - CN Đồng Tháp	1.570.035	1.529.254
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	17.106.594	46.922.218
+ Ngân Hàng Ngoại Thương Đồng Tháp	17.952.838.611	12.208.805
+ Ngân Hàng NN&PTNT Lấp Vò	3.211.810	204.177.767
+ Ngân Hàng Liên Việt Tp.HCM		1.287.034
+ Ngân Hàng Liên Việt - CN An Giang	2.851.634	4.045.431
+ Ngân Hàng Cổ phần TM Sài Gòn	12.183.600.764	12.972.855
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	1.327.660	5.293.000
+ Ngân hàng Á Châu - CN An Giang	104.412.895	90.586.891
+ Ngân hàng TMCP Sacombank - CN An Giang	917.314.454	52.696.475
+ Ngân hàng TMCP Sacombank - CN Đồng Tháp	3.755.726	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	3.140.771.678	786.727.920
+ Ngân hàng Đại Á_TP.HCM	14.458.873	
+ Ngân hàng Đông Á_CN An Giang	33.874.685	
+ Ngân hàng XNK Việt Nam Eximbank_TP.HCM	9.026.825	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM_CN An Giang	7.015.005	
+ Công ty Chứng khoán Bảo Việt	2.741.916	
+ Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	6.930.878	
+ Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam_CN An Giang (BIDV)	1.551.528	
+ CN Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam_CN Kiên Giang (BIDV)	10.000.000	
+ Ngân hàng Phương Đông-OCB (CN An Giang)	1.000.000	
+ Ngân hàng Việt Á		4.265.744
<b>Tiền gửi ngoại tệ</b>	<b>3.103.542.424</b>	<b>4.919.536.237</b>
- <b>Tiền gửi USD</b>	<b>3.097.841.992</b>	<b>4.913.552.023</b>
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	20.199.785	4.037.916.353
+ Ngân hàng Thương Mại CP Sài Gòn CN An Giang	22.286	13.837.399
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN Đồng Tháp	25.800.059	12.538.664
+ Ngân hàng Á Châu - CN An Giang	12.612.397	30.289.685
+ Ngân hàng Công thương CN1 TP.HCM	13.021.673	
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	2.103.627	1.903.045
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt - An Giang	23.924.705	9.516.738
+ Ngân hàng TMCP Sacombank - An Giang	17.757.328	805.587.080
+ Ngân hàng Việt Á - CN An Giang		1.897.365
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn H Lấp Vò	31.011.433	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	2.932.292.747	65.694
+ Ngân hàng TMCP Đại Á - TP.HCM	15.462.298	
+ Ngân hàng XNK Việt Nam Eximbank- TP.HCM	115.803	
+ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM - CN An Giang	3.517.851	
- <b>Tiền gửi EUR</b>	<b>5.700.432</b>	<b>5.984.214</b>
+ Ngân hàng Ngoại Thương - CN An Giang	5.700.432	5.984.214

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>84.695.824.485</b>	<b>44.832.029.645</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>84.695.824.485</b>	<b>44.832.029.645</b>
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - An Giang	21.000.000.000	24.878.600.000
+ Ngân hàng Công thương CN1 - TP.HCM	63.695.824.485	9.428.136.000
+ Ngân hàng TMCP Sacombank - An Giang		10.469.396.000
+ Khác		55.897.645
<b>Cộng</b>	<b>152.636.356.786</b>	<b>51.070.326.051</b>

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng	31/12/2011	01/01/2011
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>22.171.985.359</b>	
- Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang (ASM)	982.380	22.171.985.359	
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>30.996.853.784</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank - CN1 TP HCM		30.996.853.784	
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(264.911.359)</b>	
<b>Cộng</b>		<b>52.903.927.784</b>	

#### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

		31/12/2011	01/01/2011
- Phải thu về cổ phần hoá			
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia			
- Phải thu khác		132.637.961.308	35.984.376.045
+ Công ty CP ĐT & XD Sao Mai		12.923.143.400	15.089.791.633
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính (*)		25.011.372.222	
+ Công ty CP ĐT Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản (*)		38.927.004.111	
+ Công ty CP ĐT TC và truyền thông Quốc Tế (*)		9.697.593.000	
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò (**)		45.835.763.500	13.835.763.500
+ Đối tượng khác		243.085.075	7.058.820.912
<b>Cộng</b>		<b>132.637.961.308</b>	<b>35.984.376.045</b>

(\*): Các khoản tiền Công ty cho mượn

(\*\*): Tiền chuyển cho Ban Quản lý dự án bồi thường cho các hộ dân để thực hiện dự án khu dân cư Lấp Vò.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Hàng mua đang đi đường	835.979.530	
- Nguyên liệu, vật liệu	2.725.088.100	2.662.382.544
- Công cụ, dụng cụ	387.192.970	612.423.879
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.197.436.164	95.275.416.219
- Thành phẩm	147.303.832.300	139.002.871.211
- Hàng hóa	11.809.500.000	
- Hàng gửi đi bán	2.265.153.486	
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		

**Cộng giá gốc hàng tồn kho**

**237.524.182.550      237.553.093.853**

### 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	91.385.928	100.942.322
- Tạm ứng	4.246.842.697	4.588.547.723
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		283.139.082

**Cộng**      **4.338.228.625      4.972.629.127**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	17.534.809.246	133.312.724.351	5.047.465.864	982.700.021	2.284.378.325	159.162.077.807	
Số tăng trong kỳ	70.539.844.290	106.166.730.167		519.335.818	399.739.827	177.625.650.102	
- Mua trong năm				519.335.818	399.739.827	919.075.645	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	70.539.844.290	106.166.730.167				176.706.574.457	
- Tặng khác							
Số giảm trong năm		1.942.568.526	165.335.905			2.107.904.431	
Bao gồm:							
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		1.942.568.526	165.335.905			2.107.904.431	
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	88.074.653.536	237.536.885.992	4.882.129.959	1.502.035.839	2.684.118.152	334.679.823.478	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	726.548.306	13.504.562.102	1.422.679.050	338.558.506	302.701.016	16.295.048.980	
Số tăng trong năm	834.448.440	13.920.700.746	576.808.716	230.238.342	406.865.484	15.969.061.728	
- Khấu hao trong năm	834.448.440	13.920.700.746	576.808.716	230.238.342	406.865.484	15.969.061.728	
- Tặng khác							
Số giảm trong năm		166.155.598	45.467.367			211.622.965	
- Chuyển sang BĐS đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán		166.155.598	45.467.367			211.622.965	
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	1.560.996.746	27.259.107.250	1.954.020.399	568.796.848	709.566.500	32.052.487.743	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu năm	16.808.260.940	119.808.162.249	3.624.786.814	644.141.515	1.981.677.309	142.867.028.827	
Tại ngày cuối năm	86.513.656.790	210.277.778.742	2.928.109.560	933.238.991	1.974.551.652	302.627.335.735	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính**

cho năm 2011 kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**9. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			10.078.565.166			10.078.565.166
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm						
- Thuê tài chính trong năm						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Thanh lý						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm			10.078.565.166			10.078.565.166
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm						1.931.724.966
Số tăng trong năm						1.007.856.504
- Khấu hao trong năm						1.007.856.504
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						2.939.581.470
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm						8.146.840.200
Tại ngày cuối năm						7.138.983.696



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	38.843.887.749				38.843.887.749	
Số tăng trong năm	22.485.078.357				22.485.078.357	
- Mua trong năm	22.485.078.357				22.485.078.357	
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng do hợp nhất KD						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm	4.647.250.000				4.647.250.000	
- Thanh lý, nhượng bán	4.647.250.000				4.647.250.000	
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	56.681.716.106				56.681.716.106	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm						
Số tăng trong năm	10.367.530				10.367.530	
- Khấu hao trong năm	10.367.530				10.367.530	
- Tăng khác						
Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	10.367.530				10.367.530	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	38.843.887.749				38.843.887.749	
Tại ngày cuối năm	56.671.348.576				56.671.348.576	



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
<b>- Xây dựng cơ bản dở dang:</b>	<b>45.269.803.132</b>	<b>192.064.814.645</b>
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	25.317.881.400	25.284.446.250
+ Hạ tầng khu tái định cư	8.427.457.269	4.703.957.269
+ Nhà mẫu khu tái định cư		3.160.000.000
+ Nhà máy đông lạnh	9.642.248.611	151.644.886.021
+ Khu nuôi cá		81.387.798
+ Nhà Máy Phụ Phẩm Trisedco		7.118.904.762
+ Nhà Điều hành Cty IDI	36.785.780	
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	1.390.884.617	71.232.545
<b>- Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>20.031.499.998</b>	<b>7.461.037.699</b>
	<b>65.301.303.130</b>	<b>199.525.852.344</b>

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	31/12/2011	01/01/2011
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>109.219.500.000</b>	<b>60.000.000.000</b>
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%	68.000.000.000	60.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20,00%	11.219.500.000	
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	25,00%	30.000.000.000	
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>(4.371.240.319)</b>	
<b>Cộng</b>		<b>104.848.259.681</b>	<b>60.000.000.000</b>

### 13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
- Công cụ, dụng cụ bộ phận sản xuất	2.003.734.807	2.591.952.450
- Công cụ, dụng cụ bộ phận văn phòng		21.153.622
- Chi phí trả trước dài hạn khác	16.155.930	16.155.930
<b>Cộng</b>	<b>2.019.890.737</b>	<b>2.629.262.002</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
<b>- Vay ngắn hạn</b>	<b>645.158.420.819</b>	<b>438.697.264.951</b>
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>645.158.420.819</b>	<b>438.057.264.951</b>
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN An Giang	17.932.186.000	35.632.732.727
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN 1, TP HCM	80.942.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - An Giang	25.982.947.000	
+ Ngân hàng Vietcombank - CN An Giang	299.061.595.910	284.966.825.944
+ Ngân hàng Đại Á TP.HCM	38.986.920.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang	98.801.365.409	107.857.706.280
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín CN An Giang	16.502.400.000	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội CN An Giang	20.009.160.000	9.600.000.000
+ CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Kiên Giang	44.976.846.500	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thanh Xuân	1.963.000.000	
<b>Vay cá nhân</b>		<b>640.000.000</b>
+ Phạm Thị Thu Vân		640.000.000
<b>- Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
<b>Cộng</b>	<b>645.158.420.819</b>	<b>438.697.264.951</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2011	01/01/2011
- Thuế giá trị gia tăng	3.489.537.764	2.567.034.772
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	710.346.571	10.653.908.653
- Thuế thu nhập cá nhân	117.059.260	702.349.906
<b>Cộng</b>	<b>4.316.943.595</b>	<b>13.923.293.331</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	01/01/2011
- Trích trước chi phí tiền điện	1.222.404.700	
- Trích trước chi phí tiền lương tháng 12	51.345.015	
- Trích trước chi phí lãi vay	927.803.040	
- Trích trước chi phí quảng cáo DN	220.000.000	
- Trích trước chi phí thuế TNDN	236.178.249	
<b>Cộng</b>	<b>2.657.731.004</b>	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	120.970.593	13.577.864
- Kinh phí công đoàn	75.618.142	83.035.492
- Bảo hiểm xã hội	(38.891.680)	
- Bảo hiểm y tế	67.913.303	
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.183.690	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.785.000.000	3.297.052.830
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.926.407.010	35.423.196.140
Trong đó:		
+ Cổ tức phải trả	387.350.000	649.500.000
+ Ông Lê Văn Chung		25.450.284.237
+ Ông Đinh Văn Căn		2.262.000.000
+ Công ty CP CK Tân Việt (*)	10.970.188.234	
+ Phải trả khác	14.568.868.776	7.061.411.903
<b>Cộng</b>	<b><u>33.967.201.058</u></b>	<b><u>38.816.862.326</u></b>

(\*) Phải trả tiền hỗ trợ vốn mua 982.380 cổ phiếu ASM

### 18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>65.064.281.854</b>	<b>84.026.272.444</b>
- Vay ngân hàng Công thương - CN 1 Tp. HCM	8.776.620.690	10.774.830.000
- Vay ngân hàng Ngoại thương chi nhánh An Giang	13.673.481.364	19.273.481.364
- Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh An Giang	42.614.179.800	53.977.961.080
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>1.280.511.813</b>	<b>2.497.514.241</b>
- Công ty Thuê Tài chính Ngân hàng Vietcombank Tp.HCM	1.280.511.813	2.497.514.241
<b>Cộng</b>	<b><u>66.344.793.667</u></b>	<b><u>86.523.786.685</u></b>



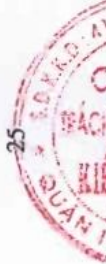
## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>228.107.040.000</b>	<b>6.521.800.000</b>	<b>(2.859.043.512)</b>		<b>34.763.099.409</b>	<b>1.065.637.504</b>	<b>1.065.637.504</b>	
Tăng vốn trong năm trước	151.892.960.000	11.147.000.000						
Lãi trong năm trước					91.642.076.105			
Tăng khác			6.004.446.957					
Chia cổ tức					(19.000.000.000)			
Trích lập các quỹ					(5.964.669.468)	1.988.223.156	1.988.223.156	
Giảm vốn trong năm trước								
Lỗ trong năm trước								
Giảm khác								
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>3.145.403.445</b>		<b>101.440.506.046</b>	<b>3.053.860.660</b>	<b>3.053.860.660</b>	
Tăng vốn trong năm nay								
Lãi trong năm nay					39.609.103.424			
Tăng khác			5.684.612.005					
Chia cổ tức								
Trích lập các quỹ					(13.746.311.415)	4.582.103.805	4.582.103.805	
Thu lao HĐQT								
Giảm khác			(3.145.403.445)					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>	<b>5.684.612.005</b>		<b>127.303.298.055</b>	<b>7.635.964.465</b>	<b>7.635.964.465</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

**19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	0%	0%
Vốn góp của các cổ đông	100%	100%
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
	<b>380.000.000.000</b>	<b>380.000.000.000</b>

**19. c) Cổ phiếu**

- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành  
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng  
- Cổ phiếu phổ thông  
- Cổ phiếu ưu đãi  
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành  
- Cổ phiếu phổ thông  
- Cổ phiếu ưu đãi

	Cuối năm	Đầu năm
	38.000.000	38.000.000
	38.000.000	38.000.000
	38.000.000	38.000.000
	38.000.000	38.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 19. e) Các quỹ của công ty:

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	7.635.964.465	3.053.860.660
- Quỹ dự phòng tài chính	7.635.964.465	3.053.860.660
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng:</b>	<b>15.271.928.930</b>	<b>6.107.721.320</b>

### 20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.056.109.923.617	819.870.905.170
Doanh thu cung cấp dịch vụ	33.622.986.599	14.568.146.717
Doanh thu bất động sản đầu tư	5.512.050.500	55.322.785.789
Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng	7.120.904.762	84.266.318.182
<b>Cộng</b>	<b>1.102.365.865.478</b>	<b>974.028.155.858</b>

### 21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại	4.892.700.000	27.336.636.752
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)		
Thuế xuất khẩu		
<b>Cộng</b>	<b>4.892.700.000</b>	<b>27.336.636.752</b>

### 22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1.056.109.923.617	792.534.268.418
Doanh thu thuần dịch vụ	33.622.986.599	14.568.146.717
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	619.350.500	55.322.785.789
Doanh thu từ đầu tư xây dựng hạ tầng	7.120.904.762	84.266.318.182
<b>Cộng</b>	<b>1.097.473.165.478</b>	<b>946.691.519.106</b>

### 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	869.936.404.179	672.923.018.125
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.915.918.147	
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		30.662.336.900
Giá vốn của đầu tư xây dựng hạ tầng	7.118.904.762	40.838.122.750
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>878.971.227.088</b>	<b>744.423.477.775</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

### 24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.271.253.466	2.919.725.364
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá	36.567.081.853	21.676.432.119
- Lãi bán hàng trả chậm	343.388.953	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.123.916.315	
<b>Cộng</b>	<b>42.305.640.587</b>	<b>24.596.157.483</b>

### 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
- Lãi tiền vay	83.744.528.997	38.033.372.185
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.245.022.200	13.941.661.116
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.371.240.319	
- Chi phí tài chính khác	5.947.106.908	108.158
<b>Cộng</b>	<b>115.307.898.424</b>	<b>51.975.141.459</b>

### 26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011	Năm 2010
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.494.616.598	12.905.798.653
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>2.494.616.598</b>	<b>12.905.798.653</b>

### 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	39.609.103.424	91.642.076.105
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	1.042	2.412

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	789.578.541.813	616.894.263.567
Chi phí nhân công	50.024.340.884	49.235.304.267
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.161.435.786	9.422.228.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.079.930.286	11.880.230.949
Chi phí khác bằng tiền	4.346.464.599	3.264.884.462
<b>Cộng</b>	<b>872.190.713.368</b>	<b>690.696.911.365</b>

**29 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****29.1. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Bán cá thành phẩm	588.104.213.131
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Phí ủy thác xuất khẩu	37.758.818.294
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Mua thiết bị, hạ tầng	43.610.300.000
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Chuyển quyền sử dụng đất	6.812.700.000
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Bên có liên quan	Mua cát san lấp	3.945.568.240
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Bên có liên quan	Trả tiền mua cát san lấp	2.577.028.651
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ hạ tầng	7.832.995.238
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết	Bán phụ phẩm	114.049.526.650

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Phải thu tiền bán cá thành phẩm, dịch vụ ủy thác XK	26.736.733.673
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Bên góp vốn	Phải thu tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	16.900.864.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết	Phải thu tiền xây dựng hạ tầng nhà máy phụ phẩm	7.602.043.238
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết	Phải thu tiền bán phụ phẩm	21.019.118.438
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho mượn	38.927.004.111
Công ty CP ĐTTTC và Truyền thông Quốc Tế	Bên có liên quan	Phải thu tiền cho mượn	9.697.593.000
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho mượn	25.011.372.222



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

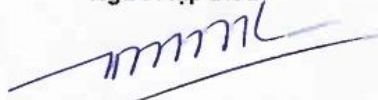
Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Bên có liên quan	Phải trả tiền mua cát san lấp mặt bằng	18.359.589
Cty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	Công ty liên kết	Phải trả tiền tư vấn TTTM Lấp Vò	242.533.000

### 29.2 Số liệu so sánh

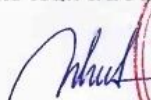
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Trần Phước Minh

Kế toán trưởng



Lê Xuân Định

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 01 năm 2012

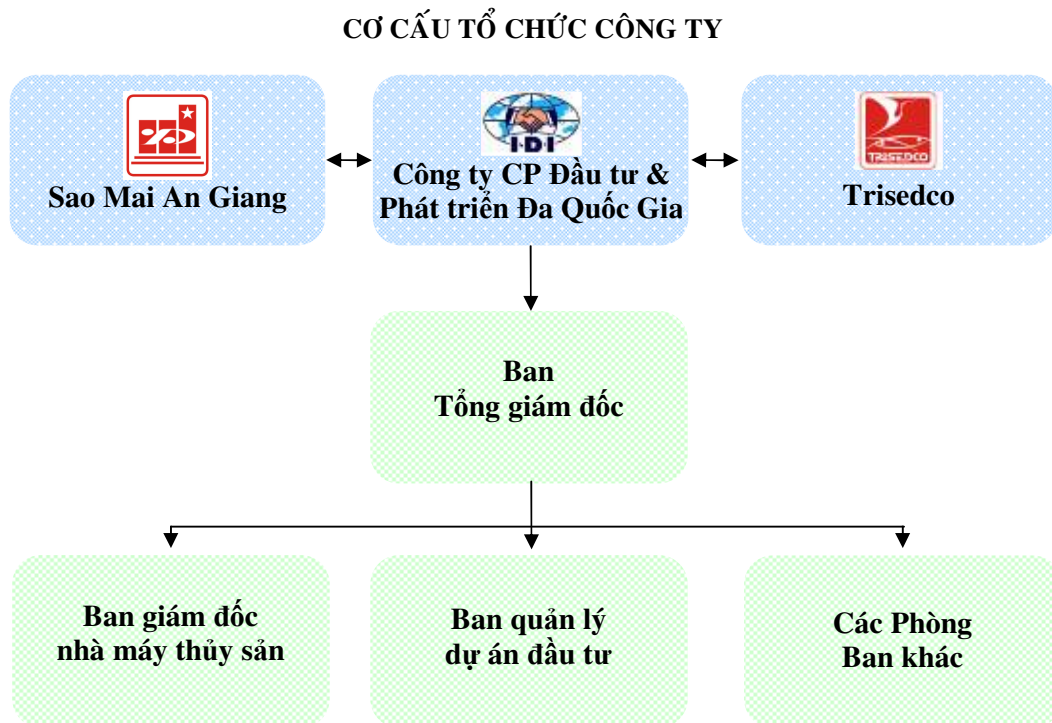
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn San



## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC



### CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

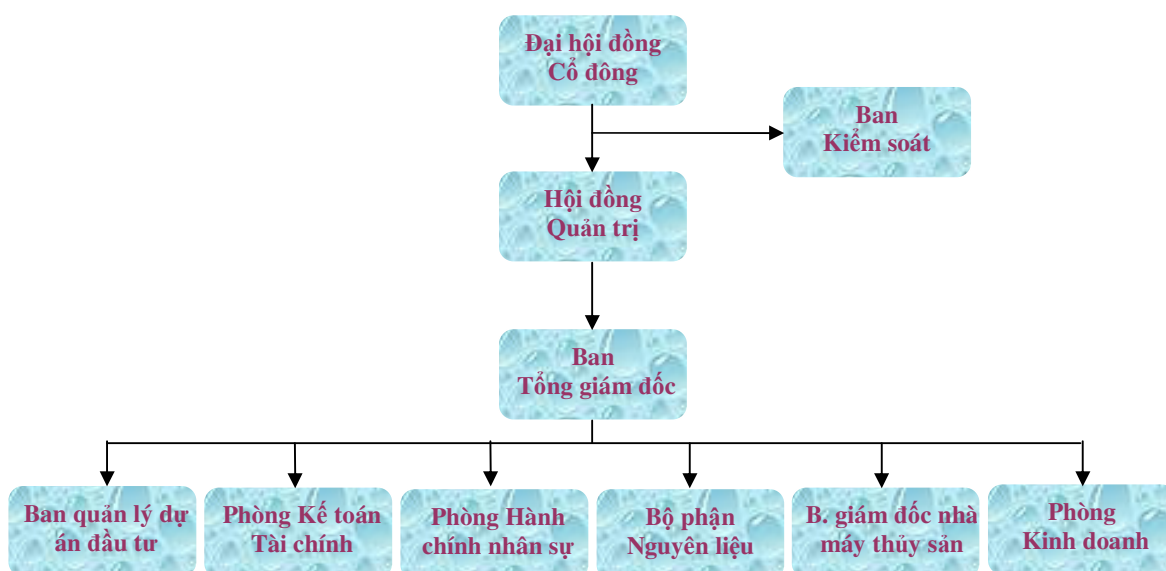
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất khẩu thủy sản, được Công ty Sao Mai An Giang cùng một số cổ đông khác góp vốn thành lập năm 2003, trong đó Công ty Sao Mai An Giang nắm giữ 31,73% vốn của IDI.

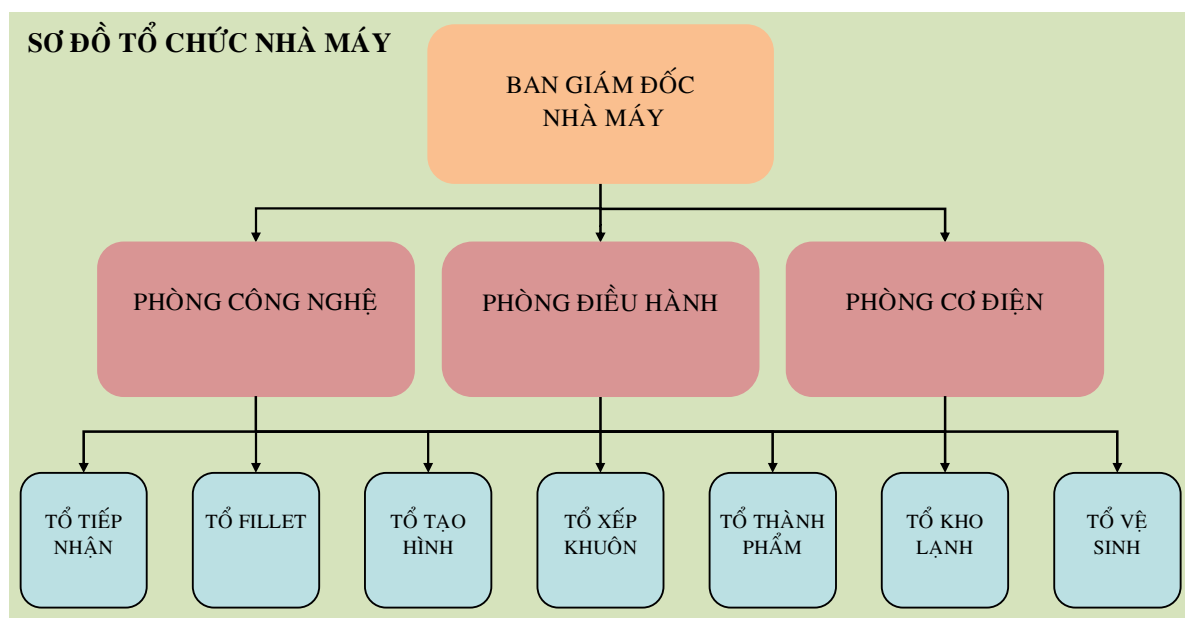
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco là doanh nghiệp do Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia và Công ty Sao Mai An Giang cùng các cổ đông khác góp vốn thành lập năm 2008. Chức năng chính của đơn vị này là thu mua toàn bộ phụ phẩm từ khâu sản xuất cá tra fillet xuất khẩu của IDI để chế biến thành các sản phẩm có giá trị như bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu ăn, . . . Hiện tại, IDI chiếm 40% vốn của Trisedco.

- Toàn bộ hoạt động của IDI do Ban Tổng giám đốc trực tiếp điều hành. Dưới ban Tổng Giám đốc là Ban giám đốc nhà máy thủy sản, Ban quản lý dự án đầu tư và các Phòng ban khác trong công ty. Cụ thể như sau:

- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án bất động sản mà IDI sẽ triển khai trong tương lai.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng hoặc các phó Tổng giám đốc Công ty trực tiếp phụ trách.

#### BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY





#### a) Hội đồng quản trị Công ty

HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

HĐQT của IDI nhiệm kỳ 2008 – 2012 gồm:

- Ông Lê Thanh Thuận      Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Văn Hưng      Phó chủ tịch.
- Ông Lê Văn Chung      Thành viên.
- Ông Lê Xuân Quế      Thành viên.
- Ông Trương Vĩnh Thành      Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Ông Quách Mạnh Hào      Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Ông Nguyễn Văn San      Thành viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Bà Võ Thị Thanh Tâm      Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2011).
- Ông Nguyễn Văn Sơn      Thành viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2011).

#### b) Ban kiểm soát

Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

BKS của Công ty nhiệm kỳ 2008 – 2012 gồm:

- Bà Lê Thị Phượng      Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Bà Nguyễn Thị Hương      Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Bà Lê Ngọc An      Ủy viên (bổ nhiệm ngày 28/3/2011).
- Ông Phạm Đình Nam      Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 28/3/2011).
- Bà Lê Thị Tính      Ủy viên (miễn nhiệm ngày 28/3/2011).



**c) Ban Tổng giám đốc**

Ban Giám đốc của IDI có 06 thành viên gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty.

Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

Ban Tổng Giám đốc của IDI hiện nay gồm có:

- Ông Nguyễn Văn Sơn      Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/4/2011).
- Ông Lê Văn Chung      Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Lê Văn Cảnh      Phó Tổng Giám đốc.
- Ông Phạm Đình Nam      Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/10/2011)
- Ông Đinh Hoài Ân      Giám đốc tài chính.
- Ông Lê Xuân Định      Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 14/01/2011).
- Ông Trương Vĩnh Thành      Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/4/2011).
- Ông Nguyễn Minh Dũng      Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm 01/10/2011)
- Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền      Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 14/01/2011).



Ban Tổng Giám Đốc Cty IDI

**d) Phòng Kế toán Tài chính**

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư của IDI.

Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh tế, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế.

Đảm bảo việc hạch toán sổ sách của IDI theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của công ty với khách hàng.

Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư. Phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

**e) Phòng hành chính nhân sự**

Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của IDI;

Quản lý và lưu hồ sơ công ty.

Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

**f) Bộ phận nguyên liệu:**

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất.

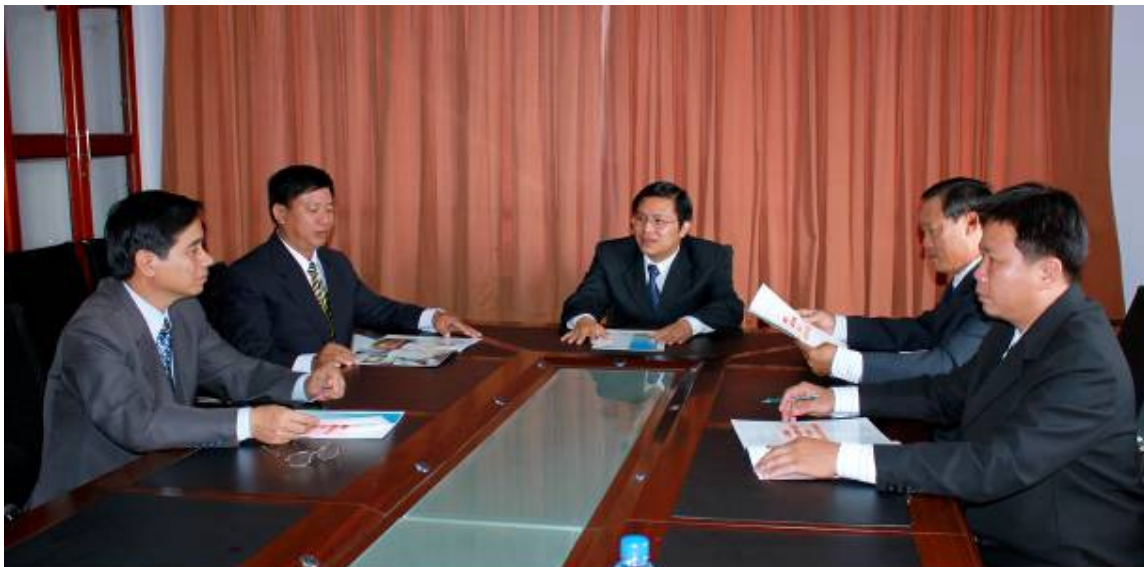
Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.

**g) Phòng kinh doanh:**

Phụ trách quản lý, triển khai, phát triển hoạt động kinh doanh của công ty;

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, phối hợp với các phòng ban khác nhằm triển khai các phương án mở rộng thị trường;

Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.



Một buổi làm việc của Ban Giám Đốc Cty IDI

**II/ LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH****2.1 Hội đồng quản trị****a) Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT**

- CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 10/3/1958  
 Nơi sinh : Xuân Thịnh – Triệu Sơn – Thanh Hóa  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa  
 Địa chỉ thường trú : 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang  
 Điện thoại : 0939 009 036  
 Trình độ học vấn : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng  
 Quá trình công tác :  
 ○ Từ 1977 - 1979 : Cán bộ Sở Xây Dựng An Giang;  
 ○ Từ 1979 – 1980 : Cán bộ Sở quản lý nhà đất An Giang;  
 ○ Từ 1980 – 1982 : Cán bộ Ban Xây dựng, UBND tỉnh An Giang;  
 ○ Từ 1982 – 1986 : Chánh văn phòng UBND tỉnh An Giang;  
 ○ Từ 1986 – 1992 : Giám đốc Công ty liên doanh Kiến trúc An Giang;  
 ○ Từ 1992 – 1995 : Giám đốc XN Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty xây dựng Miền tây, Bộ xây dựng.  
 ○ Từ 1997 - nay : Tổng giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.  
 Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.  
 Chức vụ tại các tổ chức khác:  
 ○ Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.  
 ○ Chủ tịch HĐQT Cty Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.  
 ○ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát.  
 ○ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc và Khoáng sản Châu Á  
 Số lượng cổ phần sở hữu : 4.927.117 cp, chiếm 12.966% vốn điều lệ trong đó.  
 ○ Sở hữu : 4.927.117 cổ phần  
 ○ Đại diện sở hữu : Không có  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,061
Lê Văn Thông	Anh	172321457	18.200	0,048
Lê Văn Thủy	Em	351627326	89.175	0,261
Lê Văn Chung	Em	351393479	442.174	1,164
Lê Văn Thành	Em	351400599	198.185	0,235
Lê Thị Thiên Trang	Con	351916791	400.000	1,052
Võ thị Thanh Tâm	Vợ	351343354	100.000	0,263

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

**b) Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó chủ tịch HĐQT**



CMND số : 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 18/05/1954  
 Nơi sinh : Đồng Tháp  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Đồng Tháp  
 Địa chỉ thường trú : 49/30 Khúc Thừa Dụ, P Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang  
 Điện thoại : 0918 145 668  
 Trình độ học vấn : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp xây dựng  
 Quá trình công tác :  
 ○ Từ 1975 -1988 : Công tác tại phòng chính trị tỉnh đội An Giang  
 ○ Từ 1988 -1989 : Giám đốc Xí nghiệp Cát – Sở XD Tỉnh An Giang

- Từ 1909 -1990 : Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang
- Từ 1990 - 1995: Đội trưởng Đội quản lý thị trường Tỉnh An Giang
- Từ 1995 - 1997: Thanh tra Sở thương mại du lịch tỉnh An Giang
- Từ 1997 – nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.  
 Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Số lượng cổ phần sở hữu: 483.480 cổ phần, chiếm 1.27% vốn điều lệ trong đó.

- Sở hữu : 483.480 cổ phần
- Đại diện sở hữu : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
Nguyễn Thị Phước	Chị	340215292	5.000	0,013
Nguyễn Văn Dũng	Em	340537623	20.000	0,053
Nguyễn Thị Thủy	Em	340660504	10.000	0,026
Nguyễn Thị Hồng	Em	340200355	20.000	0,053

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

**c) Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT**



CMND số : 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 25/05/1968  
 Nơi sinh : Triệu Sơn – Thanh Hóa  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa  
 Địa chỉ thường trú : 647B/33 Tôn Thất Thuyết, TP Long Xuyên, An Giang

Điện thoại liên lạc : 0913971343

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng

Quá trình công tác :

- Từ 1992 - 1996 : Công tác tại XN Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng;
- Từ 1997 - 2003 : Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam;
- Từ 2003 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ công tác hiện nay: T.viên HĐQT Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm P.Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
  - Thành viên HĐQT Cty Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.
  - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư tài chính
  - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á
- Số lượng cổ phần sở hữu : 376.760 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ trong đó.
- Sở hữu : 376.760 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.



Một buổi làm việc của ban Tổng Giám Đốc với Cán bộ chủ chốt của Cty IDI





Đoàn xe cứu trợ lũ lụt miền trung 2010

d) Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng giám đốc



CMND số : 351393479 cấp ngày 03/09/1996 tại Tỉnh An Giang  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 1964  
Nơi sinh : Triệu Sơn – Thanh Hóa  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Triệu Sơn – Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú : 72, Trần Nhật Duật, TP Long Xuyên, An Giang  
Điện thoại : 0913 694 597  
Trình độ học vấn : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Trung cấp Cơ khí  
Quá trình công tác :

- Từ 1985 -1997 : Phụ trách tiền lương Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Từ 1987 -199 : Lao động tại CHDC Đức
- Từ 1991 - 199 : Công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang;
- Từ 1994 - 1996: Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền tây;
- Từ 1997 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản  
Số lượng cổ phần sở hữu : 442.174 cổ phần, chiếm 1,164% vốn điều lệ trong đó.
- Sở hữu : 442.174 cổ phần
- Đại diện sở hữu: không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn : Không có

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ(%)
Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	23.000	0,061
Lê Văn Thông	Anh	172321457	18.200	0,048
Lê Thanh Thuận	Anh	350006170	4.927.117	12,966
Lê Văn Thủy	Anh	351627326	89.175	0,235
Lê Văn Thành	Em	351400599	198.185	0,522

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

**e) Ông Quách Mạnh Hòa – Thành viên HĐQT.**

CMND số : 012159661 cấp ngày 01/08/1998 tại CA Hà Nội

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 05/03/1976

Nơi sinh : Thái Bình

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thái Bình

Địa chỉ thường trú : P.501 – Đ 12 – TT Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại : 0984 586 666

Trình độ học vấn : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 31/12/2006 đến 31/12/2007: CB Tư vấn Cao cấp Cty CK Thăng Long
- Từ 01/01/2008 đến 07/08/2008: Phân tích đầu tư Cty CK Thăng Long
- Từ 08/08/2008 đến nay: P.Tổng GD Cty Chứng khoán Thăng Long.

Chức Vụ công tác hiện nay : P.Tổng Giám đốc Cty Chứng khoán Thăng Long.

Chức vụ tại các tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ MB  
Thành viên HĐQT Công ty CP Y tế Danameco.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : không có  
Các khoản nợ với công ty : Không có

f) Ông Nguyễn Văn San – Thành viên HĐQT.



CMND số : 361902934 cấp ngày 03/04/1999 tại CA Cần Thơ  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 05/11/1964  
Nơi sinh : Hải Dương  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Hải Dương  
Địa chỉ thường trú : Lô 48, khu dân cư 91/23, đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ  
Điện thoại : 0908 979 462  
Trình độ học vấn : 12/12  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác :

- Từ 1989 -1992 : Công ty liên doanh kiến trúc An Giang;
- Từ 1992 - 2000 : Công ty Xây dựng miền tây – Bộ Xây Dựng;
- Từ 2000 - 2005 : Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Từ 2005 – nay : Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.  
Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng Sản  
Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ trong đó:

- Sở hữu : Không có
- Đại diện Sở hữu : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn : Không có.

## a) Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.



CMND số : 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang  
 Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 07/7/1977  
 Nơi sinh : Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định  
 Địa chỉ thường trú : Nhà 83 lô E1, Khu đô thị Sao Mai, TP Long Xuyên, An Giang  
 Điện thoại : 0907 599 015  
 Trình độ học vấn : 12/12  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng  
 Quá trình công tác :
 

- Từ 1999 - 2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- Từ 2001 - 2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, Trưởng phòng KCS, TP.Marketing Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai
- Từ 2005 - 2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
- Từ 2008 - 2009: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

 Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.  
 Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có  
 Số lượng cổ phần sở hữu: 14.700 cổ phần, chiếm 0.039% vốn điều lệ trong đó.
 

- Sở hữu : 14.700 cổ phần
- Đại diện sở hữu : Không có

 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có  
 Quyền lợi mâu thuẫn : Không có  
 Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

## 2.2 Ban Tổng giám đốc

b) Ông Nguyễn Văn San – Tổng Giám đốc: Đã trình bày ở trên.

c) Ông Lê Văn Chung – Phó Tổng Giám đốc: Đã trình bày ở trên.

d) Ông Phạm Đình Nam – Phó Tổng Giám đốc.

- Số CMND số : 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang



- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 08/02/1969
- Nơi sinh : Thiệu Hóa – H. Thiệu Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thiệu Hóa –H.Thiệu Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –Tp Long xuyên –AG
- Điện thoại : 0913 972 349
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp xây dựng
- Quá trình công tác :
  - Từ 1987-1990 : Đi bộ đội
  - Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu
  - Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu
  - Từ 1998-2005 : Giám đốc XN phương nam thuộc công ty Xd Sao Mai .
  - Từ 2006- 2009 :Giám đốc BQL Dự án Sao Mai Bến Tre
  - Từ 2009- Nay : P.Tổng Giám đốc Cty Đầu tư & PT Du lịch - Thủy Sản (Trisedco).
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Trisedco
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu: 143.500 cổ phần, chiếm 0.63% vốn điều lệ trong đó:
  - Sở hữu : 143.500 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan :

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ(%)
Huỳnh Thị Lốc	Vợ	340908037	24.000	0,092
Phạm Thị Na	Chị	172277955	10.000	0,026
Phạm Đình Hùng	Anh	172252637	11.000	0,03

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

**e) Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng Giám đốc.**

- Số CMND : 352272634 Cấp ngày 11/ 08 / 2010 tại tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/09/ 1975
- Nơi sinh : Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hóa
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Dân Tộc : Kinh
- Quê quán : Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 46 G1- Đường Lê Hoàn - TP Long Xuyên tỉnh An Giang
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên : Kỹ thuật xây dựng
- Quá trình công tác :

- Từ 1997 - 2000 : Học tại Trường Xây dựng Miền Tây
- Từ 2000 - 2007 : Làm tại Cty Cp Đầu tư & Xây dựng Sao Mai An Giang
- Từ 2007 - 2010 : Làm tại Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI
- Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số lượng Cổ Phần sở hữu : 6.400 cổ phần, chiếm 0.02 % vốn điều lệ, trong đó:
  - Sở hữu : 6.400 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : Không có
- Các khoản nợ với Công ty : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn : Không có
- Những người có liên quan :

Họ tên	Mối Quan hệ ( <i>Cha, Mẹ, vợ, chồng, anh chị em ruột</i> )	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ
Lê Hồng Phong	Ba (mất)		
Lê Thị Thái	Mẹ	172802299	Không
Lý Thị Kim Hoa	Vợ	351485813	Không
Lê Văn Tình	Em	172321862	Không
Lê Văn Quyền	Em	172949720	Không

**f) Ông Đinh Hoài Ân – Giám đốc Tài chính**



- CMND số : 351156439 cấp ngày 17/11/2005 tại An Giang.
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 1973.
- Nơi sinh : An Giang.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Phú Lâm, Phú Tân, An Giang.
- Địa chỉ thường trú : Số 209, Lầu 1, Khu B, Chung cư Cồn Phó Quế, Điện Biên Phủ, TP Long Xuyên, An Giang.
- Trình độ học vấn : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính - kế toán.
- Quá trình công tác :
  - o Từ 1999 – 2000 : Công tác tại Trung tâm dịch vụ việc làm An Giang;
  - o Từ 2000 – 2001 : Nhân viên kế toán tại Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản AFIEX;

- o Từ 2002 – 2006 : Công tác tại Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- o Từ 2007 đến nay : Công tác tại IDI.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty : Giám đốc tài chính của IDI.
- Chức vụ tại các tổ chức khác:
  - o Trưởng BKS của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang;
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

**g) Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.**

- CMND số : 172620734 cấp ngày 10/04/2003 tại CA Thanh Hoá.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 04/03/1985
- Nơi sinh : Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hoá
- Địa chỉ thường trú : 333. ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
- Điện thoại : 01689.284.560
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng kế toán
- Quá trình công tác :
  - Từ 2007 – nay : Công tác tại phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**2.3 Ban kiểm soát**

**a) Bà Lê Thị Phượng – Trưởng ban.**



- CMND số : 171652200 cấp ngày 02/02/1996 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1980
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xuân Thịnh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 54G1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang.
- Điện thoại : 0938 700 699
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - o Từ 2004 -200: Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai;
  - o Từ 2007 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai
- Chức vụ công tác : Trưởng ban BKS Cty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư & XD Sao Mai.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có
  - o Sở hữu : Không có
  - o Đại diện sở hữu: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn : không có
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan :

Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
Lê Ngọc Xuyên	Cha	170774361	23.000	0,061

**b) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.**

- CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1984
- Nơi sinh : Long Điền B – Chợ Mới – An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Lai- H. Hà Trung – Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 34D3, Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
- Điện thoại : 0976 511 033
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:
  - Từ 2010 - Nay: Nhân viên kế toán Cty CP Đầu Tư & Xây dựng Sao Mai AG
- Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên kế toán Cty CP Đầu Tư & Xây dựng Sao Mai AG.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

**c) Bà Lê Thị Ngọc An – Ủy viên.**

- CMND số : 172341816 cấp ngày 24/10/2002 tại CA Thanh Hóa



- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 05/10/1986
- Nơi sinh : Thọ Phú – H.Triệu Sơn – Tỉnh Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thọ Phú – H.Triệu Sơn – Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, Đồng Tháp
- Điện thoại : 01253.637.569
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Kế toán
- Quá trình công tác : Từ 2010 - Nay: Nhân viên kế toán Công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản ( Trisedco )
- Chức Vụ công tác hiện nay : Nhân viên kế toán Công ty Trisedco
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

### III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

- Ông Trương Vĩnh Thành - Tổng Giám đốc xin chuyển về Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Ông Nguyễn Minh Dũng - Phó Tổng Giám đốc xin thôi việc.
- Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền - Kế toán trưởng xin chuyển về Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

### IV/ NGUỒN NHÂN LỰC

#### 4.1 Lực lượng lao động

Đối với IDI, nguồn nhân lực là nguồn tài sản vô giá, là yếu tố quyết định đến sự thành công. Để có được nguồn nhân lực giỏi, IDI phải tìm kiếm, lựa chọn và đào tạo.

Trong năm 2011, bằng những chính sách ưu đãi hấp dẫn, IDI đã thu hút và giữ được những kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề. Chính nguồn nhân lực này đã giúp công ty vượt qua khó khăn và phát triển bền vững.

Bên cạnh những chính sách đãi ngộ phù hợp, Ban lãnh đạo IDI cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như xây dựng nhà ăn thoáng mát, hợp vệ sinh; tổ chức ăn tập trung tại căn tin, hỗ trợ chi phí qua phà Vàm Cống, bố trí nhà ở cho CBCNV và người lao động của công ty để mọi người an tâm làm việc... Những chính sách đó ban đầu đã phát huy tác dụng, góp phần vào sự ổn định số lượng, nâng cao tay nghề của đại bộ phận công nhân đang làm việc tại nhà máy trong thời gian qua.

Tính đến hết năm 2011, IDI đã thu hút nhiều cán bộ có trình độ đại học, trên đại học, cao đẳng và trung cấp như sau :

BẢNG CẤU CẢU LAO ĐỘNG

Stt	Trình độ học vấn	Số lao động
1	Đại học và trên đại học	87
2	Cao đẳng	15
3	Trung cấp và kỹ thuật viên	44

4	Dưới trung cấp	62
5	Công nhân phổ thông	1.534
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.742</b>

Bên cạnh nguồn nhân lực chủ chốt, thì lực lượng lao động lành nghề khá quan trọng. Tại thời điểm cao nhất Công ty đã thu hút gần 1.600 công nhân lành nghề ở các khâu như tiếp nhận, file, tạo hình, xếp khuôn, thành phẩm, kho lạnh và vệ sinh, có độ tuổi từ 18 đến 30 tập trung chủ yếu ở Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ và Kiên Giang.

Dự kiến trong năm 2012, công ty sẽ cần tuyển thêm khoảng 1.000 công nhân và kỹ thuật lành nghề để đáp ứng công suất nhà máy 600 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày.

#### 4.2 Chính sách đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Lao Động về chế độ chính sách đối với người lao động, IDI còn có chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công nhân có trình độ và tay nghề. Đây là một yếu tố vô cùng quan trọng để thu hút và giữ chân lực lượng lao động giỏi, trong bối cảnh cạnh tranh rất gay gắt trên thị trường lao động trong ngành hiện nay. Những ngày đầu đi vào hoạt động, công ty đã chú trọng quan tâm đến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động, chăm lo đời sống cho CBCNV ngày một tốt hơn, đảm bảo thu nhập ở mức cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Thu nhập bình quân đối với CBCNV của IDI là gần 6 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 4 triệu đồng/người/tháng trong năm 2011. Đặc biệt, IDI còn có chính sách xây nhà tập thể cho cán bộ – nhân viên, tất cả công nhân phải ở nhà trọ hay phải qua phà, đò công ty cũng có chính sách hỗ trợ 100% phí. Đi đôi với việc hỗ trợ là chính sách thưởng trong những ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết nguyên đán. Mỗi tháng, công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

Tất cả CB-CNV đều được công ty đãi một suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục công ty được cung cấp đầy đủ mỗi năm. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.



Công nhân đang ăn trưa tại nhà ăn của Nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia

### 4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Xây dựng và cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

Tổ chức huấn luyện đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân. Sắp xếp bậc thợ, bậc lương cho phù hợp.

Thường xuyên phát động và tổ chức các phong trào thi đua trong sản xuất, phát huy sáng tạo, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm trong sản xuất, để nâng cao hơn nữa hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập cho người lao động.

Mục tiêu tuyển dụng là thu hút người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực, tuyển dụng những cán bộ trẻ có tay nghề cao bổ sung vào nguồn nhân lực cho công ty.

Công ty chú trọng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng các kỹ năng về HACCP, GMP và SQF, kỹ năng về quản lý, kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công nhân và nhân viên tại nhà máy sản xuất.

Đào tạo nhân viên mới sau khi tuyển dụng nhằm nắm rõ về nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

Đào tạo tại nơi làm việc, từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn, những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

Đào tạo không thường xuyên như khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho công ty hiệu quả hơn.

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia nhiệm kỳ 2008 – 2012 gồm 7 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, một phó chủ tịch HĐQT và 05 thành viên HĐQT. Trong đó, có 02 thành viên tham gia điều hành và 05 thành viên không tham gia điều hành.

Trong năm 2011 vừa qua, HĐQT công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn đảm bảo tỷ lệ 100%.

#### 1.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia nhiệm kỳ 2008 – 2012 có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên.

Trong năm 2011 vừa qua, Ban kiểm soát công ty đã tổ chức nhiều cuộc họp để kiểm tra và giải quyết các vấn đề của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần, trách nhiệm.

Tuy nhiên, một thành viên là trưởng ban (ông Phạm Đình Nam) và một thành viên là ủy viên (bà Lê Thị Tính) có đơn xin từ chức vì lý do sức khỏe và hoàn cảnh gia đình nên không đảm nhiệm tiếp công việc được. Và đã được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hai thành viên là bà Lê Thị Ngọc An và bà Nguyễn Thị Hương thay thế ngày 28/3/2011.

**II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG****2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% số cổ phần của IDI theo danh sách cổ đông được chốt vào ngày 21/01/2011 để lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số ĐKSH</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	4.927.117	12,97
2	Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang <i>Đại diện theo pháp luật/số lượng cổ phần: Ông Lê Thanh Thuần</i>	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54
3	Công ty CP Chứng khoán Thăng Long	05/GCNTVLK-1	Tầng 06, Tòa Nhà Toserco 273 Kim Mã, Ba Đình, HN	2.000.000	5,26
4	Nguyễn Băng Thương	013256480	BT 102 Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.	2.416.200	6,36
<b>Tổng cộng:</b>				<b>17.909.796</b>	<b>47,13</b>

**2.2 Danh sách cổ đông sáng lập**

Danh sách cổ đông sáng lập của IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 09/11/2010 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/01/2011 để lưu ký như sau:

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Số ĐKSH</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Lê Thanh Thuần	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	4.927.117	12,97
2	Công ty cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang <i>Đại diện theo pháp luật/số lượng cổ phần: Ông Lê Thanh Thuần</i>	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	8.566.479	22,54



3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ - TP.Long Xuyên - An Giang	483.480	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.Long Xuyên - An Giang	442.174	1,16
5	Lê Xuân Quế	233088390	647B/33. Trần Hưng Đạo - TP.Long Xuyên - An Giang	376.760	0,99
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu ĐTCC Sao Mai - Bình Khánh 3 - TP.Long Xuyên	14.700	0,04
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên - An Giang	6.400	0,02
8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.Long Xuyên - An Giang	143.500	0,38
9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai - Bình Khánh 3 - TP.Long Xuyên	43.000	0,11
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn - Thanh Hóa	51.720	0,14
11	Phạm Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hồ - TP.Long Xuyên - An Giang	49.280	0,13
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định - TP.Long Xuyên - An Giang	12.000	0,03
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hồ - TP.Long Xuyên - An Giang	178.185	0,47
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo - TP.Long Xuyên - An Giang	84.375	0,22
15	Lê Khắc Tám	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - TP.Long Xuyên - An Giang	266.740	0,7
<b>Tổng cộng:</b>				<b>15.645.910</b>	<b>41,17</b>

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy CNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”.

Đến thời điểm hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của IDI.



Đại hội cổ đông thường niên năm 2010

## 2.3 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông được chốt vào ngày 21/01/2011, cơ cấu cổ đông của IDI như sau:

### CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Đơn vị tính giá trị: 1.000 VND

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>I. Tổng số vốn thực góp</b>	<b>37.990.000</b>	<b>379.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000</b>	<b>100.000</b>	<b>0,03%</b>	<b>38.000.000</b>	<b>380.000.000</b>	<b>100%</b>
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>									
<b>2. Cổ đông nội bộ</b>	<b>7.154.005</b>	<b>71.540.050</b>	<b>18%</b>				<b>7.154.005</b>	<b>71.540.050</b>	<b>18%</b>
- Hội đồng quản trị	6.544.231	65.442.310	17%				6.544.231	65.442.310	17%
- Ban Giám đốc	466.274	4.662.740	1%				466.274	4.662.740	1%
- Kế toán trưởng									
- Ban Kiểm soát	143.500	1.435.000	0,4%				143.500	1.435.000	0,4%
<b>3. Cổ đông trong công ty:</b>	<b>755.220</b>	<b>7.552.200</b>	<b>2%</b>				<b>755.220</b>	<b>7.552.200</b>	<b>2%</b>
- Cổ phiếu quỹ									
- Cán bộ công nhân viên	755.220	7.552.200	2%				755.220	7.552.200	2%
<b>4. Cổ đông ngoài công ty:</b>	<b>30.537.649</b>	<b>305.376.490</b>	<b>80%</b>	<b>10.000</b>	<b>100.000</b>	<b>0,03%</b>	<b>30.547.649</b>	<b>305.476.490</b>	<b>80%</b>
- Cá nhân	18.649.170	186.491.700	49%	10.000	100.000	0,03%	18.659.170	186.591.700	49%
- Tổ chức	11.888.479	118.884.790	31%				11.888.479	118.884.790	31%

### CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)	SL cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng số vốn thực góp</b>	<b>37.990.000</b>	<b>379.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000</b>	<b>100.000</b>	<b>0,03%</b>	<b>38.000.000</b>	<b>380.000.000</b>	<b>100%</b>
Cổ đông sáng lập	15.645.910	156.459.100	41%				15.645.910	156.459.100	41%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	17.909.796	179.097.960	47%				17.909.796	179.097.960	47%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết.	11.266.800	112.668.000	30%	10.000	100.000	0,03%	11.276.800	112.768.000	30%

## 2.4 Doanh nghiệp nắm quyền kiểm soát đối với IDI

Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang

Vốn điều lệ : 397.362.020.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 39.736.202 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.

Địa chỉ : 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 18 ngày 29/03/2011.

Điện thoại : 076 3840 138

Fax: 076 3840 139.

Website : www.saomaiaig.vn

Email: thuansaomai@hotmail.com

Mã số thuế : 16001690241.

Đại diện theo Pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; San lấp mặt bằng; Xây lắp điện nước.
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác cát, sỏi; Sản xuất bột ma tít; Sản xuất mua bán trầm xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, nhà nghỉ dưỡng lão, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, kinh doanh phòng hát karaoke; Dịch vụ ăn uống, giải khát, các dịch vụ du lịch, dịch vụ massage; Dịch vụ và kinh doanh điện năng.
- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí, làm lạnh, kho lạnh, điều hòa trung tâm; Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động; Lắp đặt hệ thống bơm ống nước, điều hòa không khí; Lắp đặt các thiết bị điện lạnh, cơ điện lạnh và kho lạnh nhà máy thủy sản;
- Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh); Mua bán linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển;
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản; mua bán cá và thủy sản;
- Đào tạo nghề và đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý đổi ngoại tệ.

Trong đó, ngành nghề chính là đầu tư các dự án bất động sản.

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang chính thức niêm yết trên SGDC TP. HCM vào ngày 18/01/2010.

Tình hình góp vốn: Theo danh sách cổ đông được chốt tại ngày 21/01/2011, Công ty Sao Mai An Giang đang nắm giữ 22,54% trong tổng số cổ phần của IDI, tương đương 8.566.479 cổ phần.

Bên cạnh Sao Mai An Giang, đa số thành viên HĐQT và những người có liên quan của Sao Mai An Giang cũng đang nắm giữ cổ phần của IDI, tổng số cổ phần vượt trên 51% vốn điều lệ của IDI, vì vậy Sao Mai An Giang có thể được xem là doanh nghiệp chi phối của IDI.

## **2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát:**

a). Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco.

+ Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.

+ Tổng số cổ phần: 15.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.

+ Địa chỉ : Lô 10, đường số 06, khu Đô thị Sao Mai, Thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.



- + Thành lập ngày : 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 5 ngày 02/12/2011 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Xuân Quế Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh :
  - o San lấp mặt bằng.
  - o Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đường ống cấp thoát nước, giao thông.
  - o Khai thác, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng,
  - o Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát;
  - o Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
  - o Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí.
  - o Kinh doanh công viên cây xanh, công viên nước, vườn trại.
  - o Hoạt động vui chơi giải trí khác.
  - o Nuôi trồng thủy sản nội địa.
  - o Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
  - o Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
  - o Mua bán gạo, lúa, tấm, cám.
  - o Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.
  - o Mua bán phân bón, sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
  - o Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm.

Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2011	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2011	Tỷ lệ (%)
150.000.000.000	60.000.000.000	40%	68.000.000.000	45,33%

Sơ nét về tình hình hoạt động:

- o Trisedco được IDI góp vốn thành lập để đầu tư nhà máy chế biến phụ phẩm cá tra thành các sản phẩm có giá trị như bột cá, mỡ cá, . . .
- o Theo quy định, IDI chiếm 40% vốn điều lệ của đơn vị này. Tính đến ngày 31/12/2010, IDI đã góp đủ số vốn vào Trisedco.
- o Hiện tại, nhà máy của Trisedco – đặt tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống đã hoàn thiện và đi vào vận hành đầu quý 3/2010.
- o Hiện nhà máy chế biến phụ phẩm của Trisedco đã góp phần mang lại doanh thu và lợi nhuận cho IDI.

b). Công ty CP Đầu tư Địa ốc & Khoáng sản Châu Á – AIM.

- + Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày : 02/07/2010 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 02 ngày 02/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông Lê Văn Cảnh Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng công trình công nghiệp, cơ sở hạ tầng, thủy lợi.
- Bốc xếp hàng hóa, trồng cây ăn quả, trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Khai thác quặng bô xít.
- Xây dựng công trình dân dụng. Sản xuất sắt, thép, gang.
- Mua bán vật liệu xây dựng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Khai thác quặng sắt. Xây xát thóc lúa. Trồng cây cao su.
- Trồng cây có hạt chứa dầu. Xây dựng công trình giao thông.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.

Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2011	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2011	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000			11.219.500.000	20%

c). Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Tài chính – ASTAR.

- + Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 09 ngày 14/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông Bùi Cao Cường Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh :
  - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Bán buôn gạo.
  - Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng sắt.
  - Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.

Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2011	Tỷ lệ (%)	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2011	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000			30.000.000.000	25%

